

Số 135

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Lòng bi

Tr. 16

Cây ngô đồng
xứ Huế

Tr. 7

Cái gì là
lỗi cây...

Tr. 26



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương
Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

Thông tin địa chỉ xin liên hệ

Văn phòng đại diện cũ của HSG: 215 - 216 Lý Tự Trọng, Q.1, TP. HCM

Văn phòng đại diện mới của HSG: 94 - 96 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn

QUÁN CHAY

pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579

viet-art

HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HOA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 158/29 Nguyễn Văn Đậu, P. 7, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212
Email: vietartsupply@gmail.com

Đang phát hành

VĂN HÓA
P HẬT G I Á O

đóng bộ **Tập 1** năm 2011,
từ số 120 đến số 131
giá: 210.000đ/cuốn

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8,
quận 3, Tp. HCM.

☐ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO

☐ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

☐ ĐTDD: **0918 032 040**

☐ Email: thusuong69@gmail.com

VĂN HÓA
P HẬT G I Á O

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, ĐD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, ĐD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Tên tài khoản: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Nếu lãng quên lịch sử... (Nguyễn Cần)	3
Sương mai	6
Cây ngô đồng xứ Huế (Nguyễn Đình Niêm và Khánh Uyên)	7
Lễ hội Vu-lan - khởi nguyên và ý nghĩa văn hóa (Võ Minh Hải)	10
Trăm đường ngôn ngữ (Hoàng Tá Thích)	12
Cụ Nguyễn Du được an táng tại Bàu Đá hay Bàu Sắn? (Lê Trường Quỳnh)	14
Lòng bi (Nguyễn Thế Đăng)	16
Chuyến xe không có vé trở về (Phạm Thanh Chương)	18
Cái duyên thật diệu kỳ (Nguyễn Phước Thị Liên)	20
Jamin Ni sư Hàn Quốc công tác trong trại giam (Martine Batchelor, Diệu Liên Lý Thu Linh dịch)	22
Cái tâm mong cầu không được như ý (Zopa Rinpoche, Nguyễn Văn Nghệ dịch)	24
Cái gì là lỗi cây... (Nguyễn Đức)	26
Về quá trình hoạt động và phương hướng phát triển mới của Gia đình Phật tử Việt Nam (Thích Nguyên Thành)	29
Buồn vui tình lẻ (Cao Huy Hóa)	32
Một cách nhìn về nữ quyền và bình đẳng giới (Phan Minh Đức)	35
Nhịp điệu của đời sống (Sylvie Lapointe, Phạm Chánh Cần dịch)	38
Đường hoa (Thảo Nguyên)	40
Ngỗ (Ma Liêng)	42
Còn thơm phúc tới bây giờ (Huỳnh Kim Bửu)	44
Hồi ức về mẹ (Đông Vũ)	46
Tiếng chim trong vườn (Hà Thị Hạnh)	48
Mưa miền biên giới (Hoàng Thị Giang)	50
Ký ức "xe Con Gà" (Tường Linh)	51
Thơ	52
Lặng lẽ (truyện ngắn của Hoa Sầu Đông)	54
Chuyện ghi được ở chùa "mổ côi" (Song Anh)	56
Ra Hòn Nghệ viếng chùa Liên Tôn (Đặng Hoàng Thám)	59
Lời cảm ơn cuộc sống	61
Món chay: Canh rong biển (Hoàng Anh - Phú Xuân)	62

Bìa 1: Hoa ngô đồng mùa Hạ. Ảnh: Nguyễn Đình Niêm

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 135 này đến tay quý độc giả đúng vào ngày Vu-lan. Trên tinh thần Hiếu Hạnh Làm Đầu, xin cùng với quý độc giả thành tâm hướng về mọi lễ đài Vu-lan đang được tổ chức trên cả nước, dâng lên Đức Từ phụ những lời cầu nguyện thiết tha; mong sao các bậc phụ mẫu hiện tiền cũng như các bậc phụ mẫu quá vãng đều được hưởng pháp nhũ từ Tam bảo; mong sao chính chúng ta luôn biết chuyển hóa để tẩy thân, thanh tâm, tịnh ý hướng đến việc đền đáp tứ trọng ân, nhất là ơn quốc gia xã hội và ơn vạn loại chúng sinh. Với ý hướng đó, trong số báo này, chúng tôi tiếp tục chuyển tải một số bài viết thể hiện cảm nhận về ngày lễ Vu-lan của người con Phật, đã được các vị cộng tác viên gửi đến cho số đặc biệt.

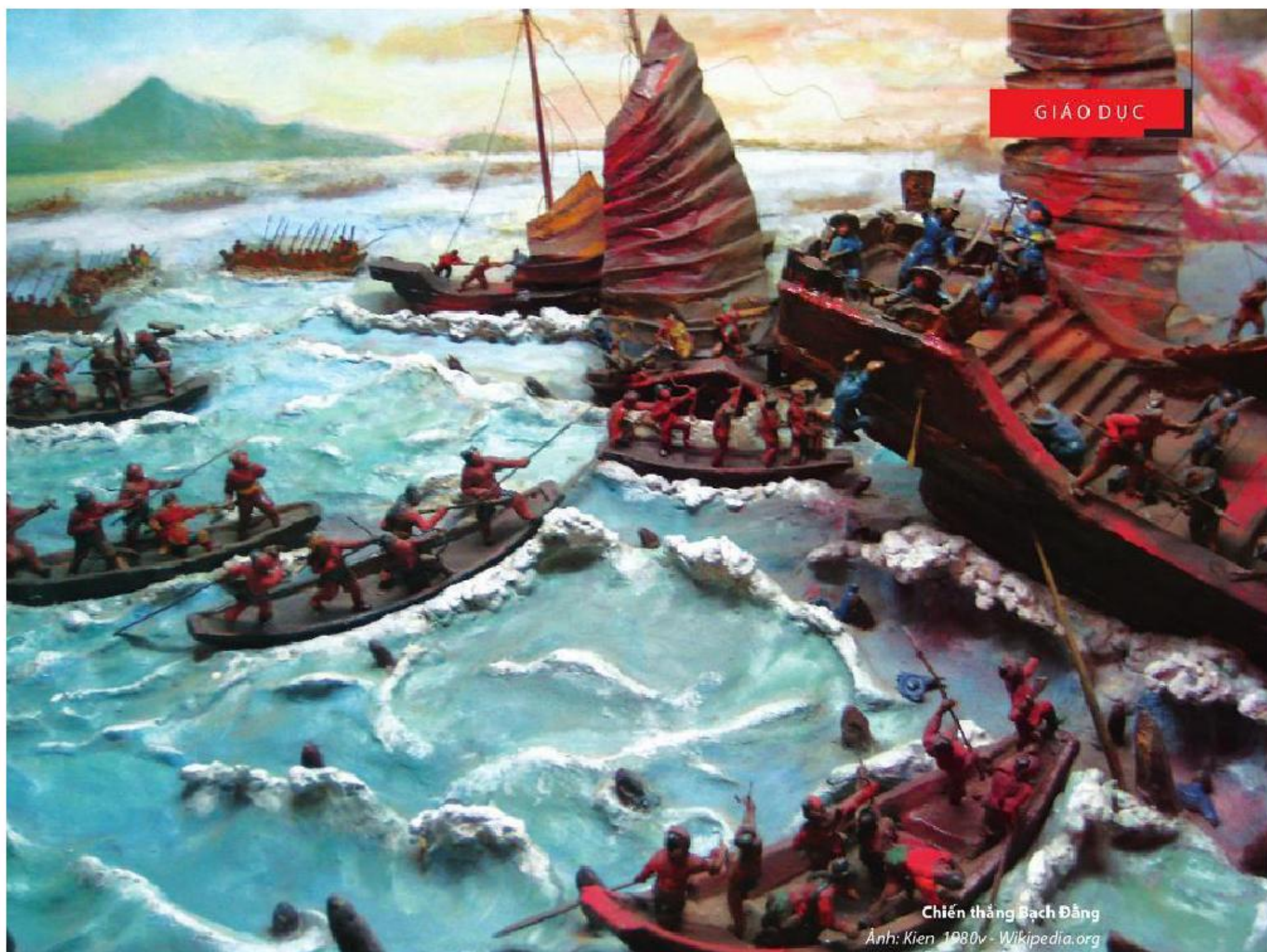
Nhân mùa Vu-lan, tòa soạn đã nhận được rất nhiều thư từ bài vở từ quý vị độc giả và quý vị cộng tác viên gửi đến. Ban Biên tập cùng toàn thể nhân viên VHPG xin chân thành cảm ơn về những lời chúc tốt đẹp nhất đã được quý vị dành cho tạp chí. Về bài vở cộng tác, ngoài những bài gửi về bằng thư điện tử, vừa qua chúng tôi nhận được khá nhiều bài viết trình bày trên giấy, có khi đã được đánh máy sẵn, có khi được viết tay gửi đến tòa soạn qua đường bưu điện. Hoàn toàn thông cảm với quý vị lớn tuổi không quen sử dụng phương tiện điện toán, chúng tôi vẫn sẵn lòng đánh máy lại những bài được chọn để có thể đưa vào trang báo. Tất nhiên điều đó khiến chúng tôi mất thêm thời gian. Vì thế, nếu là bài cộng tác, chúng tôi vẫn mong được tiếp nhận thông qua hệ thống thư điện tử theo địa chỉ vanhoaphatgiao@vnn.vn. Cũng xin lưu ý rằng bài viết nên thống nhất dùng font chữ Times New Roman trên nền Unicode và xin ghi rõ địa chỉ địa lý, địa chỉ thư điện tử, cùng số điện thoại của tác giả ở cuối bài viết để chúng tôi tiện liên lạc khi cần.

Cùng với số báo này, chúng tôi xin thông báo là Văn Hóa Phật Giáo đóng tập tập 1 năm 2011 cũng đang được phát hành. Vì số lượng báo đóng tập chỉ có hạn, kính mời quý độc giả có nhu cầu lưu trữ báo đóng tập, sớm liên lạc với bộ phận phát hành để đăng ký.

Với nỗ lực tinh tấn của người con Phật quyết tâm giữ gìn hiếu hạnh và đền đáp tứ trọng ân, xin thành tâm kính chúc quý độc giả được tràn đầy pháp lạc nhân ngày Vu-lan.

Văn Hóa Phật Giáo





Nếu lãng quên lịch sử...

NGUYỄN CẦN

Tuần trước, trong lúc trò chuyện ngoài lề với một nhà kinh tế người Mỹ sau buổi làm việc, khi tình cờ đề cập đến một số tình hình chung và riêng trên thế giới và ở Việt Nam, đặc biệt là những diễn biến gần đây về sóng gió Biển Đông, ông ta nhận định: “Nếu không học lịch sử, người ta sẽ lặp lại sai lầm. Các nhà lãnh đạo, nước lớn cũng như nước nhỏ, phải nhớ rằng kẻ dấy lên can qua bao giờ cũng thất bại dù lúc khởi đầu cuộc chiến có mạnh đến đâu đi nữa. Hãy đọc lại lịch sử những cuộc chiến, từ Thành-cát Tư-hân đến Napoléon, hay gần đây là Thế chiến I và II”.

Một thảm họa thi cử?

Chợt liên tưởng đến kỳ thi vào đại học năm nay với hàng nghìn bài thi môn Sử bị điểm 0 khiến dư luận xã hội và cả những người trong ngành giáo dục đều một lần nữa sửng sốt đến mức bàng hoàng. Có người còn nhấn mạnh “Đây là vấn đề nhức nhối của thời đại”.

Vì sao ư? Đã có nhiều nguyên nhân được nêu ra. Rằng sử chỉ là môn phụ; rằng học sinh dành công sức học tập cho các môn toán lý hóa nhiều quá, không có thì giờ học bài. Có người còn thực tế hơn, như một vị phụ huynh ở Hà Nội được báo *Dân Trí* dẫn lời, cho rằng muốn sau này con em có công việc ổn định thì phải



định hướng cho chúng học các môn thi khối A hoặc khối D để còn có thể thi được nhiều trường đại học; chứ những môn xã hội như *Lịch sử* thì ngàn đời cũng chỉ thế, và có ai bịa thêm lịch sử đâu mà phải học nhiều. Báo *Dân Trí* cũng nêu lên nhận định bi quan của một vị giáo viên dạy sử ở Trường Trung học phổ thông Thanh Chương tỉnh Nghệ An rằng chính việc phải học quá nhiều về văn, toán, và ngoại ngữ đã khiến học sinh chỉ học sử để đối phó với thi cử; chứ nhận thức học sử để làm gì thì chẳng bao giờ các em quan tâm, và mặc dù giáo viên đã hết sức cố gắng truyền tải kiến thức lịch sử cho các em thì sự thờ ơ của nhiều học sinh khiến cho giáo viên có nhiệt huyết lắm rồi có lúc cũng có ngày chán.

Thực ra, tình trạng xã hội thờ ơ với môn lịch sử không phải là điều mới lạ và đã được báo chí nói đến từ năm 2005. Báo *Đại Đoàn Kết* số ra ngày 2-8-2011 dẫn báo *Tuổi Trẻ* ngày 4-8-2005 cho biết kỳ thi đại học năm ấy có tới 59% thí sinh dự thi vào khối C đạt điểm thi môn sử dưới 1 và chỉ có 9,7% số bài làm môn sử được điểm trên trung bình. Bài báo cũng nhắc lại rằng lúc bấy giờ giới chức giáo dục tại TP.HCM đã phải tổ chức hội thảo về thực trạng và giải pháp cho việc dạy sử học sử trong trường phổ thông, nhưng rồi căn bệnh nan y “thờ ơ với Sử” vẫn ngày càng trầm trọng.

Lý giải về hiện tượng trên, bên cạnh những ý kiến cho rằng nguyên do nằm ở chỗ sử chỉ là môn phụ, các nhà chuyên môn đã nhìn sâu hơn vào thực chất của việc dạy và học môn sử. Nhà sử học Dương Trung Quốc cho rằng lâu nay nền giáo dục chỉ quan tâm đến lịch sử theo kiểu đánh đổ trí nhớ. Chắc hẳn ông cho rằng việc bắt học trò phải nhớ dữ kiện, số liệu, ngày tháng... là điều lãng phí vì “... *Lịch sử không phải chỉ là nhớ, vì bây giờ chúng ta có nhiều phương tiện, có thể tra cứu bất cứ lúc nào*”. Ông nêu lên quan điểm “... nên coi sử học là ngụ ngôn chứ không

phải là trí thức chính xác... Ngụ ngôn là để các em hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của các sự kiện lịch sử. Sử học có hai thuộc tính rất quan trọng, đó là sự trung thực và công bằng. Cần thực sự công bằng trong đánh giá từng giai đoạn lịch sử để hấp dẫn học sinh, còn nếu chỉ lài nhai những điều mà các em chưa tin thì sử học sẽ không thể hấp dẫn, thay vào đó lại là sự khổ sai về trí nhớ”. Giáo sư Đinh Xuân Lâm, một người có thâm niên 60 năm dạy sử đã đưa ra một cái nhìn của người trong cuộc. Ông phân tích: “Nguyên nhân thì có rất nhiều và đều đã được đề cập từ lâu. Khách quan để đánh giá, xã hội hiện tại là xã hội kinh tế thị trường... mới ở dạng chưa ổn định, nên các ngành khoa học xã hội, đặc biệt là môn lịch sử, không được đánh giá đúng giá trị của nó... Về phía các nhà hoạch định chính sách và quản lý giáo dục, môn lịch sử không được coi như một môn khoa học có tính giáo dục tình cảm con người: lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, đạo đức của các bậc tiền nhân...” từ đó, ông chỉ ra rằng “... chúng ta đang hiểu sai về môn lịch sử. Đó không phải là một môn giáo dục, tuyên truyền chính trị thông qua các sự kiện và con số, mà là một môn khoa học với tất cả sự hấp dẫn và khó khăn của nó... Tôi dạy sử hơn nửa thế kỷ, tôi biết trẻ em lứa nào cũng yêu thích môn lịch sử. Chính người lớn làm cho chúng hết yêu[sử]”. Từ nhận định đó, ông đề nghị: “... Chúng ta cần phải viết một bộ sách giáo khoa lịch sử theo yêu cầu của thời đại, với tinh thần hòa nhập và đổi mới. Chương trình cũ của chúng ta chỉ thích hợp với một giai đoạn lịch sử nhất định, trong thời chiến tranh mà thôi...”.

Trước thực tế trên, Bộ Giáo dục-Đào tạo chỉ đưa ra một thông tri khá đơn giản, gửi đến báo *Tuổi Trẻ*, rằng “... Đây là một thực tế không thể xem nhẹ...” và đưa ra hướng khắc phục khá... mơ hồ “Bộ sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm giải pháp, chỉ đạo khắc phục tình trạng trên, đồng thời tiếp thu ý kiến công luận qua các hội thảo”.

Đi tìm cành olive đã mất

Nói một cách hình tượng thì phải chăng, giống như một bộ phận giới trẻ phương Tây, các em học sinh Việt Nam cũng đang chạy theo chiếc Lexus mà bỏ quên cành olive, đến nỗi tác giả Thomas Friedman đã phải viết trong tác phẩm *The Lexus and the Olive tree*, để nhắc nhở rằng “... olive là loại cây quan trọng. Chúng đại diện cho những gì là gốc rễ của chúng ta, che chở cho chúng ta và đưa chúng ta vào thế giới này – dù cho chúng là tài sản của một gia đình, một cộng đồng, một bộ tộc, một đất nước, một tôn giáo, hay một nơi được gọi là quê hương. Cành olive cho ta mái ấm gia đình, niềm vui cá nhân, sự gắn gũi trong quan hệ giữa con người... khái niệm quốc gia không bao giờ mất đi, ngay cả khi chúng suy yếu, cũng chính là cây olive - cách diễn đạt tối thượng nguồn gốc của chúng ta về ngôn ngữ, địa lý và lịch sử. Đứng một mình, bạn không thể nào là một con người hoàn chỉnh. Một mình, bạn có thể là một nhà thông thái. Một mình, bạn có thể là một người giàu có. Nhưng bạn không bao giờ là người hoàn chỉnh nếu đứng một mình. Bạn phải là người có cội nguồn và là phần không tách khỏi của một vườn cây olive nào đó”. Trong khi vẫn có quan niệm cho rằng người phương Tây luôn hướng tới phía trước không để ý tới nguồn gốc, thì đoạn trích từ Thomas Friedman ở trên cho thấy họ vẫn luôn quan tâm đến việc “gìn vàng giữ ngọc”.

Nhìn về phương Đông, ta thấy người Nhật cũng không ngừng nhắc nhở nhau tìm kiếm linh hồn tập thể của họ. Điều đó có thể thấy trong bài viết *Hồn Nước của Châu Sa* được đăng trên *Văn Hóa Phật Giáo* số 36 phát hành ngày 1-7-2007 khi tác giả nhắc đến quyển sách *Phẩm cách quốc gia* của Mashahiko Fujiwara, trong đó, nhà học giả người Nhật này đã cố gắng đánh thức dân Nhật đừng chạy theo văn minh Tây phương một cách mù quáng mà phải quay về với tâm linh, với truyền thống văn hóa tốt đẹp của mình. Mặc dù quan điểm của Mashahiko Fujiwara cũng bị một số người phê phán vì ông kêu gọi dân Nhật trở lại sống với luân lý Võ sĩ đạo, quyển sách của ông cũng nói lên được nỗi thao thức bồn khoăn trong việc tìm về nguồn cội, tìm về lịch sử dân tộc. Trái lại, ở ta, cứ theo cái đà này thì bản sắc văn hóa sẽ trở thành nhạt nhòa nếu môn Lịch sử không còn ý nghĩa thiêng liêng với các em học sinh, và tệ hơn nữa, với cả những người làm công tác giáo dục và quản lý giáo dục.

Dạy sử chính là dạy lòng yêu nước

Ai cũng hiểu rằng lịch sử nhắc nhở cho mọi người biết mình là ai trong thế giới này. Học lịch sử là học về những nỗi thăng trầm của cả một khối người trong dòng thời gian, từ lúc họ bắt đầu sống quần tụ với nhau trên cùng một vùng đất với những khó khăn gian khổ của việc dựng nước, đến lúc vùng đất ấy phát triển thành một quốc gia, có cương vực, có định chế; trong dòng thời gian ấy, có lúc thất bại nhục nhằn, có

khi thành công vinh quang, nhưng những con người đã sống quần tụ thành quốc gia dân tộc luôn luôn có một mục đích chung để hướng tới, là xây dựng một đất nước giàu và đẹp, một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Lịch sử là như vậy thì hấp dẫn lắm chứ. Và chắc hẳn không thể nào phản bác lời của Giáo sư Đinh Xuân Lâm được trích ở trên, rằng với hơn nửa thế kỷ dạy sử, ông khẳng định trẻ em lứa nào cũng yêu sử; mà chính là người lớn đã làm cho trẻ em hết yêu sử.

Như vậy, mọi người có thể phê phán phương pháp, nội dung chương trình; nhưng phải nhớ rằng chính những người lớn, những bậc cha anh đi trước, phải là những người thấp sáng sự yêu thích của con em chúng ta đối với môn lịch sử.

Tất nhiên, trong gia đình, các bậc cha mẹ vẫn có thể kể cho con em mình nghe những câu chuyện về Lý Thường Kiệt phá Tống bình Chiêm, về Trần Quốc Toản bóp nát trái cam trong tay mà không biết khi không được dự hội nghị kháng Nguyên ở Bình Than, về Phạm Ngũ Lão ngồi đàn sọt mài mề nghĩ việc nước mà không hay ngọn giáo đâm xuyên đùi... Thế nhưng, nếu lúc tiếp xúc với thực tế học đường mà các em không tiếp tục được truyền lửa bằng cách tiếp cận lịch sử theo hướng ngụ ngôn để hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của các sự kiện lịch sử mà lại cứ bị nhồi nhét những con số, những chi tiết dữ kiện, thì lòng yêu sử của các em đã được gia đình nhen nhóm cũng sẽ nhạt mất. Chưa kể, các phương tiện truyền thông đại chúng đã làm gì để học sinh ngày nay biết nhiều về Càn Long, Khang Hy, Phổ Nghi hay Bao Chửng, Nhạc Phi, Tần Cối hơn là những bậc tiền nhân như Trần Nhân Tông, Lê Lợi, Quang Trung và Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm...? Học sử là học để yêu dân tộc và dạy sử chính là dạy lòng yêu nước. Dạy sử một cách khách quan không thiên kiến, tạo cơ hội cho học sinh phát triển tư duy lý luận thì môn sử sẽ trở thành hấp dẫn. Ngược lại, nếu cứ nhồi nhét thật nhiều dữ kiện với hàng loạt những số liệu chưa thật cần thiết rồi đòi hỏi học sinh nhớ thuộc lòng như vẹt thì chắc chắn không thể cuốn hút được. Mặt khác, cũng cần phải làm thế nào để các thầy cô giáo có không gian và thời gian gợi trao kiến thức bên ngoài bài giảng để lồng vào đó những tình cảm chân thực và có một cái nhìn tổng hợp về lịch sử. Nếu không, bài học lịch sử chỉ mãi mãi là những trang báo cáo chiến công và thành tích.

Chúng ta luôn mong muốn học sinh của chúng ta biết suy nghĩ trung thực, biết đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu của đất nước mình, của dân tộc mình để vươn lên trong gian khó như hình ảnh quốc hoa – đoá sen trong bùn – thì, hơn bao giờ hết, việc đổi mới cách dạy sử và học sử là một yêu cầu cấp thiết, là mệnh lệnh của thời đại và là thước đo đánh giá toàn bộ nền giáo dục trong sự nghiệp trồng người. Nếu không làm được hay làm chậm trễ, chúng ta sẽ lặp lại sai lầm. ■

***Nghiệp ác dứt hẳn, thiện nghiệp tràn đầy thì thường
được thân cận chư Phật, chư Bồ-tát và hàng Thánh giả.***

Kinh Mười Thiện Nghiệp

Cây ngô đồng xứ Huế

NGUYỄN ĐÌNH NIÊM và KHÁNH UYÊN

1 Hai tiếng ngô đồng nghe hết sức nôm na, thế nhưng đó lại không phải là những từ thuần Việt mà là âm Hán-Việt của hai chữ 梧桐 (ngô đồng), tên của một loại cây có xuất xứ miền Nam Trung Quốc. Cây ngô đồng được nhiều người biết đến chủ yếu là qua thi ca, cả thi ca Trung Quốc và thi ca Việt Nam. Được nhắc đến nhiều nhất là hai câu cổ thi, *Ngô đồng nhất điệp lạc, Thiên hạ công tri thu* (Một lá ngô đồng rơi rụng xuống; Mọi người đều biết tiết thu sang). Đời Đường, nhà thơ

Vương Xương Linh khi nói về mùa thu trong cung Trường Tín, một hậu cung thời nhà Hán, đã có những câu thơ thiết, *Kim tình ngô đồng thu điệp hoàng, Châu liêm bất quyển dạ lai sương* (Bên giếng, ngô đồng thu vàng lá; Rèm châu không cuốn mặc sương vào); trong bài *Thu hứng* thứ tám, nhà thơ Đỗ Phủ cũng nhắc tới cây ngô đồng qua hai câu *Hương đạo trác dư anh vũ lạc, Bích ngô thê lão phụng hoàng chi*. (Hạt thơm anh vũ ăn rồi nhả; Cành ngô biếc đậu phượng hoàng già). Trong thi ca Việt Nam, có lẽ cây ngô đồng được nhắc tới sớm

nhất là trong bài ca dao sau đây: *Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa; Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh; Ai lên phủ Lạng cùng anh, Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này; Chùa này có một ông thầy; Có hòn đá tảng có cây ngô đồng; Cây ngô đồng không trồng mà mọc; Hòn đá tảng không đắp mà cao; Sông kia chẳng có ai đào mà sâu* nói về vùng Đồng Đăng Kỳ Lừa, có lẽ xuất hiện dưới thời nhà Mạc khi Mạc Mậu Hợp khai phá xứ Lạng Sơn. Nhà thơ Nguyễn Du trong truyện *Kiều* cũng nói tới cây ngô đồng trong những câu *Nửa năm hơi tiếng vừa quen, sân ngô cành biếc đã chen lá vàng hay Thú quê thuần hức bén mùi, Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô*. Khi viết *Văn tế thập loại chúng sinh*, tác giả truyện *Kiều* cũng nói tới lá ngô đồng trong *Ngàn lau dậm bạc, lá ngô đồng vàng*. Sang đến thế kỷ 20, trong bài thơ mang tựa là *Tỳ bà* có 28 câu mỗi câu bảy chữ dùng toàn văn bằng của nhà thơ trong phong trào thơ mới Bích Khê cũng có nói tới cây ngô đồng ở hai câu kết, *Ơ hay, buồn vương cây ngô đồng – Vàng rơi! vàng rơi, thu mệnh mỏng*. Nói chung, hình ảnh cây ngô đồng trong thi ca là hình ảnh của mùa thu.

2. Theo các tài liệu xưa thì vị vua thứ hai đời nhà Nguyễn là Thánh tổ Nhân hoàng đế Minh Mạng rất thích cây ngô đồng. Sách cho biết, khi có được hai cây ngô đồng mang từ Quảng Đông về thì nhà vua liền cho trồng ở hai góc của điện Cần Chánh trong Đại nội. Sau đó, nhà vua lại sức cho Bộ Công chọn người thông hiểu cây cỏ mang theo lá cây làm mẫu lên vùng rừng núi Trường Sơn tìm cây mang về trồng thêm ở các góc điện, vì lẽ ở Việt Nam, các vùng ven núi đều có bóng dáng cây ngô đồng. Không những thế, khi cho đúc cửa đình để "... tỏ ra ngôi vị đã đúng, danh mệnh đã tự lại..." nhằm tượng trưng cho đế nghiệp bền vững của nhà Nguyễn, vua Minh Mạng đã cho chạm khắc trên chiếc đình mang thụy hiệu của mình, tức là Nhân đình, các họa tiết thể hiện cây ngô đồng mà theo các nhà nghiên cứu thì họa tiết đó chính là hình ảnh cây ngô đồng được trồng ở góc điện Cần Chánh vào lúc cây ngô đồng còn trẻ, lá cây còn ở dạng có 5 thùy. Vì lẽ đó, hình như không một thành phố nào ở Việt Nam lại có nhiều cây ngô đồng được trồng hơn là ở xứ Huế; và cũng không nơi nào trên nước ta, người dân quan tâm đến cây ngô đồng hơn là người dân vùng cố đô. Đã có nhiều bài viết nói tới cây ngô đồng hoặc nghiên cứu về cây ngô đồng, phần lớn đều của các tác giả người Huế.



3. Các nhà nghiên cứu về thực vật học cho biết núi rừng Việt Nam có nhiều loài cây thuộc họ Trôm (tên khoa học là Sterculiaceae) vốn mang hình thái gần giống với cây ngô đồng ở Huế khiến nhiều người nhầm lẫn. Giống cây ngô đồng hiện có mặt tại Huế được nhiều người thống nhất rằng chúng thuộc họ Firmiana simplex, nghĩa là cây ngô đồng Trung Quốc được người Tây phương gọi là Chinese Parasol Tree; parasol là cái lọng hay cái dù, có tác dụng che ánh mặt trời lấy bóng mát, mặc dù thực ra cây ngô đồng không có tác dụng ấy. Trong bài viết đăng trên tạp chí *Nghiên Cứu Huế* do Trung tâm Nghiên cứu Huế xuất bản tháng 12 năm 2003, tác giả Đỗ Xuân Cẩm cho biết giống cây ngô đồng ở Huế có hai kiểu lá; vào thời gian đầu của thời kỳ sinh trưởng thì lá trên cây hầu hết đều ở dạng có 5 thùy; đến khi cây trưởng thành thì lá chỉ còn ba thùy hoặc không phân thùy. Trong khi có tác giả nghĩ rằng họa tiết thể hiện cây ngô đồng trên thành Nhân đình được mô phỏng theo hình vẽ ở các sách thực vật học Trung Quốc thì tác giả Đỗ Xuân Cẩm lại xác nhận rằng đó là nghệ nhân căn cứ vào thực tế cây ngô đồng trồng ở điện Cẩn Chánh, lúc ấy cây còn non. Phân tích sâu hơn, Đỗ Xuân Cẩm cho biết ngô đồng có hai loại, một loại mọc tự nhiên ở rừng Việt Nam thuộc chi Firmiana simplex phân bố tự nhiên từ Nghệ An trở ra đến các tỉnh miền Nam Trung Quốc, một loại khác là Firmiana colorata Roxb được gọi là ngô đồng đỏ; cả hai chi ngô đồng này đều ra hoa vào khoảng tháng Bảy âm lịch; và trước khi ra hoa, toàn bộ lá ngô đồng lần lượt rụng hết, vì thế mà người ta bảo khi lá ngô đồng rụng thì mọi người đều biết mùa thu đang tới. Các tài liệu đều thống nhất rằng thuộc cả hai chi này, hoa ngô đồng thường tập hợp thành chùm đầy lông có màu trắng hay màu vàng. Trong khi đó, chùm hoa ngô đồng ở Huế có đài hoa có lông phủ màu tím cho nên khi hoa nở rộ vào khoảng trung tuần tháng Hai âm lịch, cả cây ngô đồng được bao phủ bởi một mảng màu hồng tím rất đẹp. Tác giả Đỗ Xuân Cẩm cho rằng cây ngô đồng ở Huế là một biến thể của chi Firmiana simplex với đề nghị

hãy gọi chúng là "ngô đồng Huế". Nhìn chung, nhiều tác giả nghiên cứu đều chỉ ra rằng những loại cây tương tự như cây *vông đồng*, cây *vông nem*, cây *vông vang*, cây *độc bình*, cây *mã đậu* mà có nơi gọi là *bã đậu*,... đều không phải là cây ngô đồng mà hiện chúng ta đang nói đến, mặc dù nhiều nơi vẫn còn nhầm lẫn về tên gọi.

4. Danh tiếng của cây ngô đồng Huế quả thật đã kéo khá nhiều người đến Huế vào giữa mùa xuân

để chiêm ngưỡng hoa ngô đồng. Có người nhận định thực ra cây ngô đồng có dáng không đẹp lắm; tàng thưa, lá ít, tán lá không đủ che bóng mát. Tuy nhiên, vào lúc lá trên cây rụng hết nhường chỗ cho hoa ngô đồng khoe sắc tím thì cùng lúc tất cả những cây ngô đồng sau lưng điện Thái Hòa đều đồng loạt trở hoa tạo thành những tán màu lung linh rực rỡ, lộng lẫy nghiêng mình xuống các mái lầu duyên dáng, những cung điện nguy nga... tạo nên một khung cảnh huyền hoặc tuyệt vời. Có người cho rằng chiêm ngưỡng cây ngô đồng đúng lúc nhất là khi hoa đã nở rộ trong nắng ấm buổi sáng; so sánh hình ảnh những bông ngô đồng hợp thành một tấm màn hoa màu hồng phấn pha tím nhạt như đuôi con chim phượng đang đưa trong nắng gió nhiệt đới rồi liên tưởng đến những nàng cung nữ đang trình diễn những điệu múa duyên dáng trước mặt đấng quân vương. Có lẽ hình ảnh lộng lẫy của hoa ngô đồng được tăng thêm nét huyền hoặc chính nhờ khung cảnh u mặc của cung đình Huế; mặt khác, nét trầm buồn của xứ Huế được màu sắc rực rỡ của hoa ngô đồng làm cho cái cổ kính của cố đô càng thêm lung linh. Có thể nói là cây ngô đồng đã có được một chốn đắc địa để khoe sắc. Và cũng vì thế, việc người dân xứ Huế quan tâm đến cây ngô đồng là điều tất nhiên.

5. Từ những cây ngô đồng đầu tiên đến ngụ cư ở góc điện Cẩn Chánh trong Đại nội Huế, đã có nhiều cây ngô đồng được nhân ra, được trồng mới ở nhiều lăng tẩm đến đài. Dưới thời Pháp thuộc, có một cây ngô đồng được trồng ngay lối vào công viên Tứ Tượng trước khách sạn Saigon Morin trên đường Lê Lợi nhưng đã bị cơn lốc năm 1985 quật ngã. Ngày nay, cũng ở công viên Tứ Tượng, đã có thêm hai cây ngô đồng; một cây vươn cao vượt hẳn những loài cây chung quanh được trồng sát trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố Huế, một cây nhỏ hơn mới được trồng lại ngay cổng vào công viên. Tại công viên Thương Bạc, về phía cầu Tràng Tiền, có cả một cụm ngô đồng gồm sáu cây; trong đó, cây cao nhất già nhất ở gần cầu Phú Xuân đã được trồng từ thời ông Nguyễn Kỳ Sơn làm Giám đốc Công trình Công cộng; năm cây còn lại được ông Phan Đình Ngôn, Giám đốc Công ty Công viên cây xanh cho trồng về sau này nhưng đến nay cũng đã được chục năm và có cây đã bắt đầu trở hoa. Đã có những nghiên cứu và đề nghị về việc trồng thêm cây ngô đồng trong thành phố Huế.

Với bao danh lam thắng cảnh, với núi Ngự sông Hương thơ mộng, với lăng tẩm đến đài cổ kính, với không khí u mặc của một cố đô, việc cây ngô đồng được nhân rộng, được trồng quanh vòng thành của Đại nội và dọc theo hai bên bờ sông Hương, Huế sẽ có thể có thêm một nét duyên mới tạo thành một đặc trưng rất Huế, bằng công sức bảo tồn và chăm sóc của con người chứ chẳng phải... không trồng mà mọc. ■





Lễ hội Vu - lan

khởi nguyên và ý nghĩa văn hóa

VÔ MINH HẢI

1. Khởi nguyên của lễ Vu lan

Lễ hội Vu-lan bốn (hay Vu-lan bốn hội 盂蘭盆會, Vu-lan tiết 盂蘭節) là một khái niệm của khu vực Phật giáo Hán ngữ, khởi nguyên có từ trong kinh tạng của Phật giáo. Hai chữ Vu-lan 盂蘭 được chuyển dịch tắt từ chữ

Ullambana trong tiếng Phạn, được người Trung Quốc phiên âm là 烏藍婆拏, người Việt căn cứ theo mặt chữ, đọc cụm từ này theo âm Hán-Việt là *Ô lam bà na*; hàm nghĩa của cụm từ này là hiếu thuận, cúng dường, báo ân, cứu đảo huyền, giải thoát sự thống khổ. Danh từ

Ullambana có gốc động từ *Ud-vlamb*, nghĩa là “treo (ngược) lên”. Do đó, các nhà ngôn ngữ Trung Quốc đã dịch thành “đảo huyền 倒懸” và gia tăng thêm hàm nghĩa “cứu đảo huyền chi khổ 救倒懸之苦”, tức là cứu nỗi khổ đau bị sa đọa trong địa ngục. Từ *Bồn* 盆 là chữ Hán, có nghĩa là cái chậu, đồ dùng để chứa đựng.

Theo những điều ghi chép trong *Phật thuyết Vu-lan bốn kinh* (佛說盂蘭盆經), để báo đáp công ơn sinh thành, hằng năm, vào ngày Rằm tháng Bảy âm lịch, người ta tổ chức những nghi lễ cúng tế của Phật giáo nhằm siêu độ vong linh cho cha mẹ, ông bà tổ tiên và những vong hồn còn vất vưởng nơi cõi tạm. Dựa theo tích truyện được ghi chép trong bộ *Vu-lan bốn kinh* 盂蘭盆經 do pháp sư Trúc Pháp Hộ 竺法護 (đời Tây Tấn 西晉) dịch, tập tục này có liên quan đến vị đại đệ tử nhà Phật là Mục-kiền-liên tôn giả 目犍連尊者, vì cứu người mẹ bị đọa trong địa ngục mà tìm đến Đức Phật tham vấn cách siêu độ. Đó là nội dung cơ bản của tích “Mục-liên cứu mẫu 目連救母”.

2. Lễ hội Vu lan và tiết Trung nguyên của Đạo giáo

Về nguồn gốc, tết Trung nguyên 中元 của Đạo giáo 道教 và lễ hội Vu-lan khởi nguyên không giống nhau nhưng lại trùng khớp về thời gian là ngày Rằm tháng Bảy âm lịch hằng năm. Cả hai lễ tiết đều là những hình thức kỷ niệm, cúng tế. Vào ngày này, các chùa chiền, đạo quán đều có những hoạt động kỷ niệm phong phú và đa dạng, trong đó nổi bật nhất là thả đèn hoa sen (phóng liên đăng 放蓮燈). Trong không gian tối tăm và mờ ảo tượng trưng cho dòng sông vô minh của nhân gian, ánh sáng của đèn hoa sen từ từ trôi xa và dần lan tỏa; toàn bộ hình thức thể hiện này mang một ngụ ý tinh thần, biểu thị đạo pháp uy lực vô biên, có thể siêu độ cho các cô quỷ đang lưu lạc.

Theo văn hóa Trung Hoa, ngày Rằm tháng Bảy âm lịch cũng là *Trung nguyên tiết* 中元節, lễ tiết này bắt nguồn từ trong Đạo tạng 道藏, vì thế nó được xem là một trong *Tam nguyên* 三元. Đạo giáo lấy Thiên 天, Địa 地, Thủy 水 làm *Tam nguyên* 三元, cũng gọi là *Tam quan* 三官. Du Hương Thuận 俞香順, trong cuốn *Trung Quốc Hà Hoa Thẩm Mỹ Văn Hóa Nghiên Cứu* 中國荷花審美文化研究, cho biết theo quan niệm của Đạo giáo thì ngày Rằm tháng Giêng là ngày *Thiên quan xá tội* 天官赦罪 (Thiên quan tha tội), còn gọi là *Thượng nguyên tiết* 上元節; ngày Rằm tháng Bảy là ngày *Địa quan xá tội* 地官赦罪 (Địa quan tha tội), còn gọi là *Trung nguyên tiết*; và ngày Rằm tháng Mười là ngày *Thủy quan xá tội* 水官赦罪 (Thủy quan tha tội), gọi là *Hạ nguyên tiết* 下元節. Theo Đạo tạng, vào ngày Rằm tháng Bảy, hai vị thượng tiên là *Thái thượng lão quân* 太上老君 và *Nguyên thủy thiên tôn* 元始天尊 nghe chúng tiên báo cáo về chuyện nhân gian. Do đó, đối với tín ngưỡng Đạo giáo, ngày này cũng là một trong những ngày có tính chất *xá tội vong nhân* 赦罪亡人 và có lẽ vì sự tương đồng về ý nghĩa văn hoá nên ngày lễ Vu-lan và tết Thượng nguyên rất được coi trọng trong văn hoá Trung Hoa và Việt Nam.

3. Ý nghĩa văn hóa của lễ hội Vu-lan

Trong bộ Phật tổ thống kỷ 佛祖統紀, lễ hội Vu-lan bắt đầu được đại chúng hóa từ thời *Lương Võ đế* 梁武帝 niên hiệu Đại Đồng 大同 thứ 4 (tức năm 538). Dưới đời Đường, phong tục này cũng rất thịnh đạt và được người dân coi trọng; sang đến đời Tống thì ý nghĩa của nó không còn là pháp sự cúng dường Tam bảo mà đã dần chuyển sang cúng cầu siêu cho các vong hồn ở nhân gian. Từ đó về sau, lễ hội Vu-lan là một trong những hoạt động chủ yếu được diễn ra trong các tự viện.

Ý nghĩa cơ bản của lễ hội Vu-lan trong kinh tạng Phật giáo là: “*Phúng kinh thí thực, cứu tế u minh* 諷經施食救濟幽冥” (đọc kinh và bố thí thức ăn, cứu tế cho những người bị đọa ở cõi địa ngục). Ông Chu Hoành Hội 朱宏會 trong cuốn *Chính Ngọa tập* 正訛集 đã biện giải rằng: “*Người đời thường lấy ngày Rằm tháng Bảy, tức là ngày bố thí thức ăn cho cô quỷ, oan hồn, làm ngày Vu lan, ấy là điều không đúng vậy. Ngày Vu-lan là ngày chúng tăng giải hạ, kết thúc 9 tuần (mỗi tuần 10 ngày, khoảng 03 tháng) an cư kiết hạ, chấm dứt một quãng thời gian tu tập, tham thiền nên đạo pháp đã tăng tiến, nên vào ngày này trên thì phụng cúng hiến thánh, dưới thì tế độ ngạ quỷ, ấy là ý nghĩa của điển lễ này vậy...*”.

Nghi Nhuận 儀潤 đời Thanh 清 đã tổng hợp tất cả các thuyết và đưa ra ý nghĩa cơ bản của lễ Vu-lan là: “*Bạch nhật cung dưỡng tam bảo, dạ gian thí thực phổ độ quỷ thần* 白日供養三寶夜間施食普渡鬼神” (ban ngày thì cúng dường Tam bảo, ban đêm thì bố thí cho quỷ thần). Nhưng trong dân gian, người ta vẫn xem việc cứu độ vong linh cho các cô hồn, ngạ quỷ là hoạt động chính của lễ tiết này. Như vậy, mặc dù theo văn hóa Phật giáo, do tư tưởng “hiếu tử báo ân 孝子報恩” trong kinh *Vu-lan bốn*, hàng Phật tử xem tháng bảy là *Giáo hiếu nguyệt* 教孝月, với tinh thần “*tự chứng hóa tha, quảng tu cung dưỡng chi lực, báo lụy thể thân ân chi nghĩa* 自證化他, 廣修供養之力, 報累世親恩之義” (tạm dịch: tự chứng ngộ và giáo hóa chúng sanh, mở rộng pháp lực tu tập, cúng dường, báo đáp nghĩa của song thân ở cõi thế). Song, trong dân gian, người ta vẫn xem đó là *Quỷ nguyệt* 鬼月 (tháng bố thí cho ngạ quỷ).

Tóm lại, ý nghĩa công đức viên thành của ngày hội Vu-lan là cúng dường Tam bảo, cứu hộ chúng sanh khỏi đường ngạ quỷ, giải cứu khỏi nỗi khổ “đảo huyền” (treo ngược). Ấy cũng là lúc chúng Tăng hoan hỷ mừng ngày Viên mãn giải hạ 圓滿解夏, công đức vô lượng, uy lực vô song và có thể hoằng dương Phật pháp, soi rọi cho nhân gian thoát khỏi vô minh, trở về với con đường chánh nghiệp. Đồng thời, đây cũng là thời điểm mà chúng sanh báo đáp ân nghĩa dưỡng dục của mẹ cha, cha mẹ hiện tồn thì phúc thọ tăng vô lượng, tổ tiên các đời sớm được siêu thăng. Điều đó góp phần thể hiện đạo nghĩa cao quý, một vẻ đẹp tinh thần mà người phương Đông chúng ta luôn gìn giữ và phát huy. ■

Trăm đường ngôn ngữ

HOÀNG TÁ THÍCH

Tôi vẫn thường thắc mắc tự hỏi, “Ngày xưa Đức Phật thuyết pháp như thế nào?”

Cách đây hơn hai ngàn năm, mặc dù Ấn Độ đã là một đất nước có nền văn minh tiên bộ của thời bấy giờ nhưng chắc chắn nền văn minh đó vẫn còn thô lậu với nhiều bộ tộc sử dụng cả hàng trăm thổ ngữ khác nhau. Đức Phật sinh trưởng ở Nepal, Bắc Ấn, và thành đạo cũng ở vùng đó. Trong gần năm mươi năm thuyết pháp, Ngài đã đi qua rất nhiều nơi trên đất nước rộng mênh mông này. Vậy thì Ngài đã dùng ngôn ngữ gì để có thể hoằng pháp cho hàng triệu triệu người nói rất nhiều ngôn ngữ địa phương khác nhau? Đức Phật nói Pháp không thành văn. Tất cả những điều Phật dạy chỉ do Ngài A-nan ghi lại trong bộ óc siêu việt của mình để truyền lại cho Phật tử, nên chắc chắn không có thông dịch viên. Ngay ở Trung Hoa cách đây không lâu, khi chưa có tiếng phổ thông, người các tỉnh khác nhau, nếu không học tiếng quan thoại, có khi phải dùng bút đàm vì không thể nói tiếng địa phương của vùng khác.

Trong đời sống hiện tại, giữa biển người trên thế giới cũng vẫn có người ngu muội, kẻ thông minh.

Người thông minh chưa nói đã hiểu, như Ngài Ca Diếp, chỉ nhìn cánh hoa của Đức Phật đưa ra mà đã biết được ý của Đức Thế Tôn.

Kẻ ngu muội thì nói cả trăm lời chưa chắc đã lĩnh hội được một, chưa kể là đôi khi nghe nói ý này lại hiểu ra một nghĩa khác.

Ở Ấn Độ thời Phật tại thế, cũng có những người trí thức, những bậc học giả nghiên cứu về tôn giáo, về tâm linh. Thuyết pháp để thay đổi tư duy của những người ở đẳng cấp này là một điều hết sức khó khăn. Đại đa

số dân chúng thì chỉ là những người tầm thường nếu không gọi là ngu muội, hoặc đang là tín đồ của những tôn giáo đa thần khác, thì việc thuyết pháp lại càng khó khăn theo đường khác.

Trong kinh *Xuân Thu* có viết chuyện một người đứng giữa chợ khảy một khúc đàn phổ thông. Mọi người bu quanh rất đông lắng nghe. Cao hứng, người đó khảy một khúc đàn cao hơn. Người nghe đi bớt. Đến khi người khảy đàn dạo lên một khúc đàn cao diệu rất tâm đắc, thì chung quanh chỉ còn lác đác vài người ở lại.

Không khác gì nhạc cổ điển vốn kén khách hơn những buổi trình diễn ca khúc.

Phật pháp có những điều rất vi diệu, không phải ai cũng lĩnh hội được một cách dễ dàng. Vậy thì Đức Phật đã dùng thứ ngôn ngữ nào để có thể hướng dẫn cho những người ngu dốt đi vào đạo pháp. Thật là một điều kỳ diệu.

Trong tác phẩm *Alexis Zorba*, nhà hiền triết Nikos Kazantzakis đã thú nhận ngôn ngữ của ông bị hạn chế trước một người thô lỗ vô học như Zorba. Khi ông nói những điều cao siêu thì con người thô lỗ này không thể nào hiểu được. Trái lại khi Zorba muốn diễn đạt một điều gì, nếu không thể diễn tả bằng lời thì anh ta có thể nhảy múa, hay đem cây đàn santuri ra gảy thì nhà hiền triết hiểu được ý hẩn ta ngay.

Hồi trẻ, tôi được đọc một cuốn sách nói về một nhân vật có tên là Nathaniel Bowditch, một nhà toán học người Mỹ sinh trưởng ở Boston hồi cuối thế kỷ thứ 18, đầu thế kỷ thứ 19. Lúc còn trẻ, ông làm việc cho một hãng tàu buôn, lui tới dọc ngang trên biển cả. Ông muốn dạy cho thủy thủ cách thức tính toán vị trí của các vì sao để có thể định vị chiếc tàu trên biển. Căn



bản là phải biết toán học. Sau một thời gian, ông nhận thấy thủy thủ thời đó là hạng người ngu dốt nhất, khó có thể giải thích được cho họ những điều căn bản của toán học. Thất vọng. Lúc về nhà, trong ý nghĩ muốn tìm một phương pháp dạy cho dễ hiểu, ông luôn bị dẫn vật, nóng nảy. Vợ ông nói: Anh như một người vác một cây thang dài và đi trong một căn phòng hẹp. Càng nóng nảy thì lại càng bối rối không thể nào thoát ra khỏi căn phòng được. Câu nói của vợ làm ông tỉnh ngộ, và sau đó, ông đã tìm được một phương pháp, dạy cho những người thủy thủ ngu dốt kia môn toán học dành cho người đi biển. Một số thủy thủ sau đó đã trở thành những người lái tàu giỏi, có người trở thành thuyền trưởng.

Trong các chuyện Thiền, các thiền sư luôn luôn dùng những công án rất khó hiểu để khai ngộ đệ tử. Đôi khi chỉ nhờ một tiếng hét, một cây gậy hay một câu nói mà người học thiền được khế ngộ. Như vậy thì trong tâm hay trí người nào cũng đều có một cánh cửa. Nếu không có khả năng tự mở thì có thể có được người khác mở hộ cho mình. Nhưng muốn mở hộ cánh cửa cho người khác thì phải tìm cách đi vào bên trong tâm trí họ.

Chuyện không phải đơn giản. Đó là vấn đề ngôn ngữ.

Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn để dẫn dắt con người tới cửa Phật, nhưng không phải dễ tìm đường.

Tấu lên một khúc nhạc phổ thông, cả vạn người nghe. Càng cao hơn càng ít người biết thưởng thức. Từ nhạc bình dân lên nhạc cổ điển. Từ Tứ Diệu Đế tới Bát Nhã, từ Bát Nhã lên Kim Cang. Đôi khi tưởng mình đã hiểu vì thấy vấn đề chẳng có gì khúc mắc, nhưng hiểu để có thể chứng ngộ được là vấn đề khác.

Dẫn một người đi sâu vào kiến thức không phải là chuyện dễ dàng gì.

Trong cuốn *Gương kiên nhẫn*, học giả Nguyễn Hiến Lê kể câu chuyện thần kỳ về cuộc đời của bà Hellen Keller, một người đàn bà vừa câm vừa điếc vừa mù từ lúc chưa được hai tuổi. Làm thế nào để bà trở thành một người thông thái có thể diễn thuyết trước công chúng? Đó là nhờ sự kiên nhẫn của người đã dạy dỗ bà từ bé. Người ta chỉ biết đến cái tên Helen Keller, và chẳng ai biết đến người thầy giáo, cô Anne Sullivan.

Từ một cách nào đó làm cho một đứa bé vừa mù, vừa câm, lại vừa điếc có thể hiểu được thế nào là đất, là nước, là không khí, là gió, rồi đến thế nào là Thượng đế, là tình yêu, là tâm linh, là trừu tượng... cả một quá trình của sự kiên nhẫn, và lòng kiên nhẫn cũng chính là một loại ngôn ngữ đưa người khác đến với kiến thức.

Vấn đề là hình thức của ngôn ngữ.

Dạy cho một người mù hiểu được một vật thể còn dễ.

Dạy cho một người bình thường mà tâm trí đã bị nhồi nhét những tạp niệm là một chuyện khó khăn. Ngay như nhân vật Kiều Phong trong truyện *Thiên Long Bát Bộ* của Kim Dung chẳng hạn. Một thân võ học thượng thừa trong võ lâm, nhưng lại không học được *Dịch căn kinh*, là một trong bảy mươi hai tuyệt kỹ của phái Thiếu Lâm. Trong khi đó, Du Thản Chi, một chút võ công cũng chưa có, lại học được một cách dễ dàng. Ấy là chỉ vì trong Kiều Phong tàng chứa quá nhiều thứ võ công, không khác chi đẩy áp những tạp niệm vậy.

Nói chuyện lý lẽ với một người còn hai con mắt mà tâm trí đang bị một lớp võ minh che phủ còn khó khăn hơn nữa.

Ồi, khó khăn thay trăm đường ngôn ngữ. ■

Cụ Nguyễn Du được an táng tại Bàu Đá hay Bàu Sắn?

Bài & Ảnh: LÊ TRƯỜNG QUỲNH

Hãy đến thăm nơi mà cách đây 191 năm, một người tài hoa nhất mực từng đã yên giấc ngàn thu. Đó là câu kết của bài “Về Huế tìm thăm nơi an táng của đại thi hào Nguyễn Du” của tác giả Hồ Đắc Duy đăng trên báo Văn Hóa Phật Giáo số 131 ngày 15-6-2011.

Đọc xong bài này, tôi vô cùng băn khoăn. Vốn sống cạnh Bàu Sắn gần cả đời người, nay đã suýt soát 80 tuổi, tôi lấy làm lạ lắm với một số chi tiết trong bài báo trên. Tôi nghĩ rằng một vài lời thanh nghị là rất cần thiết để mọi người rõ hơn nơi cụ Nguyễn Du được an táng đầu tiên.

Theo tác giả thì “Ông (tức cụ Nguyễn Du) được an táng ở cánh đồng Bàu Đá, xã An Ninh, Phú Xuân” và “Bàu Đá là một cánh đồng nằm ở phía Tây bắc thành phố Huế (nay thuộc Lưu Bảo-An Ninh Thượng, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên). Cánh đồng Bàu Đá là một thung lũng, một vùng lòng chảo, bao quanh 3 mặt là rú đá, riêng phía Tây hở chạy thẳng đến núi An Đò, dựa lưng vào dãy Trường Sơn”.

Ở một đoạn khác, tác giả viết, “Bàu Đá cách kinh thành Huế về phía Tây khoảng 8km đường chim bay, sau lưng đồi Hà Khê - chùa Linh Mụ, qua bên kia sông Bạch Yến có một vùng núi đá thấp thường gọi là Rú Đá. Quần thể rú Đá gồm các ngọn đồi thấp dưới 30m... Có một đoạn các ngọn rú Đá này chạy liên kết nhau tạo thành $\frac{3}{4}$ một vòng tròn”. Và “Rú Đá còn gọi là rú Bàu Đá, rú Kèo Đá, rú Vi, rú Ri thuộc địa giới vùng Lưu Bảo. Rú có chiều dài khoảng 500m. Thung lũng nhỏ dưới chân rú là cánh đồng Bàu Đá, nay còn có tên là Bàu Sắn (Bàu Sắn) với đường kính khoảng gần 1km, trên cánh đồng nổi lên một cái cồn nhỏ”.

Ở đoạn tiếp, tác giả viết, “Nơi an táng Nguyễn Du trên cánh đồng Bàu Đá nay không còn dấu vết nào... Ở giữa cánh đồng hiện nay chỉ có ngôi mộ độc nhất của vị thượng thư họ Hoàng”.

Nói tóm lại, theo tác giả, sau khi sưu tra, đối chiếu với thực địa với bản đồ không ảnh của các chương trình Google Map, World Map, Earth..., tác giả kết luận rằng Bàu Đá là Bàu Sắn nơi hiện có mộ cụ Thượng thư Bộ Công Hoàng Hữu Thường, và cũng đã là nơi cụ Nguyễn Du được an táng lần đầu tiên.

Nói là nói thế nhưng tác giả lại không cung cấp chỉ ít một cái sơ đồ nho nhỏ nào để đỡ độc giả nào sau khi

đọc xong bài báo, lấy làm hứng thú thì còn biết được đường mà đi thăm. Một người địa phương từng dẫm chân khắp thôn xóm rú độn của hai bờ sông Bạch Yến như tôi mà đọc cũng thấy vô cùng rối loạn. Tôi tin rằng độc giả trong nước khó biết chỗ nào là chỗ nào.

Tôi có vài điều xin trao đổi cùng tác giả với sơ đồ đính kèm.

1. Trong địa bạ hành chánh vùng Thừa Thiên-Huế không có “xã An Ninh” mà chỉ có “tổng An Ninh”. Các độc giả có thể vào Google và đánh chữ “xã An Ninh” thì sẽ không có một thông tin nào dính líu đến tỉnh Thừa Thiên Huế. Vậy không hiểu xã An Ninh ở Thừa Thiên-Huế là nơi nào?

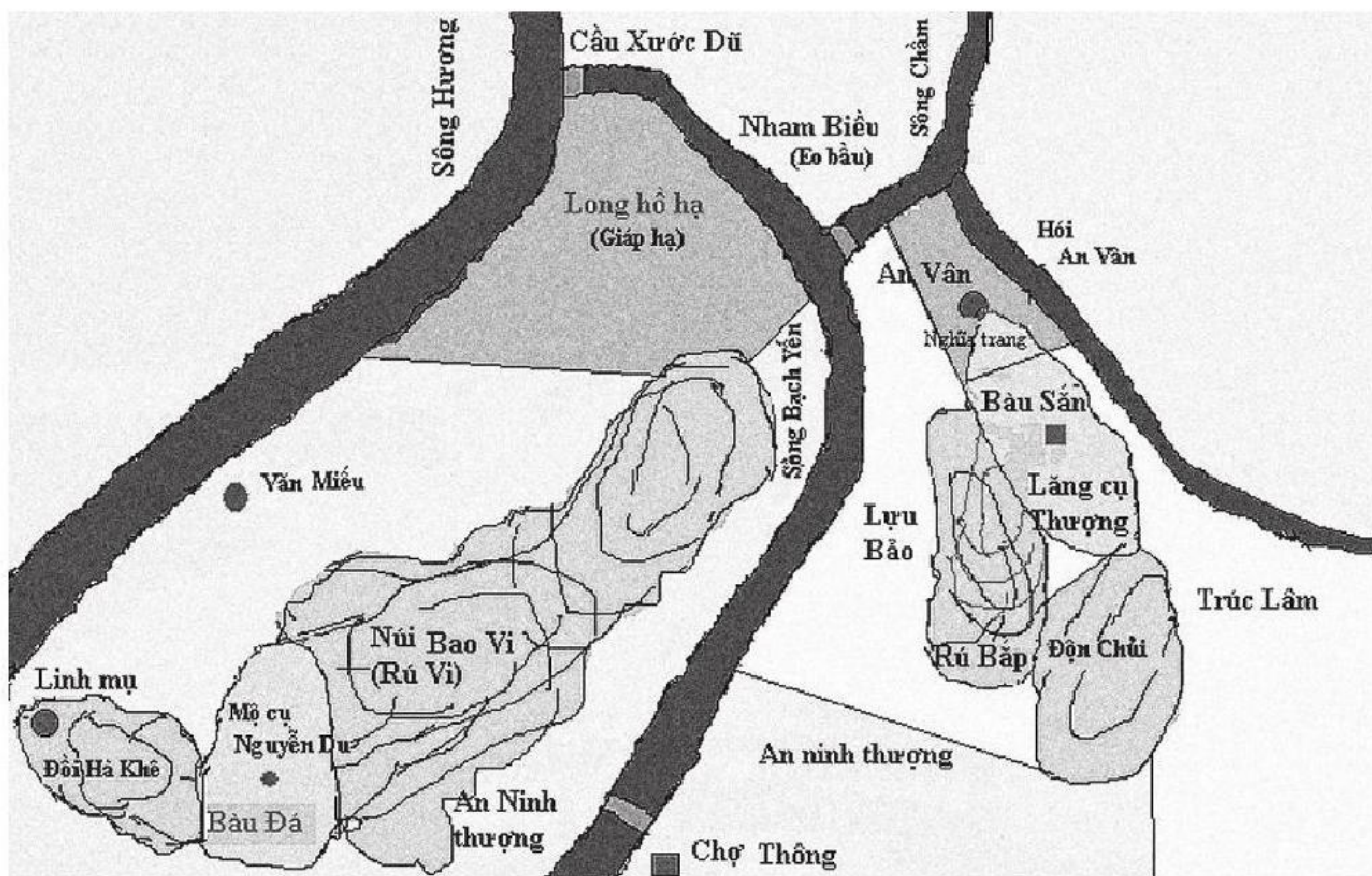
Theo địa bạ thời Pháp để lại, tổng An Ninh gồm 6 làng: An Ninh Thượng, An Ninh Hạ, La Chủ, Long Hồ, Trúc Lâm, Phúc Long. Trong khi đó tổng Phú Xuân gồm 4 làng: Phú Xuân, Thế Lại Thượng, Thế Lại Hạ, Vạn Xuân. Từ đây chúng ta thấy rõ ở địa phận Phú Xuân không thể có làng hay xã An Ninh gì đó.

Vì thế, khi tác giả viết rằng “Ông (tức cụ Nguyễn Du) được an táng ở cánh đồng Bàu Đá, xã An Ninh, Phú Xuân”, thì e rằng tác giả chưa nắm vững địa giới vùng này vì rõ ràng địa danh “xã An Ninh” không có mặt trên bản đồ Thừa Thiên Huế.

2. Bàu Đá là cánh đồng ở sau lưng đồi Hà Khê thuộc làng An Ninh Thượng, nằm ở hữu ngạn sông Bạch Yến. Chúng tôi đã gặp ông Hồ Văn Hoan, 77 tuổi, hiện sống gần Chợ Thông để tìm hiểu. Ông Hoan nguyên là nhân viên phụ trách địa chính của Sở Địa đạ tỉnh Thừa Thiên trước 1975 nên rất rành thổ địa vùng này. Ông cho biết đã từng xem bản đồ của Pháp vẽ cả vùng này và đã từng tham gia xác định ranh giới làng xã vùng này cho chính quyền cách mạng sau 1975. Theo ông, Bàu Đá (còn gọi là Bàu Thạch) hiện nay là một cánh đồng sau lưng đồi Hà Khê. Một lão nông khác tên là Nguyễn Đức Chư, 72 tuổi, sống cả đời gần cầu Chợ Thông cũng cho biết Bàu Thạch chính là Bàu Đá thuộc làng An Ninh Thượng.

Vậy rõ ràng, Bàu Đá (Bàu Thạch) ở bên phải sông Bạch Yến không dính líu gì tới Bàu Sắn ở bên trái sông Bạch Yến, nơi cụ Thượng thư Bộ Công Hoàng Hữu Thường được an táng.

3. Làng Lưu Bảo hiện nay thuộc xã Hương Hồ nằm ở tả ngạn sông Bạch Yến; làng An Ninh Thượng hiện nay



thuộc xã Hương Long. Đó là hai làng khác nhau. Xem bản đồ chúng ta thấy rõ điều này. Sau lưng làng Lưu Bảo có 2 cái đôn: Rủ Bắp và Đồn Chải. Dưới chân Rủ Bắp là cánh đồng Bàu Sắn, phía Bắc tiếp giáp với nghĩa trang Thiên Chúa giáo do họ đạo An Vân quản lí. Cho nên, tác giả viết, “Bầu Đá... nay thuộc Lưu Bảo - An Ninh Thượng, huyện Hương Trà” là không đúng với thực địa.

4. Sông Bạch Yến (sông Catu) là một chi lưu của sông Hương, bắt đầu từ cầu Xước Dũ, nằm giữa Nham Biều (Eo Bàu) và Long hồ hạ (Giáp hạ), chảy về chợ Thông và nhập vào sông Kê Vạn, chảy tiếp vào Hộ thành hà (còn gọi là sông Đào) dọc theo kinh thành ở mặt Bắc. Vậy làm gì có có khu vực thượng nguồn của sông Bạch Yến mà tác giả đi tìm cho uống công.

5. Rủ Đá (Rủ Rì, Rủ Vi,...) tức là núi Bao Vi, nằm về phía phải của sông Bạch Yến, thuộc làng An Ninh Thượng. Rủ này hiện có trong bản đồ Google của vùng này. Rủ Đá không thể thuộc địa giới làng Lưu Bảo vì làng này nằm ở phía trái sông Bạch Yến. Hiện nay trên Rủ Đá có rất nhiều mồ mả, và người dân hiện vẫn đi tảo mộ rất đều đặn. (Xem bản đồ)

6. Như đã nói trên, Bàu Sắn nằm sau lưng làng Lưu Bảo, thuộc xã Hương Hồ, nơi có lăng cụ Thượng thư Bộ Công Hoàng Hữu Thường. Cứ theo tác giả thì thế đất ở đây tích phúc tụ thủy khiến nhà cụ Thượng thư Bộ Công vinh hiển mấy đời. Cụ vốn là con nhà vạ chài nghèo khó mà sau trở thành một mệnh quan của triều Nguyễn trải sáu đời vua. Con cụ Thượng là Hoàng Hữu Khởi đã đỗ cử nhân, được bổ đi làm tri huyện, cháu cụ

là ông Hoàng Hữu Tiểu, tiến sĩ Luật, ... Ở Huế có câu ca dao nói về sự kiện này: *Cha chài mẹ lưới ven sông - Đẻ con đi học làm ông trên bờ.*

Tôi tạm tin đây là mảnh đất địa linh. Nếu ai giỏi phong thủy có thể tìm được địa huyết tốt để an táng và về sau con cháu sẽ được hưởng kết phát.

7. Cụ Nguyễn Du là người huyện Nghi Xuân, quê hương của Thánh Địa lý Tả Ao, nên, theo tác giả, có khả năng giỏi phong thủy như phần lớn dân nơi này. Từ đấy tác giả đã kết nối nơi an táng đầu tiên của Cụ Nguyễn Du với một vùng đất có một ngôi mộ đã kết phát ở Bàu Sắn với một kết luận thiếu cơ sở rằng là *cánh đồng Bầu Đá, nay còn có tên là Bầu Sắn (Bàu Sắn).*

Từ những thông tin trên, chúng tôi tạm kết luận rằng tác giả đã lẫn lộn địa danh của các vùng hai bờ sông Bạch Yến liên hệ tới nơi cụ Nguyễn Du an nghỉ ngàn thu lần đầu tiên.

Sự thực là “Bàu Sắn thuộc làng Lưu Bảo và Bầu Đá (Bầu Thạch) thuộc làng An Ninh Thượng cách nhau cả 800m đường chim bay và còn bị ngăn cách bởi con sông Bạch Yến. Chúng ta không thể lẫn lộn chúng vào nhau được” và như thế rõ ràng “Cụ Nguyễn Du có thể từng được an táng lần đầu tiên ở cánh đồng Bầu Đá (Bầu Thạch), làng An Ninh Thượng, Hương Long, thành phố Huế, nơi này hiện không còn dấu tích gì”.

Rất mong tác giả xem lại vị trí của các vùng đất trên.

* Bản đồ để minh họa vị trí, không đúng về tỉ lệ và khoảng cách. ■



Lòng bi

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Lòng bi là tình thương đối với nỗi khổ của người khác.

Làm người, ai trong chúng ta mà chưa từng có một giọt nước mắt? Ngay cả những con thú tiến hóa khá cao, chúng đã biết buồn, biết chảy nước mắt. Hay nước mắt là dấu hiệu cho thấy một loài thú nào đã tiến hóa khá cao? Có phải ngày nay, chỉ số xúc cảm EQ là một trong hai tiêu chuẩn, cái

kia là chỉ số thông minh IQ, để đánh giá một con người đã tiến hóa, đã phát triển đến mức độ nào?

Nơi nào có nước mắt, nơi đó có khổ đau, nơi đó có lòng bi.

Số phận của chúng ta là sanh, già, bệnh, chết; trải qua cuộc sống mong manh ấy ai mà chưa từng khóc vì mình và vì người khác? Nơi nào có nước mắt, nơi đó có khổ đau, và nơi đó có lòng bi.

Con người luôn luôn sống trong một hoàn cảnh hữu hạn, bất toại nguyện: muốn mà không được, thương yêu mà phải chia lìa, oán ghét mà phải sống chung, thất vọng, lo âu, sợ hãi... Trong cõi con người này, có đủ cảnh khổ của tất cả các loài trong vũ trụ.

Trên trái đất này, có một nơi nào, có một ngày nào mà chưa từng có chiến tranh, bệnh tật, thiên tai, chết chóc? Trong xã hội, từ xưa đến nay, luôn luôn có một số người chưa từng nghèo. Nhưng không có một ai trong tâm chưa từng khổ.

Khổ đau nằm nơi trung tâm số phận con người, âm thầm dặt nên những chất liệu cấu tạo thành con người. Thế nên hạnh phúc tương đối, ngăn ngừa mà một người bình thường có được, chỉ là sự trá hình của khổ đau. Có những người háo thắng, khoe khoang, tự mãn, kiêu ngạo, thậm chí độc ác... những tính tình "đề ghét". Nhưng không phải thế đâu. Những tính tình đề ghét đó chỉ là những phản ứng biểu lộ bên ngoài của những khổ đau bên trong. Người thật sự bình an, hạnh phúc thì không có những biểu lộ khó ưa đó. Cho nên thấy ai đáng ghét thì hãy thương cho họ, họ cần lòng từ bi để thoát khỏi những vết thương ẩn kín trong lòng khiến cho nhân cách của họ trở thành méo mó, tàn tật. Dù họ có đáng ghét đến đâu họ cũng là người thua cuộc, thất bại, là nạn nhân của những bệnh tật trong tâm của mình. Rồi cuối cùng, họ cũng chỉ là người thất bại, nạn nhân của cái chết.

Xã hội tiêu thụ hiện đại tìm cách che giấu khổ đau, tìm cách quảng cáo cho hạnh phúc hời hợt của một xã hội tiêu thụ. Những bức hình trong sách báo, toàn là những gương mặt tươi cười, mãn nguyện, đẹp đẽ. Nhưng những bức hình thật thường được giải Pulitzer: những khuôn mặt của chiến tranh, chết đói, nghèo khổ, thiên nhiên bị tàn phá...

Có một giây phút nào không có ai khổ đau trong thành phố này? Thế nên có một giây phút nào nên dừng lòng bi? Và có phải, lòng bi cần được mở rộng và đào sâu cho đến ngày không còn con người trên trái đất này.

Lòng bi còn cần được mở rộng và đào sâu đến những sinh thể thấp kém hơn, chẳng hạn như thú vật. Chúng không có đủ điều kiện để tìm hạnh phúc cho chúng. Chó mèo trong nhà thì ai cho gì ăn nấy, cho ngủ chỗ nào thì ngủ chỗ đó. Chúng cũng không đủ trí thông minh, ngôn ngữ để hiểu hòng có thể phát triển thoát ra khỏi thân phận thấp kém của mình. Ở dưới loài thú

vật, còn có những cảnh giới khổ đau hơn nữa, nặng nề hơn nữa mà kinh điển đã nói.

Lòng bi thật sự chỉ có khi có trí đi kèm. Đó là khi thấy con người, dù có là gì đi nữa, vẫn luôn luôn mắc lưới trong vòng mười hai duyên sanh: vô minh sinh hành, hành sinh thức... cho đến già, chết. Mỗi người chính là vòng duyên sanh này, đời này sang đời khác. Dù có sống thế nào, có được gì có mất gì, cũng chỉ là đang dặt thêm tấm lưới duyên sanh của sanh tử mà thôi. Thấy được như vậy, lòng bi tự nhiên sanh khởi. Có được lòng bi với một người thì có được lòng bi với nhiều người. Mà chúng sanh thì vô biên nên lòng bi cũng trở thành vô biên.

Thấy được sự khổ đau của người khác (Chân lý về Khổ) là có lòng bi.

Thấy được nguyên nhân của khổ đau của người khác (Chân lý về Tập), lòng bi càng hiện diện sâu rộng hơn nữa.

Thấy được trạng thái chấm dứt của khổ đau của người khác (Chân lý về Diệt), lòng bi càng cụ thể và có động lực.

Thấy được và đi trên con đường chữa lành, diệt khổ cho người khác (Chân lý về Đạo, con đường) lòng bi trở thành hiện thực, hoạt động hơn nữa.

Cũng chính lòng bi là động lực làm mở mang trí huệ để thấu hiểu và sử dụng được bốn chân lý này hầu cứu giúp người khác.

Lòng bi cho số phận một con người không phải là ngẫu hứng, chợt dấy lên bất ngờ rồi sau đó biến mất. Đó phải là một thực tại của đời sống mỗi người. Thực tại đó nâng cấp cho cuộc sống mỗi người để được hoàn thiện hơn. Lòng bi ấy phải là một cái tâm trải dài suốt số phận một con người, thậm chí trải dài qua những kiếp đời của một con người. Và nếu lòng bi ấy dành cho nhiều con người thì hẳn nó càng rộng sâu hơn nữa. Rộng sâu cho đến mức trở thành lòng bi vô lượng (Bi vô lượng tâm), một trong Bốn tâm vô lượng.

Thấy rõ sự khổ đau, tương tục của chúng sanh, mà chúng sanh thì vô biên, nên chúng ta cần thấy rằng lòng bi không bao giờ là đủ, là thừa. Trái lại lòng bi luôn luôn thiếu, vĩnh viễn thiếu.

Như thế, lòng bi không chỉ là một bốn phận với đồng loại, với đồng nghiệp sanh tử. Lòng bi còn mở cho chúng ta đến sự giải thoát: lòng bi giải thoát khỏi số phận hữu hạn của mình bằng sự bao la vô hạn của nó (Bi vô lượng tâm).

Sống được lòng bi, chúng ta sẽ cởi mở cuộc sống hạn hẹp của mình, để cuộc đời của mình trở nên rộng lớn hơn, sâu thẳm hơn. Cho đến, biết đâu, một ngày nào nó trải rộng đến vô hạn, sâu thẳm đến vô hạn. Lúc ấy, chúng ta biết, hóa ra thương ai cũng là thương mình.

Sự đại đột nhất, hóa ra, là làm khổ người khác và không biết thương người. ■



Chuyến xe không có vé trở về

PHAM THANH CHUONG

1. Câu chuyện về Tỳ-kheo Vakkali được thuật lại trong phẩm *Vakkali* thuộc chương *Tương ưng Uẩn*, tập *Thiên Uẩn* của kinh *Tương Ưng Bộ*. Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo Vakkali trú trong nhà người thợ gốm và bị bệnh với những cơn đau trầm trọng. Ông bảo các thị giả thỉnh Đức Phật, vì lòng từ mẫn, đến để ông được chiêm bái. Khi đó, Đức Phật đang ở tu viện Trúc Lâm (Veluvana) tại thành Vương Xá (Rajagaha). Được các thị giả của Vakkali đánh lễ và thưa thỉnh, Đức Phật đắp y cầm bát đến với Vakkali thăm hỏi. Sau khi trả lời Đức Phật về bệnh tình của mình, Tỳ-kheo Vakkali thưa, “Đã từ lâu con muốn đến để được chiêm bái Thế Tôn nhưng thân con không đủ sức mạnh”. Đức Phật nói, “Thôi vừa rồi này Vakkali, có gì đáng thấy với cái thân hôi hám này. Nếu ai thấy pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy pháp”. Tiếp theo, Đức Phật hỏi Tỳ-kheo Vakkali rằng sắc, thọ,

tưởng, hành, và thức là thường hay vô thường. Tỳ-kheo Vakkali trả lời đúng như những điều ông đã được Đức Phật giáo giới từ trước, rằng sắc, thọ, tưởng, hành, và thức là vô thường, do đó là khổ, là chịu sự biến hoại, là không đáng để quán rằng chúng là tôi, là của tôi, là tự ngã của tôi. Nghe Vakkali trình bày kiến giải xong, Đức Phật hài lòng trở về núi Linh Thứu (Gijjhakuuta).

Khi Đức Phật đã rời khỏi nhà người thợ gốm, Vakkali yêu cầu các thị giả khiêng ông ra đưa ông lên tầng đá đen trên sườn núi Hang của Tiên nhân (Isigili); tại đấy, sáng hôm sau, ông được Đức Phật cho người đến nhắn rằng chớ có sợ vì sự mệnh chung của Tỳ-kheo Vakkali không phải là ác hạnh. Được lời nhắn đó, Vakkali lại nhờ thị giả đến đánh lễ Phật và thưa lại với Đức Phật rằng Vakkali hoàn toàn không còn nghi ngờ gì về ngũ uẩn là vô thường, là khổ, là chịu sự biến hoại; rằng Vakkali

không có lòng dục, không có lòng tham, không có lòng ái. Khi các thị giả đến gặp Đức Phật thì Tỳ-kheo Vakkali đi tìm một con dao.

Sau đó, Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đến chỗ tảng đá đen ở sườn núi Isigili. Từ xa, Đức Phật nhìn thấy Vakkali nằm trên giường, hai vai co quắp. Lúc bấy giờ, có một luồng ám khí đi về cả bốn phương chính, bốn phương bằng và hai phương trên dưới. Đức Phật chỉ cho các Tỳ-kheo thấy điều đó rồi bảo đây là ác ma đang đi tìm thức của Vakkali nhưng không thấy thức của Vakkali trú ở chỗ nào. Đức Phật kết luận, thiện nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn một cách hoàn toàn.

Ở một chỗ khác, đoạn kết của câu chuyện về Vakkali được viết lại bằng một ngôn ngữ bóng bẩy hơn, như sau: "Nhìn bầu trời bao la, Đức Phật nói với các vị khất sĩ:

- Vakkali đã giải thoát, không một ma chướng nào, không một pháp hữu vi nào có thể kìm hãm, giam giữ được Vakkali".

2. Trong phẩm Phật Đà-la-ni của bộ Bát-nhã Bách thiên tụng (Một trăm ngàn bài tụng về Kinh Bát-nhã), Đức Phật giảng cho Trưởng lão Subhuti (Tu-bổ-đế) rằng khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát phải luôn tinh tấn và phải tỉnh thức hoàn toàn trong quán niệm. Khi quán niệm thân thể bên ngoài, Bồ-tát thấy xác chết bỏ ngoài nghĩa địa tím đen, sinh lên, phân hủy, hôi thối, bị dòi bọ đục rĩa; lại thấy những bộ xương rải rác trên mặt đất dưới nắng mưa qua nhiều năm tháng. So sánh cảnh tượng đó với tự thân, Bồ-tát quán niệm rằng: *Thân này rồi cũng phải chịu số phận như thế, không tránh thoát được.*

3. Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) xứ Kiểu-tát-la (Kosala) là một người hiếu thảo. Khi tổ mẫu của nhà vua qua đời, ông vô cùng đau buồn và đến thưa với Đức Phật rằng ông muốn làm tất cả mọi việc trong khả năng của mình để cứu lấy mạng sống của tổ mẫu, người mà ông thương quý như mẹ ruột. Đức Phật an ủi ông bằng lời kệ:

*Mọi vật đều tàn hoại, chúng chấm dứt bằng cái chết
Mọi vật đều có cái chết chờ ở phía trước.*

Mọi cái bình được nặn bởi người thợ gốm

Dù đã nung hay chưa nung

Đều có thể vỡ nát-chúng chấm dứt bằng sự vỡ nát

Chúng có sự vỡ nát chờ ở phía trước.

Đức Phật dạy rằng: *Đời người có bốn việc không thể tránh, đó là:*

- Mang thân trung ấm không thể không thọ sinh.

- Đã sinh không thể không già.

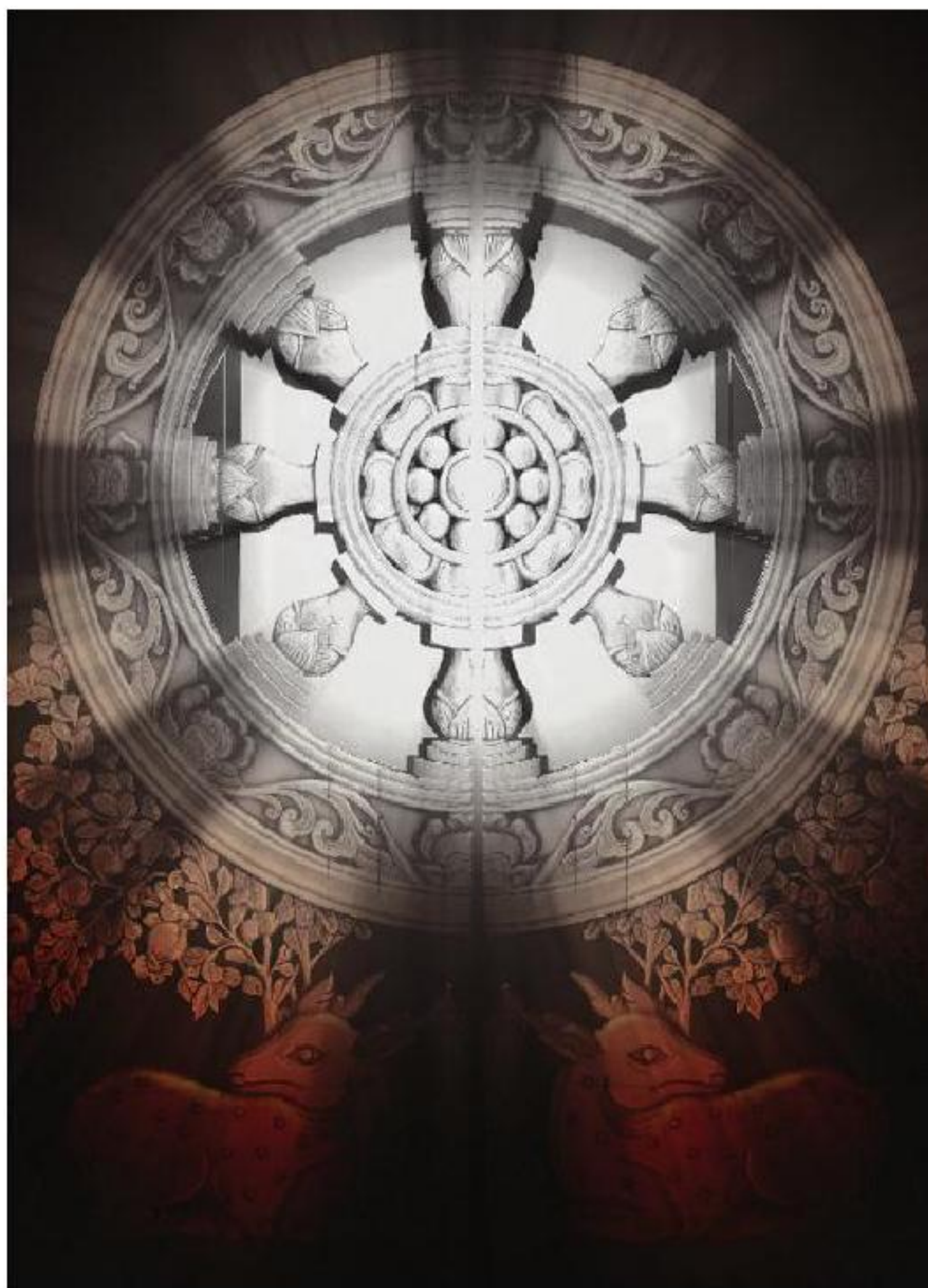
- Đã già không thể không bệnh.

- Khi bệnh không thể không chết.

Sinh, Lão, Bệnh, Tử là qui luật của kiếp người, không ai tránh khỏi.

Với tám thân tứ đại, bệ hạ và chính Ta đây rồi cũng không tránh khỏi qui luật đó.

4. Ranh giới giữa sự sống và cái chết hết sức mong manh. Cái chết luôn rình rập, hiện diện quanh ta và ập



đến bất ngờ. Chỉ một hơi thở, khi thở ra mà không hít vào được là đã qua một kiếp người. Thế nhưng chúng ta bị một "bức màn" che mờ lý trí làm cho chúng ta không thấy được cái mong manh và sự tạm bợ của kiếp sống. Bức màn dày đặc đó chính là: *Tham, Sân, Si.*

Vì lòng tham, chúng ta không bao giờ thấy đủ để dừng lại và vượt lên khỏi bờ vực của sân hận và phiền não. Khi chấm dứt cuộc sống, chúng ta không mang theo được những thứ mà chúng ta đã cố sức gom góp, tích lũy từ cõi trần này ngoài cái nghiệp là cái mà chúng ta đã gieo trong suốt cuộc đời chúng ta đã sống. Mọi việc rồi sẽ qua, sẽ biến đổi, tàn phai và hoại diệt. Không có gì trường cửu, không có gì mãi mãi. Nhưng những cảm dỗ vật chất, danh vọng cùng lòng tham ái đã làm cho chúng ta mê muội và quên đi cái giới hạn của kiếp người.

Cái chết, cuối cùng như một niềm an ủi, thể hiện sự công bằng và bình đẳng đối với mọi người.

Tất cả chúng ta, ai rồi cũng phải lên chuyến xe cuối cùng để trở về và không một người nào mua được vé khứ hồi. Chuyến xe có thể khởi hành từ khuya, sáng sớm, giữa trưa hay trong một buổi chiều đầy nắng hoặc sương mù.

Chúng ta phải bỏ lại nhiều thứ để lên chuyến xe này. Chuyến xe không bao giờ hẹn trước, không vội vã, không ồn ào, nó đến cũng như đi, lặng lẽ, bất ngờ...■



Cái duyên thật diệu kì

NGUYỄN PHƯỚC THỊ LIÊN

1.

... "Người ta phải bước khó khăn đến nhà
Đồng tiền bắt gạo mang ra
Rằng đây cần kiệm gọi là làm duyên".

Tôi không hiểu vì sao khi người ăn xin đến nhà, mình có chút gạo tiền dành dụm cũng đem cho mà "gọi là làm duyên". Có phải "duyên" là của: "Má lúm đồng tiền trông duyên ghê" hay "Chị ấy da ngăm ngăm đen mà lại có duyên"? Suy nghĩ mãi cho đến khi hiểu được lý nhân duyên trong nhà Phật. Kinh chép: "Chư pháp trùng trùng duyên khởi". Càng hiểu thêm khi nghe kể: Khoảng cuối thập niên 50 của thế kỷ trước, được phép của tỉnh trưởng, ông chánh hội trưởng tỉnh hội Phật học Bình Thuận cùng một vị cư sĩ – sau này là Hòa thượng Thích Ấn Nghiêm lúc sinh thời trụ trì chùa Xuân Thọ - Phan Thiết – đứng ra xây một tòa nhà nhỏ làm niệm Phật đường trong khuôn viên nhà tù Phan Thiết. Hội Phật học Bình Thuận mong muốn các tù nhân bị giam giữ có nơi cúng lạy, nương nhờ cửa

Phật; ít nhất, đến ngày Tết, ngày lễ Phật, người tù cũng còn được nghe câu kinh tiếng pháp. Chùa làm xong, ông Chánh hội trưởng và thầy Ấn Nghiêm thắp đèn gióng chuông cúng lạy, từ đó lời kinh tiếng mõ vào chốn lao tù. Năm 1963, thầy bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt nhốt vô tù vì công khai chống đối nhà Ngô đàn áp Phật giáo. Không ngờ trước đó, thầy Ấn Nghiêm có cái duyên xây chùa trong tù là... để cho mình. Mỗi sáng chiếu, thấy an nhiên tự tại đến "chùa mình" tụng niệm, gia trì công phu. Bởi tâm bố đề kiên cố, quả nhiên về sau thầy đã trở thành một vị danh sư.

"Con ạ, nhà Phật không thừa nhận cái gọi là may mắn hay số mệnh. Duyên nghiệp tạo tác, quyết định tất cả, ngay sự mất-còn của mọi chúng sinh". Lời thầy nói, tôi còn nhớ.

2.

Không biết duyên nào đưa đẩy, có bữa tôi đi xe ôm nhằm ông xe nhiều chuyện; ông ấy mách rằng ở chùa Giang Thành khi đào đất, phát hiện một tượng Phật bằng

gỗ quý, cao chừng bảy tấc, có đường nét chạm khắc rất tinh xảo. Tôi tò mò đến chùa tìm hiểu. Ấy là ngôi chùa quê, nằm hẻo lánh nơi biên giới, xây thời Minh Mạng (1820-1840), được vua ban sắc thừa nhận. Vì thời cuộc và hoàn cảnh, chùa bị hoang phế một thời gian...

Phải qua hàng loạt đám cỏ lác, cỏ năng, cỏ bần, lác đặc vài đám ruộng lúa còn xanh, rồi qua ba bốn bậc "đi ngả này" do người chỉ đường hướng dẫn, tôi mới thấy mái chùa - mà cứ tưởng mái nhà ai - lơ mờ thấp bé bên cái cây thật lớn.

Sư cô trụ trì dáng người cao ráo, nhanh nhẹn, đặc biệt tiếng nói to, miệng cười tươi tắn hồn nhiên. Sư cô tiếp tôi chân tình cởi mở, dường như lâu rồi mới thấy người kẻ chợ vô thâm. Tôi lạy Phật, cúng dường Tam bảo, ngắm nhìn tượng gỗ rồi đi quanh chùa. Chỉ cần vài bước chân, tôi đã đi cùng khắp. Tôi than: "Chùa nghèo quá". Sư cô và tôi bật cười. Một mối dây thân thiện không biết từ đâu thắt chặt chúng tôi. Câu chuyện đưa chúng tôi ra sân trước sân sau, tôi ngạc nhiên thấy không có một ai khác. Ra về, tôi bồi ngùi nghĩ đến người nữ tu đơn độc và ngôi chùa nhỏ khép mình bên làn ranh biên giới, gọi là vùng sâu vùng xa...

Phải nói năm đó tôi có duyên lớn, được theo quý thầy và đoàn Phật tử ra Phú Quốc dự lễ cầu siêu tịnh độ các anh hùng liệt sĩ.

Lễ diễn ra trong hai ngày, vô cùng trọng thể. Hơn ngàn người từ các nơi, kể cả nhóm người tài trợ ở Hà Nội, đổ về. Cờ Phật giáo được giăng khắp các ngã đường dẫn đến nghĩa trang. Phật tử y giới trang nghiêm, đứng thành hai hàng tả hữu tại sân lễ đồ dài xuống chân núi, nghinh đón đoàn rước hải cốt các chiến sĩ trận vong vừa được tìm thấy. Đứng trên này, chúng tôi nghe tiếng chuông mõ, tiếng tụng kinh rì rầm trong gió mà chưa thấy đoàn. Tiếng tụng rõ dần là lúc dưới chân núi, ngay đường lên nghĩa trang, chư tôn đức, quần nhân, quần nhạc, Phật tử, những người tài trợ, đồng loạt xuống xe đi bộ, tiến lên lễ đài. Tiếng tụng kinh vẫn không dứt. Số người nghinh đón kịp thời chấp tay niệm Phật từ từ nhập vô đoàn.

Trời mưa nhẹ.

Tôi không sao quên được cảm giác bồi hồi xúc động khi chứng kiến cảnh: đoàn quân nhạc nước ta, lễ phục toàn trắng, thổi kèn bài *Phật giáo Việt Nam*, hòa tiếng trống bập bùng và nhịp chân đưa thẳng... Tự nhiên tôi khóc.

Thương biết bao, những chiến sĩ trận vong, lại thương cuộc đời đối mới như có sự tỉnh thức, tôi thương cả nỗi cay đắng của mình. Bởi từ ngày thống nhất đất nước, vì chấp ngã tôi chưa một lần dám tự khai lý lịch bản thân đã bao đời theo đạo Phật, mà khai là đạo thờ cúng ông bà!!

Tỉnh thức. Đó là tiếng reo vui bậc nhất của đời tôi.

Qua hôm sau, trời vẫn mưa, đến chiều tối còn lâm thâm ngay vào giờ cử hành lễ dâng đèn hoa. Sau thời kinh khá lâu bằng tiếng Việt, tiếng Hán, tiếng Phạn là

lời xưng tụng công trạng các anh hùng liệt sĩ. Những lời cảm thán nói lên lòng tri ân, sự ngưỡng mộ, và quyết tâm noi gương, tiếp nối con đường đấu tranh vì đất nước của người còn sống. Sau cùng là lời kêu gọi thấu trời xanh các vong hồn liệt sĩ hãy xóa bỏ hận thù, một lòng quy y Phật, sớm được siêu thoát. Lễ xong, đoàn người cùng niệm Phật với các sư, từng bước một theo sư lên nghĩa trang đi vòng quanh tượng đài. Ban tổ chức vừa phát mỗi người một cành hoa hồng còn tươi rói và ngấn ấy ly đèn sáp lỏng từ Hà Nội gửi vào theo chuyến bay...

Sau đó mọi người sẽ đến từng ngôi mộ niệm Phật, cắm hoa, đặt đèn nhang. Đi một hồi, có người chụp lấy tôi, nói: "Bà ơi, đứng đây được rồi, lên trên không nổi đâu. Trời mưa, coi chừng té". Trong bóng đêm, tôi nghe như tiếng người quen, quay ra nhìn thì... Mô Phật! Sư cô chùa Giang Thành. Tôi mừng quá, lật đặt cầm tay Sư cô, chưa nói được gì, cô đã tiếp bước lên thẳng tượng đài. Sau lưng tôi, vô số ánh lửa lấp lóe, trườn lên... trườn lên trong tiếng niệm A-di-đà.

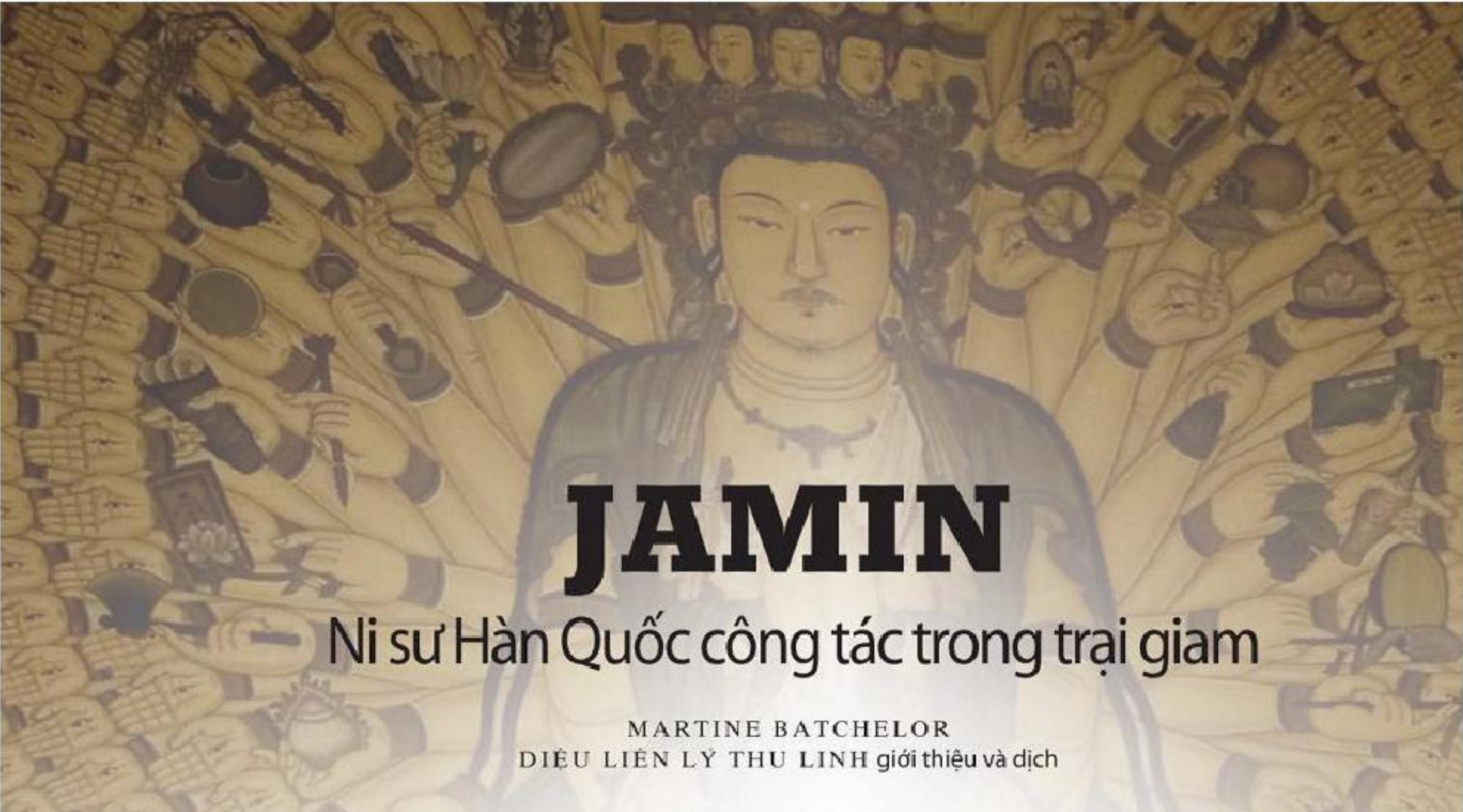
3.

Thằng con tôi đang làm việc ở Sài Gòn, tự dung mấy bữa, ban ngày biển dâu, tối về ăn cơm... Cuối cùng nó tha về nhiều giỏ, túi xách, cặp sách, nón, đủ kiểu đủ kích cỡ, có đường viền khá đẹp. Tất cả được làm bằng tay với chất liệu cỏ: cỏ bần, cỏ lác. Tôi gạn hỏi, nó cười, nói: "Sư cô chùa Giang Thành ở tận vùng sâu là nhà từ thiện tấm cỡ của Kiên Giang. Vừa qua có cuộc triển lãm nhân Hội nghị Nữ giới Phật giáo Thế giới lần thứ II tại thành phố Hồ Chí Minh. Con giúp Sư cô thiết kế phòng triển lãm, giới thiệu sản phẩm tự làm. Tận thể con mua mấy thứ này. Má lấy mà dùng".

Tôi chung hứng. Cơ duyên nào dun rui, thằng nhỏ suốt ngày ru rú, cặm cụi bên máy vi tính với nghề mỹ thuật đồ họa, nay bỏ cả việc làm, tiếp giúp Sư cô tận tình vui vẻ.

Bữa đó tình cờ xem đài truyền hình Kiên Giang, tôi la lớn: "Kia... kia, Sư cô Huyền Thanh trụ trì chùa Giang Thành lên tivi nhận bằng khen...". Thì ra Sư cô đã làm nhiều việc to tát trong sứ mệnh: phụng sự chúng sinh là thiết thực cúng dường mười phương chư Phật.

Thật không ai ngờ, Sư cô xóa được 300 hộ nghèo ở năm xã biên giới phía Tây Nam, giúp họ tự làm ra sản phẩm để bán; khoan giếng nước; xây cầu bê tông; cấp quan tài, xuống, xe lăn; mua máy may, máy vắt sổ, mở lớp dạy may tại chùa, cùng hội khuyến học giúp học sinh nghèo... Ở chùa nghèo, Sư cô tích cực lo tô điểm cuộc sống bao con người bằng cái Tâm Từ Bi Thanh Tịnh, không mưu cầu lợi ích riêng hay tu bổ chùa mình cho sang trọng. Tôi ngưỡng mộ Sư cô, không dám "ăn theo", không dám cùng Sư cô đi đến chỗ này chỗ khác. Nhưng sao lạ quá, cái duyên nó bắt tôi cứ gặp Sư cô trong những trường hợp hy hữu rất tình cờ, chưa kể duyên nào khiến thằng con tôi gặp Sư cô, dù trước đó nó không hề... ■



JAMIN

Ni sư Hàn Quốc công tác trong trại giam

MARTINE BATCHELOR
DIỀU LIÊN LÝ THU LINH giới thiệu và dịch

Theo ngôn ngữ Hàn Quốc thì Sunim là danh hiệu tôn xưng một vị tu tập theo Phật giáo, không phân biệt vị ấy là Tăng hay Ni. Tại Hàn Quốc, phụ nữ không bị hạn chế trong việc thọ đại giới. Nữ giới Hàn quốc có tự viện riêng do các Ni trụ trì; người nữ thọ giới có y chỉ sư và giáo thọ sư cũng là nữ giới. Họ hoàn toàn độc lập với chư Tăng về phương diện tài chánh. Trong vòng 500 năm, từ 1400 đến 1900, xã hội Hàn Quốc áp dụng Nho giáo một cách khắc nghiệt, Phật giáo không có chỗ đứng, do đó, chư Tăng có rất ít quyền lực. Mặt khác, các Vu đường (巫堂), những người phụ nữ đóng vai trò trung gian giữa thần linh với con người, có địa vị quan trọng trong xã hội Hàn Quốc. Những yếu tố lịch sử và xã hội khác nhau đã giải thích tại sao trong mọi truyền thống Phật giáo, chỉ có chư Ni ở Hàn Quốc là bình đẳng với chư Tăng nhất.

Đầu thế kỷ 21, vai trò của Nho giáo ở Hàn Quốc mất đi uy thế trước đây; và sự khôi phục Phật giáo đã diễn ra, là điều không chỉ ảnh hưởng đến chư Tăng mà cả chư Ni. Nằm lấy thời cơ, chư Ni đã đến cư trú rồi trùng tu các ngôi chùa bị bỏ hoang, xây mới các thiền đường và giảng đường nơi các Sư cô có thể được huấn luyện một cách nghiêm chỉnh. Nhiều vị nữ thiền sư đắc đạo, học giả Ni nổi tiếng đã xuất hiện, và các vị Ni khác cũng đạt được những thành quả theo cách riêng, đầy sáng tạo của mình.

Jamin Sunim, có nghĩa là Ni sư Jamin, là một vị Ni nổi tiếng về hoạt động xã hội, rất được kính trọng, ở tuổi ngoài sáu mươi, thuộc hội các trưởng lão Ni ở Hàn Quốc, thường thăm viếng các phạm nhân trong trại giam. Bà rất tử tế, thân thiện, đầu lúc nào cũng luôn bận rộn.

Bài viết dưới đây nói về việc hoằng pháp trong trại giam của Ni sư Jamin, trích từ một bài tham luận của Martine Batchelor nói về ba vị Ni nổi tiếng đương đại ở Hàn Quốc, là các vị Jamin, Myohi, và Pomyong. Bài tham

luận này đã được đăng trong sách Women's Buddhism, Buddhism's women: tradition, revision, renewal do Ellison Banks Findly biên tập, nhà Wisdom Publications ấn hành năm 2000. Bản thân Martine Batchelor sinh ra và hiện sống tại Pháp, đã tu tập theo Phật giáo ở Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản, được biết đến qua các tác phẩm viết về phụ nữ với Thiền học và môi sinh.

Sau khi xuất gia, tôi tham dự nhiều trường Phật học để học kinh điển suốt 13 năm. Sau đó, tôi viếng các thiền đường và nhận thấy rằng thiền rất hữu dụng. Tuy nhiên, vì chương trình tu học của tôi, Phật tử luôn yêu cầu tôi dạy về kinh điển vì tôi đã nhận được sự truyền thừa và được phép dạy theo dòng truyền thừa nổi tiếng Pomosa. Tôi bắt đầu dạy học và cũng giúp dịch kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka Sutra) sang tiếng Đại Hàn. Suốt 13 năm tôi dạy trong các tu viện, nhưng vì bị bệnh, tôi ngưng dạy nhiều và thay vào đó bắt đầu thỉnh thoảng giảng giải Phật pháp cho cư sĩ. Ba năm trước đây tôi được mời đến giảng cho phạm nhân trong các trại giam.

Tôi đến trại giam mà không suy nghĩ nhiều về việc đó, vì tôi được mời đến để giảng một thời pháp thoại. Tuy nhiên, khi đã đến đó và gặp gỡ những người tù, tôi thay đổi ý định. Dẫu một số tù nhân phạm các trọng tội, nhưng phần lớn do hành động vô tình hay vì tự vệ. Họ có thể phạm tội trong nháy mắt, rồi nó qua đi, biến mất, sau đó họ trở lại bình thường. Những người hợp lại để nghe tôi giảng pháp không có vẻ gì là những phạm nhân.

Khi bước chân vào tù, các phạm nhân thường buồn xuôi, buồn nản. Dẫu tôi cố gắng để khơi dậy niềm hy vọng trong họ, nhưng điều đó thật khó, vì không có tình cảnh nào buồn thảm hơn là ở trong tù. Dường như người ta cố tình tạo ra một không gian ảm đạm, và ở

đây người ta chỉ thấy, nghe và học hỏi về các tội ác. Đối với nhiều phạm nhân, nó đã trở thành một vòng luẩn quẩn. Vì vậy, những gì chúng ta gọi là tội ác, nó không thực sự hiện hữu – nó được điều kiện hóa bằng nhiều yếu tố.

Tôi cố gắng dạy các phạm nhân về luật nhân quả, nghiệp và quả. "Tất cả những gì tôi tạo ra, tôi sẽ nhận trả lại". Tôi hỏi họ về hoàn cảnh riêng. Nhiều người rất nản chí, họ cảm thấy bị oan ức và hỏi: "Tại sao tôi đến chốn này? Tại sao tôi kết thúc trong hoàn cảnh này?". Rồi họ tự trả lời, "Vì tình yêu, vì tiền hay hoàn cảnh xã hội". Trước khi tự quán xét bản thân, họ nghĩ ra đủ thứ chuyện để cảm thấy chua chát, oán hận cuộc đời, xã hội, cha mẹ, anh em của họ.

Tôi khuyên họ hãy buông bỏ tất cả mọi oán hận, rồi tự quán chiếu xem mình đã hành động như thế nào, đã nhận lãnh những gì trở lại. Những suy nghĩ của chúng ta tất cả đều được tạo ra và phát triển từ hạt giống trong ta, vì thế trước hết ta phải quán sát bản thân cẩn thận. Khi tôi giảng những bài pháp thoại như thế, nhiều người đã khóc, và giữa những tiếng khóc đã có rất nhiều sự tự soi xét, quán chiếu bản thân. Nếu họ tiếp tục quán chiếu như thế, khi trở về lại với xã hội, ngay nếu như có những nỗi khổ không thể chịu đựng được, họ vẫn có thể kiên nhẫn chịu đựng. Sức mạnh để chống lại những phản ứng bản năng có được là nhờ những sự quán chiếu này. Tôi cảm thấy dù điều đó nhỏ nhặt đến đâu, nhưng nếu những gì tôi nói có thể giúp họ sửa đổi cá tính, thì như thế cũng đủ cho tôi rồi.

Nếu phạm nhân có yêu cầu, tôi vẫn gặp họ riêng để tư vấn. Có người muốn tâm sự về sự phản bội của người thân yêu. Người khác lại lo lắng về gia đình khi họ đang phải ngồi tù, và nhờ tôi hãy chăm sóc gia đình họ, nên tôi thường cố gắng tìm gặp gia đình họ để xem người thân của họ sống thế nào. Có nhiều tù nhân kỳ cựu không còn người thân nào cả. Tôi giúp họ có mối liên hệ thân thiện với người khác, chuẩn bị thực phẩm làm quà cho họ. Tôi cũng hỏi về ngày sinh của họ để tổ chức gì đó cho họ.

Tôi lắng nghe họ chăm chú, và dựa vào hoàn cảnh cá nhân của họ, tôi tìm những giáo lý thích hợp trong Phật giáo để giảng lại cho họ. Tôi nhắc đến những đoạn kinh phù hợp để so sánh với hoàn cảnh của họ. Vì tôi là một người Phật tử, một Ni sư, tôi chỉ biết học theo giáo lý của Phật, dẫu tôi cũng sử dụng từ ngữ của mình, nói với họ về kinh nghiệm của mình, những gì tôi đã học từ họ và những gì tôi sẽ khuyên nhủ người khác.

Qua việc phát triển trí tuệ chúng ta có thể đạt được Giác ngộ. Phật pháp không nói về gì khác hơn; Phật pháp chỉ nói về sự hoàn thành và hoàn hảo cá tính của mỗi người. Khi chúng ta đã hoàn hảo cá tính của mình, thì tình thương yêu, và lòng bi mẫn sẽ xuất hiện. Không có chúng, ta sẽ khổ đau vì sân hận, bất mẫn, và oán hờn. ■



Cái tâm mong cầu không được như ý

ZOPA RINPOCHE
NGUYỄN VĂN NGHỆ dịch

Dù chúng ta là người tu hành theo Phật pháp hay không, thì mọi vấn đề trong cuộc sống đều do tâm của chúng ta mà ra và mọi niềm hạnh phúc của chúng ta cũng vậy. Nguyên nhân của khổ đau không phải từ bên ngoài; nguyên nhân của hạnh phúc cũng không phải từ bên ngoài. Nó ở bên trong chúng ta, ở trong tâm chúng ta.

Cái điều đặc biệt tạo ra mọi vấn đề trong cuộc sống là cái tâm mong cầu không được như ý, cái tâm bám víu vào cuộc đời này. Chúng ta cố gắng có được hạnh phúc tức thời của cuộc đời này bằng cái mà chúng ta gọi là tám pháp thế gian: sự mong muốn lạc thú, những thứ vật chất (như quà tặng, bạn bè v.v.), tiếng tăm và sự ca tụng, và lòng không thích thiếu lạc thú và thiếu những thứ vật chất, mang tiếng xấu và bị chỉ trích hay bị khiển trách.

Tiền bạc của cải không phải là vấn đề; vấn đề là cái lòng ham muốn tiền bạc của cải. Bạn bè không phải là vấn đề; bám luyến bạn bè là vấn đề. Các thứ vật chất trở thành một vấn đề đối

với chúng ta bởi vì cái tâm ham muốn của chúng ta. Khi có tâm ham muốn, tức là có tư tưởng về tám pháp thế gian, không phải chỉ có việc thiếu tiền bạc của cải tạo ra vấn đề cho chúng ta mà có tiền bạc của cải cũng tạo ra vấn đề; Khi chúng ta bị khống chế bởi tám pháp thế gian, chúng ta khổ sở và cô độc khi không có bạn bè nhưng có bạn bè cũng không đem lại cho ta sự hài lòng hoàn toàn. Khi tâm chúng ta bị lòng ham muốn khống chế thì việc có hoặc không có một thứ nào đó cũng sẽ chỉ mang lại cho chúng ta một điều duy nhất là sự không như ý.

Có vẻ như chúng ta hiểu biết được sự khác nhau giữa hạnh phúc và khổ đau nhưng thực ra khi chúng ta thấy chúng ta đã liên miên làm việc này việc nọ mang lại khổ đau cho chính mình, thì rõ ràng là chúng ta thực sự không hiểu biết gì cả.

Vì lòng bám luyến của chúng ta, chúng ta cảm thấy phấn khích khi gặp được những thứ chúng ta ao ước và chúng ta tưởng lầm sự phấn khích này là hạnh phúc. Chúng ta không thể thấy được rằng có được những thứ này trong lòng chúng ta cũng không cảm thấy yên ổn hay thanh thản, bởi vì cái tâm mong cầu không được như ý chưa dừng lại, chúng ta tự bắt mình phải chịu đựng tâm trạng thường xuyên thay đổi và không ổn định. Bám luyến là cái tâm đầy âu lo, căng thẳng khi chúng ta bị



dính mắc một cách khổ sở với một thứ gì, không thể nào tách rời khỏi nó được.

Khi tâm chúng ta bị sự mong cầu chế ngự, không chỉ tính chất xác thực của thứ ta mong cầu đó bị che mờ mà chúng ta còn không thể nhìn thấy được những bất cập của chính lòng mong cầu đó. Nhìn thấy một người bạn từ đằng xa chúng ta tức khắc thấy phấn khích với lòng bám luyến, tâm của ta gán ghép và thổi phồng đối tượng. “Anh ấy tuyệt vời quá! Đẹp đẽ quá! Mình thật may mắn được gặp anh ấy trên đường phố như thế này”. Chúng ta ôm chặt lấy đối tượng bám luyến của chúng ta như thể là nó thật sự hiện hữu, thêu dệt về nó và làm cho ta không thể thấy rõ được bản chất thật của đối tượng. Chúng ta gán cho đối tượng đang đi về phía chúng ta tất cả những phẩm chất đã được thổi phồng và chúng ta trông đợi một cách mông lung rằng đối tượng đó có thể làm cho chúng ta thực sự hạnh phúc.

Khi chúng ta mới nhìn thấy anh bạn của chúng ta từ đằng xa chúng ta chỉ nhìn thấy thân hình của anh ấy mà thôi. Chỉ sau đó chúng ta mới nhận ra và gán cho cái thân hình ấy cái nhãn “bạn của tôi”. Trước tiên chúng ta nhìn thấy cái cái nền, trên đó chúng ta gán cái nhãn “bạn”, rồi chúng ta nhìn thấy “người bạn”. Đây không phải là cách nó xuất hiện. Đối với chúng ta “người bạn” và cái thân hình đang đi về phía chúng ta là không tách rời nhau được, trong khi mà “người bạn” chỉ là một sự phóng chiếu của cái tâm của chúng ta. Mặc dù chính cái tâm chúng ta đã gán cái nhãn “bạn” lên sự vật, chúng ta tin cái nhãn đó và chúng ta nhìn sự vật không phải chỉ là một người bạn được gán nhãn; hình như đối với chúng ta đó là một người bạn có thật. Rồi chúng ta nói, “Đây là anh bạn tôi”.

Đối với chúng ta người bạn đó không phải chỉ đơn thuần là một sự gán ghép do cái tâm của chúng ta, mà là một cái gì hoàn toàn trái ngược lại. Đang đi về phía chúng ta là một người bạn hiện hữu một cách thực chất, hoàn toàn không lệ thuộc vào tâm của chúng ta. Quả thật có một người ở đó, nhưng người bạn thực sự hiện hữu thì chẳng qua chỉ là một sự trang hoàng, một sự phóng chiếu gán lên trên một cái nền, chỉ là những tập hợp các thuộc tính của một người bạn đơn thuần là do gán ghép, tạo nên bởi ảnh hưởng tiêu cực mà vô minh trong quá khứ đã lưu lại trên dòng tâm thức của chúng ta.

Đây là điều hôn muội căn bản của chúng ta, và tất cả những điều phiền não làm chúng ta khổ sở và cướp đi hạnh phúc của chúng ta – như là tâm sân hận, ganh ghét, cao ngạo – đều từ đó mà ra. Hiểu sai sự vật, chúng ta bị trở ngại, vướng mắc. Giống như bị say ma túy, chúng ta có ảo giác về một sự vật có thật và độc lập mà thực ra không có. Dưới sự khống chế của tư tưởng tám pháp thế gian, chúng ta nhìn thấy người bạn bị gán ghép như là thường hằng và bất biến, như là nguyên nhân thật sự mang lại hạnh phúc thật sự cho chúng ta. Đây là người bạn của chúng ta và anh ấy sẽ

không bao giờ thay đổi. Nhưng thay đổi là chuyện tự nhiên và khi có một chuyện gì xảy ra và anh ấy thay đổi chúng ta bị “sốc”.

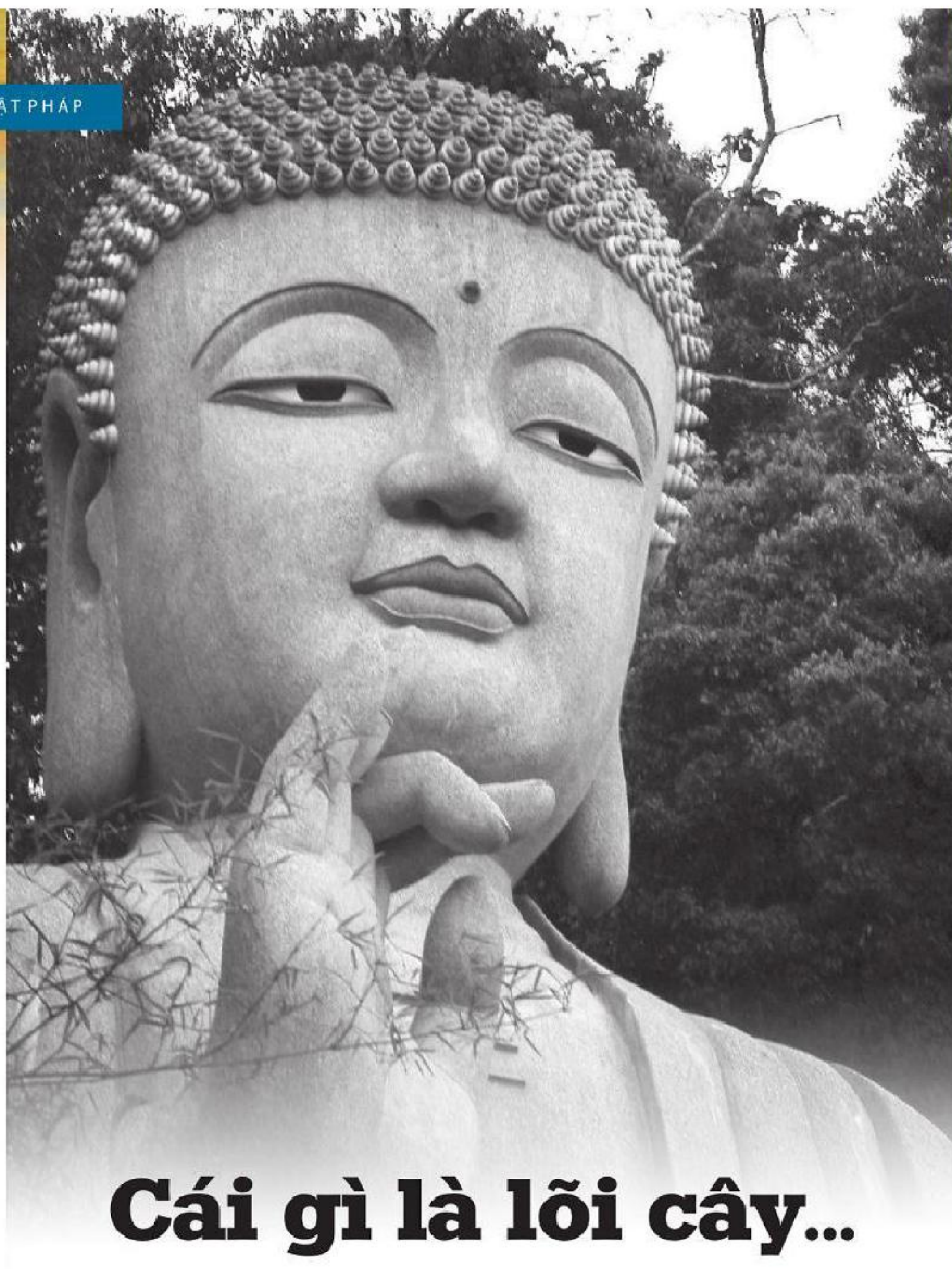
Không thấy rõ được bản chất của thực tại, chúng ta xem những điều vô thường như là thường hằng và chúng ta đau khổ. Chỉ có chúng ta, chứ không phải ai khác, mang lại phiền não cho chính mình. Chúng ta tự làm khổ chính mình vì không nhận chân được thực tại, vì không nhìn thấy mọi chuyện đúng như bản chất của chúng. Chúng ta nhìn nhận mọi chuyện theo cách hoàn toàn mâu thuẫn với thực tại và bám víu vào các



giả tượng này. Chúng ta trở thành người tạo ra đau khổ cho chính mình như vậy đó.

Cái mà bản chất chỉ là đau khổ lại có vẻ là hạnh phúc đối với chúng ta; cái vô thường thì có vẻ thường hằng; cái bất tịnh lại có vẻ thanh tịnh, cái không thật sự hiện hữu có vẻ là thật sự hiện hữu. Trong khi chúng ta đang bám víu vào những hiện tượng này, ham muốn những sự vật này, thì chúng trông có vẻ tốt đẹp nhưng chẳng sớm thì muộn chúng sẽ lừa dối chúng ta. Kết quả cuối cùng của mối quan hệ của chúng ta với chúng chỉ là khổ đau... Đây là luân hồi. Đường như có được những sự toàn thiện trong luân hồi là một điều tốt, nhưng bởi vì chúng ta không từ bỏ bám luyến vào cuộc đời này, chúng ta chắc chắn thế nào rồi cũng bị thất vọng. Ngay cả sau khi chúng ta đã tìm thấy được điều mà chúng ta mong cầu thì nó cũng không bao giờ hoàn hảo. Luôn luôn có một cái gì đó còn thiếu trong lòng chúng ta. Cái tâm mong cầu không được như ý làm chúng ta mất đi hạnh phúc.

Nguồn: *The Dissatisfied Mind of Desire*, do mandalamagazine.org trích từ “How to Practice Dharma: Teachings on the Eight Wordly Dharmas” của Zopa Rinpoche. ■



Cái gì là lỗi cây...

NGUYỄN ĐỨC

Nhân sự kiện Đế-bà-đạt-đa (*Devadatta*) chạy theo danh lợi lôi kéo 500 Tỷ-kheo trẻ ra đi thành lập hội chúng riêng, Đức Phật triệu tập chúng Tăng và thuyết bài kinh *Đại kinh Thí dụ lỗi cây* (*Mahàròpamasutta*) nhằm nhắc nhở các Tỷ-kheo về lý tưởng và mục đích cao cả của chí nguyện xuất gia – đoạn tận khổ đau – mà chư vị

cần phải nỗ lực theo đuổi cho tới cùng, quyết không để cho danh vọng lợi dưỡng hay các mục đích tầm thường khác mê hoặc lôi kéo vào con đường sa ngã. Bài kinh dùng hình ảnh người đi tìm lỗi cây để ám chỉ người xuất gia sống đời sống Phạm hạnh với mục đích tìm kiếm cứu cánh giải thoát và nêu ra năm hạng Phạm hạnh tương ứng với năm thành quả của sự tu tập mà người xuất gia

có được nhằm nhấn mạnh đến kết quả cuối cùng là sự thành tựu phi thời giải thoát (*asamayavimokkha*) hay tâm giải thoát bất động (*akkupà-cetovimutti*), được xem là mục đích cứu cánh, là lõi cây của đời sống Phạm hạnh. Năm hạng Phạm hạnh gồm:

1. Phạm hạnh cảnh lá (*sàkhàpalāsa*): nói về việc người xuất gia được lợi dưỡng, cung kính, danh vọng (*lābhasakkàrasiloka*) rồi sinh tâm hoan hỷ tự mãn, khen mình chê người, trở thành kẻ mê say, tham đắm, phóng dật, rơi vào khổ đau.

2. Phạm hạnh vỏ ngoài (*papatikā*): ngụ ý sự tu tập thành tựu giới đức (*sīla*) khiến người xuất gia sinh tâm hoan hỷ tự mãn, khen mình chê người, trở thành kẻ mê say, tham đắm, phóng dật, rơi vào khổ đau.

3. Phạm hạnh vỏ trong (*taca*): ngụ ý sự thành tựu thiền định (*samādhi*) khiến người xuất gia sinh tâm hoan hỷ tự mãn, khen mình chê người, trở thành kẻ mê say, tham đắm, phóng dật, rơi vào khổ đau.

4. Phạm hạnh giác cây (*pheggu*): ngụ ý sự thành tựu tri kiến (*nānadassana*) khiến người xuất gia sinh tâm hoan hỷ tự mãn, khen mình chê người, trở thành kẻ mê say, tham đắm, phóng dật, rơi vào khổ đau.

5. Phạm hạnh lõi cây (*sāra*): nói về việc người xuất gia tu tập lần lượt đạt đến mục đích cứu cánh, tức thành tựu thời giải thoát (*samayavimokkha*) và phi thời giải thoát (*asamayavimokkha*) hay còn gọi là tâm giải thoát bất động (*akkupà-cetovimutti*), chấm dứt hoàn toàn mọi khổ đau.

Có thể xem bài kinh là bài học lớn cho người xuất gia. Ngoài ý nghĩa lưu nhắc các Tỷ-kheo về lý tưởng và mục đích cứu cánh của đời sống xuất gia, bài kinh còn chỉ rõ thái độ lệch lạc trong việc tu tập khiến cho người xuất gia dễ rơi vào các mục đích tầm thường, nhầm lẫn giữa đường hướng và mục tiêu, giữa phương tiện và cứu cánh. Đó là thái độ tự mãn; khen mình, chê người; mê say, tham đắm đối với các thành quả tạm thời trên bước đường tu tập dẫn đến lối sống phóng dật sa đọa. Chính thái độ lệch lạc này khiến cho người xuất gia trở nên mê muội, điên đảo, rơi vào các mục đích thường tình, như tự bằng lòng với danh vọng lợi dưỡng, hài lòng với giới đức, thỏa mãn với thiền định, cao ngạo với tri kiến, không còn nỗ lực cầu tiến, không đạt được cứu cánh giải thoát như chí nguyện xuất gia buổi ban đầu. Tương tự một người tha thiết đi tìm lõi cây, nhưng thay vì nỗ lực lấy cho được lõi cây, lại chỉ bằng lòng mang về cành lá, vỏ ngoài, vỏ trong hay giác cây. Sau đây là toàn bộ nội dung lời Phật thuyết giảng¹:

“Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị thiện nam tử do lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: ‘Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể, toàn bộ khổ uẩn này có thể được chấm dứt.’ Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy hoan hỷ, mãn nguyện. Do

lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy khen mình, chê người: ‘Ta được lợi dưỡng như vậy, được danh vọng như vậy. Còn các Tỷ-kheo khác ít được biết đến, ít có uy quyền.’ Vị ấy, vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: ‘Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu...’ Chư Tỷ-kheo, như vậy vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã nắm lấy cành lá của Phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại ở đây.

“Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do thành tựu giới đức này, vị ấy khen mình, chê người: ‘Ta là người tri giới, theo thiện pháp. Các Tỷ-kheo khác phá giới, theo ác pháp.’ Do thành tựu giới đức này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: ‘Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu...’ Chư Tỷ-kheo, như vậy vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã nắm lấy vỏ ngoài của Phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại ở đây.

“Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ, nhưng không tự

mãn. Do thành tựu giới đức này, vị ấy không khen mình, chê người. Do thành tựu giới đức này, vị ấy không trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thiền định. Do thành tựu thiền định này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do thành tựu thiền định này, vị ấy khen mình, chê người: 'Ta có thiền định nhất tâm. Các Tỷ-kheo khác không có thiền định, tâm bị phân tán'. Do thành tựu thiền định này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong, lấy chúng mang đi, tưởng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy, bèn nói: 'Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong mang đi, tưởng đó là lõi cây. Và người này không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu'. Chư Tỷ-kheo, như vậy vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã nắm lấy vỏ trong của Phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại ở đây.

"Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức, vị ấy hoan hỷ, nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thiền định. Vị ấy do thành tựu thiền định này, nên hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu thiền định này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu thiền định này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu tri kiến. Vị ấy vì tri kiến này, nên hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy do tri kiến này, khen mình, chê người: 'Ta sống, thấy và biết. Các Tỷ-kheo khác sống, không thấy và không biết'. Vị ấy do tri kiến này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi, tưởng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: 'Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, chặt giác cây và mang đi, tưởng đó là lõi cây. Và người ấy không đạt được mục đích

mà lõi cây có thể thành tựu'. Chư Tỷ-kheo, như vậy vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã nắm giữ giác cây của Phạm hạnh. Và do vậy, vị ấy đã dừng lại ở đây.

"Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu giới đức. Do thành tựu giới đức, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thiền định. Do thành tựu thiền định, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu thiền định này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu thiền định này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu tri kiến. Do thành tựu tri kiến này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này, khen mình, chê người. Vị ấy không vì thành tựu tri kiến này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống không phóng dật, vị ấy thành tựu thời giải thoát, phi thời gian giải thoát. Chư Tỷ-kheo, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy chặt lõi cây, mang đi và biết đó là lõi cây. Một người có mắt thấy như vậy, có thể nói: 'Người này biết lõi cây, biết giác cây, biết vỏ trong, biết vỏ ngoài, biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy chặt lõi cây, mang đi và tự biết đó là lõi cây. Và người ấy đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu'. Chư Tỷ-kheo, như vậy vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã nắm giữ lõi cây của Phạm hạnh.

"Như vậy, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này không phải vì lợi ích lợi dưỡng, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu giới đức, không phải vì lợi ích thành tựu thiền định, không phải vì lợi ích thành tựu tri kiến. Và này các Tỷ-kheo, tâm giải thoát bất động chính là mục đích của Phạm hạnh này, là lõi cây, là mục tiêu cuối cùng của Phạm hạnh."

Trong Kinh tạng Pàli có câu nói "Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài" (Yo saro so thassati)², nhấn mạnh mục đích thuyết pháp của Đức Phật là nhằm huấn luyện các học trò mình đạt đến cứu cánh giác ngộ, đạt đến tâm giải thoát kiên cố, không dao động, không thoái chuyển, vững chắc, cứng rắn như lõi cây. Vì theo lời Ngài thì chỉ có lõi cây (sāra) - tâm giải thoát bất động (akkupā-cetovimutti) - mới là cứu cánh, mới an trụ vững bền.

Chú thích:

1. Đại kinh Thí dụ lõi cây, Trung Bộ.
2. Kinh Đại không, Trung Bộ. ■



Nhân kỷ niệm 60 năm thành lập Gia đình Phật tử

Về quá trình hoạt động và phương hướng phát triển mới của **Gia đình Phật tử Việt Nam**

THÍCH NGUYỄN THÀNH

1. Bối cảnh hình thành Gia đình Phật tử

Từ thế kỷ thứ 19 sang đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp đã chia cắt nước ta làm ba miền để dễ cai trị. Triều đình nhà Nguyễn lại lo chấn hưng Nho học. Phật giáo bị lu mờ, bị xem là cổ hủ, tín đồ phần lớn chỉ lo việc cầu đảo, sa ngã vào tín ngưỡng hình thức thế tục. Trong khi đó, văn hóa Tây phương xâm lấn dần, được xem là trào lưu mới, văn minh. Thiên Chúa giáo, với sự ủng hộ của thực dân đã phát triển mạnh, mang ý nghĩa tiến bộ, hợp thời.

Châu Á với truyền thống Phật giáo cũng lâm vào hoàn cảnh đó. Một số vị tôn túc thức thời đã tìm cách phục hưng Phật giáo cho phù hợp với thời đại mới. Ở Tích Lan, Đại sư Dhammapala mở phong trào khôi phục truyền thống Phật giáo. Ở Trung Quốc, cư sĩ Dương Nhân Sơn lập Kỳ Hoàn tinh xá, triệu tập các nhà Phật học nghiên cứu các kinh sách bằng Hán, Anh, và Pa-li ngữ; Đại sư Thái Hư lập Học viện Vũ Xương đẩy mạnh việc chấn hưng Phật giáo. Các nước Myanmar, Sri Lanka, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan cũng nổi lên phong trào đổi mới Phật giáo.



Từ năm 1920 khắp ba miền của đất nước, nhiều vị tôn túc Phật giáo trí đức cao vời đã hô hào và mở đầu phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Ở miền Bắc có Đại sư Thanh Hanh giảng dạy Phật pháp thu hút đông đảo quần chúng Phật tử; ngài Đỗ Văn Hỷ ẩn hành khá nhiều kinh sách Phật giáo. Ở miền Trung có các Đại sư Tuệ Pháp, Thanh Thái, Đắc Ân, Tâm Tịnh, Phước Huệ... Ở miền Nam có các Đại sư Từ Phong, Khánh Hòa, Huệ Quang, Khánh Anh... Chư vị đều là những tu sĩ nổi tiếng, thu hút được các giới Phật tử nhờ cách giảng dạy nghiêm túc, có phương pháp thiện xảo. Thế rồi từ 1930, 1932, 1935 các hội Phật học ở cả ba miền được thành lập, cải tiến hoạt động, song song với việc các kinh sách và tạp chí Phật giáo ngày một phổ biến nhiều, mang tính tân học Phật giáo.

Một phong trào có ảnh hưởng khá nhiều đến động cơ hình thành, cơ cấu tổ chức và phát triển của Gia đình Phật tử là tổ chức Hướng đạo sinh Việt Nam, một hình thái tiếp thu hoạt động của phong trào Hướng đạo sinh Thế giới do Trung tướng người Anh Baden Powell đề xướng năm 1907 đã phát triển tại khá nhiều nơi trên thế giới. Năm 1930, phong trào này được du nhập vào Việt Nam do ông Trần Văn Khắc ở Hà Nội chủ xướng; chủ trương bổ sung giáo dục gia đình và học đường, giúp thanh thiếu niên rèn luyện tính khí, tháo vát, thích nghi với hoàn cảnh, trở thành công dân tốt, có trách nhiệm. Phong trào được sự tham gia tổ chức của các vị nhân sĩ thời danh như Tạ Quang Bửu, Trần Duy Hưng, Lưu Hữu Phước, Tôn Thất Tùng.

Nhân Lễ Phật đản năm Ất Hợi (10-5-1935) được Hội An Nam Phật học tổ chức tại Huế, hình ảnh 52 em nhỏ mặc đồng phục đã gợi lên ý tưởng thành lập một tổ chức cho thanh thiếu niên Phật tử. Cư sĩ Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, Chánh hội trưởng Hội An Nam Phật học đã xây dựng ý tưởng này và đến năm 1940, Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục ra đời với sự hướng dẫn trực tiếp của cư sĩ. Khởi đầu, đoàn gồm các vị như Phạm Hữu Bình (Trưởng đoàn), Đinh Văn Nam (Phó đoàn), Ngô Điển (Thư ký), Đinh Văn Vinh, Ngô Thừa, Võ Đình Cường. Đoàn lớn mạnh không ngừng; đến năm 1944, đổi tên thành Gia đình Phật hóa phổ. Đại hội Gia đình Phật hóa

phổ tổ chức tại chùa Từ Đàm gồm các đại biểu ở chín tỉnh miền Trung diễn ra từ 24 đến 26-4-1951 và cải danh Gia đình Phật hóa phổ thành Gia đình Phật tử Việt Nam. Cư sĩ Võ Đình Cường được cử làm Trưởng ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Tổng hội Trung phần.

Từ đó, Gia đình Phật tử Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Kể từ Đại hội toàn quốc năm 1953 tại Huế, Gia đình Phật tử tại Nam Việt do cư sĩ Tổng Hồ Cẩm làm Trưởng ban Hướng dẫn đã mở rộng khắp miền Nam và mỗi gia đình đều có vị thầy Cổ vấn Giáo lý. Tại Sài Gòn có quý ngài Thiện Hoa, Thiện Hòa, Thiện Định, Thanh Từ, Trí Hữu, Huyền Vi...

Trải qua cuộc đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm kỳ thị tôn giáo, các thành viên Gia đình Phật tử đã hy sinh thân mạng, bị tù đầy tra tấn cho đến khi chính quyền phản động ấy bị lật đổ. Sau ngày thống nhất đất nước, Gia đình Phật tử đình trệ một thời gian ngắn rồi được Giáo hội Phật giáo Việt Nam công nhận và được hoạt động trở lại. Ngày nay, Gia đình Phật tử đã có được 75.000 đoàn viên và huynh trưởng với 1.006 Gia đình tại 31 tỉnh thành trên ba miền đất nước.

2. Những nhận định về quá trình hoạt động

Kể từ khi manh nha ý tưởng thành lập đến khi hình thành tổ chức và sau đó là hoạt động của Gia đình Phật tử, ta thấy sự phát triển mạnh mẽ của đoàn thể này. Ta có thể kể một số nguyên nhân chủ yếu đưa đến sự phát triển của Gia đình Phật tử.

a. Trước hết là manh nha của ý tưởng sáng lập xuất phát từ lòng yêu nước, yêu đạo Phật, muốn xây dựng một xã hội hiền thiện, đào tạo những người Phật tử chân chính, bảo vệ truyền thống tốt đẹp của Phật giáo và văn hóa nước nhà trước âm mưu thống trị, đồng hóa của thực dân xâm lược.

b. Thành phần lãnh đạo là chư tôn đức, đạo hạnh, trí tuệ cao vời và các cư sĩ tân học, thức thời đồng tâm hợp lực thực hiện lý tưởng Phật giáo, vì thế hệ trẻ rường cột của đất nước. Chư vị có tầm nhìn xa trông rộng, biết áp dụng trong tính sáng tạo các phương cách, nội dung sinh hoạt, tổ chức, phát triển của phong trào cải tiến Phật giáo trên thế giới, nhất là ở châu Á.

c. Nội dung sinh hoạt rất tốt, gây không khí tươi vui, hấp dẫn thanh thiếu niên, giới thiệu Phật giáo rất nhẹ nhàng trong khung cảnh ngôi chùa, các trò chơi, các buổi cắm trại, hoạt động văn nghệ... rất mới mẻ, phù hợp với tuổi trẻ. Chính cái mới, đúng đắn, thiết thực có sức hấp dẫn nhiều nhất.

d. Có tổ chức các ngành, các cấp, nhân sự chặt chẽ, từ vị thầy Cổ vấn Giáo lý đến các huynh trưởng các cấp, đến bác Gia trưởng... đến mối liên hệ cấp gia đình, cấp quận huyện, tỉnh thành, địa phương và trung ương.

e. Cần nói thêm về sự mô phỏng và áp dụng sáng tạo của Gia đình Phật tử từ sinh hoạt của tổ chức Hướng đạo sinh. Chủ trương của hai bên đều gần như nhau,

nhưng Gia đình Phật tử nhấn mạnh đến tính Phật giáo, tính Việt Nam. Do đó mà Gia đình Phật tử phát triển mạnh, vượt hẳn Hướng đạo Việt Nam chỉ trong vòng 30 năm kể từ khi được thành lập.

3. Nhận định về tình hình hiện nay và góp ý về phương hướng phát triển mới

Trong bốn năm qua, kể từ khi Giáo hội chấp nhận Gia đình Phật tử là một phân ban của Ban Hướng dẫn Cư sĩ Phật tử, các hoạt động của Gia đình Phật tử có chuyển hướng tốt, mạnh mẽ, sinh động hơn rất nhiều. Các cuộc hội thảo, các trại huấn luyện, các công tác xã hội... được tổ chức nhiều hơn, có phẩm chất cao hơn, có quy mô lớn hơn so với trước đó.

Tuy vậy, so với những năm trước 1975 thì Gia đình Phật tử cũng không phát triển gì nhiều, và nhiều mặt công tác còn yếu hơn. Hãy xem tổng số huynh trưởng và đoàn viên hiện nay là 75.000 so với trước kia là 73.000; đây là hai con số xấp xỉ trong khi dân số nước ta tăng lên gấp đôi so với 40 năm trước đây. Một nguyên nhân chính trong việc Giáo hội PGVN chậm đánh giá tầm quan trọng của GDPT là chính nhân sự hoạt động của GDPT thiếu ổn định. Nghi kỵ, dèm pha, bất đồng ý kiến, chia rẽ... giữa các huynh trưởng về lập trường, về vị trí...

Nếu ta xét đến những nguyên nhân chủ yếu đưa đến sự phát triển của Gia đình Phật tử trước kia và xét tình hình hiện nay thì thiết nghĩ cũng có thể rút ra được một số điểm quan trọng để đưa vào kế hoạch, chương trình hoạt động trong phương hướng sắp đến của GDPT. Theo chúng tôi, sau đây là một số điểm chúng ta cần xét đến và cố gắng thực hiện cho được trong kế hoạch phát triển GDPT.

a. Củng cố nhân sự: Trước hết là sự đoàn kết giữa các huynh trưởng các cấp vì lý tưởng của GDPT, không phân biệt quan điểm, lập trường, người cũ, người mới. Người cũ đã lâu không hoạt động nay hoạt động trở lại là điều đáng quý.

Chư tôn lãnh đạo trong GDPT cần tin tưởng, giúp đỡ các huynh trưởng hoạt động, các tích cực khuyến nghị Giáo hội lưu tâm nhiều hơn đến GDPT, cần tham gia lập kế hoạch, cần có ý kiến sáng tạo, cần có trách nhiệm nhiều hơn đối với GDPT.

Các huynh trưởng cần tuân phục, chân thành, gắn gũi với chư tôn để được chỉ đạo, giúp đỡ trong công tác. Đối với đoàn sinh, phải chăm lo gắn gũi nhiều hơn.

Cần có Ban Bảo trợ, Ban Cố vấn vững mạnh.

b. Cải tiến tổ chức, hành chánh: Từ nay cho đến hết nhiệm kỳ còn khoảng hơn một năm nữa, Phân ban GDPT T.Ư cần vận động qua các hội thảo, lập kiến nghị... để đến kỳ Đại hội đại biểu PG toàn quốc sắp đến có thể thông qua Hiến chương có sửa đổi, công nhận Phân ban GDPT là một ban chính thức chứ không phải thuộc Ban Hướng dẫn Phật tử vì nội dung sinh hoạt của GDPT cần độc lập để có thể phát triển nhanh chóng.

GDPT cần có Ban Bảo trợ vững mạnh để giúp các chi phí hoạt động. Tuy vậy, GDPT cần phải có quỹ riêng bằng cách đề nghị các đoàn viên, huynh trưởng đóng nguyệt liễm (có thể theo quý). [Trung bình mỗi thành viên đóng lệ phí mỗi tháng khoảng 4.000 đồng. Mỗi Gia đình Phật tử giữ 50%, 25% đóng góp cho Phân ban GDPT tỉnh thành, 25% đóng cho Ban Hướng dẫn GDPT T.Ư. Với 75.000 thành viên, Ban GDPT T.Ư mỗi tháng có khoảng 75.000.000 đồng tiền quỹ]. Để thực hiện điều này, quý Thầy cố vấn giáo lý và các huynh trưởng cần vận động đoàn sinh và gia đình các em thuận tình đóng góp khoản lệ phí ít ỏi ấy.

c. Cải tiến nội dung sinh hoạt: Sở dĩ GDPT thu hút được thanh thiếu niên từ khi mới được thành lập là do có nội dung sinh hoạt lành mạnh, mới mẻ và cần thiết. Để phát triển GDPT trong thời hội nhập, chúng ta cần tìm ra cái mới, cái bổ ích, phù hợp với thời đại và tránh xa những tiêu cực của thời đại.

Cần tăng cường sự thiết thực và hấp dẫn trong sinh hoạt: hình thức lễ lạy, tụng kinh, các kỹ năng chuyên môn, âm nhạc, kịch, thảo luận các đề tài nhỏ, thông thường về gia đình, học đường, xã hội..., các trò chơi, các cuộc cắm trại qua đó rèn luyện sự sáng tạo, tháo vát, tinh thần đồng đội, trách nhiệm... ở các em.

Một nội dung cần thiết được thực hiện mạnh mẽ hơn đó là tham gia các việc công ích, từ thiện xã hội. Hình ảnh GDPT thật hiếm thấy trong các công tác này: vệ sinh đường phố, trồng cây xanh, cứu trợ bão lụt, giúp người cơ nhỡ, tiếp sức mùa thi...

d) Tăng cường công tác đối ngoại: Tạo cho được mối liên kết giữa GDPT tại VN với các GDPT ở nước ngoài, vì lý tưởng GDPT, vì Đạo pháp và Dân tộc, tiến tới sự đoàn kết tương trợ.

Cần có sự liên kết chặt chẽ với các ban ngành trong Giáo hội để được hỗ trợ, chia sẻ công tác. Ví dụ: tham gia công tác xã hội với Ban Từ thiện xã hội, đóng góp công sức vào các hoạt động, lễ lạt của Giáo hội Trung ương, địa phương.

Đối với gia đình của các đoàn sinh, các huynh trưởng cố gắng có sự liên hệ chặt chẽ hơn để tìm hiểu các em, để được góp ý. Thỉnh thoảng tổ chức cuộc gặp mặt chung của phụ huynh các em, tạo không khí đầm ấm và sự ủng hộ mạnh mẽ hơn.

4. Kết luận

Trên đây chỉ là một số ý kiến đóng góp cho việc phát triển Gia đình Phật tử. Chúng ta không quên lời nói tâm huyết của vị tiên phong trong việc thành lập GDPT, Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám: "Không có một thành tựu bền vững nào lại không nhằm đến hàng ngũ thiếu niên, họ là những người nối tiếp chúng ta trong ngày mai". Xây dựng một xã hội hiền thiện thấm nhuần tinh thần Phật giáo là mục đích của chúng ta. Xây dựng vững bền và phát triển đúng hướng GDPT là vô cùng quan trọng. ■



Buồn vui tình lẻ

CAO HUY HÒA

Cách đây không lâu, một bài viết có nhan đề: “Nỗi buồn tình lẻ” được đăng trên báo *Tuổi Trẻ* đã khiến tôi chú ý. Mấy hôm sau, tôi lại thấy nhiều trang web đăng lại bài này, chứng tỏ bài viết có sức cuốn hút dư luận.

Tác giả bài viết ấy, ký bút danh Tam Hữu, nhân dịp về Huế trò chuyện cùng bạn bè, đã ghi nhận nỗi niềm những người bạn Huế của mình về việc họ phải chịu nhiều thiệt thòi trên phương diện văn hóa, văn nghệ, giải trí: chỉ biết điện ảnh qua xem phim trên tivi, không biết đến phim màn ảnh rộng, chưa từng đặt chân đến rạp xem phim. Khi tác giả hỏi chẳng lẽ Huế không có một rạp chiếu phim nào hay sao thì nhận được tiếng cười ồ lớn: “Có, một rạp. Nhưng chỉ để vô đó ‘đóng phim’ hoặc ‘coi phim khán giả đóng’”. Một người bạn của tác giả còn nhắc lại, lúc ở Huế chiếu phim *Trăng nơi đáy giếng*, một bộ phim hay mang tính cách Huế do đạo diễn người Huế làm, đã được tác giả nhắc nhở cố tìm cách xem được, thì cũng “... Em tìm đủ cách nhưng không coi được vì phim chỉ chiếu một buổi

ra mắt cho một số khách mời thân thiết. Phim làm trên đất Huế mà còn rứa hướng là...” Cũng người bạn ấy than thở về việc sách cũng phải nhờ mua ở Sài Gòn, những chương trình ca nhạc hoặc các vở kịch có giá trị chỉ thấy xuất hiện ở Sài Gòn chứ tại Huế không có. Cuối bài, tác giả thổ lộ, mình vốn ở Huế, tốt nghiệp đại học tại Sài Gòn, sau khi ra trường đã không về Huế mà chọn Sài Gòn vì một phần lý do quan trọng là Sài Gòn có “những điều kiện thụ hưởng văn hóa, giải trí cho bản thân”.

Khái niệm *tình lẻ* thỉnh thoảng được nêu lên trên báo chí và qua phiếm luận dân gian. Lẻ có nghĩa là gì? Có thể là lẻ loi, là thiếu thốn. Lẻ loi vì đứng bên ngoài những trào lưu tân tiến của thời đại mà chỉ ở những thành phố lớn mới có, hoặc đi sau những trào lưu đó. Thiếu thốn vì không có những sinh hoạt văn hóa, văn nghệ đặc sắc, hoành tráng, những sân chơi thể thao quy mô, có phẩm chất tốt, những tiện nghi sang trọng, những phong cách lịch sự, văn minh của cư dân những đô thị lớn, ... Lẻ là mặc cảm an phận, là im lặng thờ dài.

Ở nước ta, chắc chỉ có hai thành phố không gọi là tỉnh lẻ, đó là Hà Nội và TP. HCM, còn thì... như Huế mà vẫn mang thân phận tỉnh lẻ thì những tỉnh thành khác e cũng vậy mà thôi. Mà Huế có bề dày văn hóa và lịch sử đáng kể lắm chứ, kinh đô một thời vang bóng, cố đô di sản văn hóa của thế giới, một nơi phong cảnh tuyệt đẹp, một địa chỉ du lịch nổi tiếng, với sông Hương và quần thể kiến trúc hài hòa với thiên nhiên, chập chùng đồi núi và mệnh mông đầm phá, biển cả; một văn hóa Phú Xuân vẫn phát huy giá trị, một đại học Huế đã có trên nửa thế kỷ lịch sử, một trung tâm y tế chuyên sâu, một học viện âm nhạc, một đại học mỹ thuật,...

Có bao nhiêu bạn trẻ rời Huế mà đi như tác giả bài báo? Không có thống kê chính xác hàng năm, nhưng chắc chắn là nhiều. Trước hết đó là những học sinh ưu tú, tốt nghiệp trung học phổ thông hồ hởi lên đường vào TP. HCM (một số ít hơn ra Hà Nội), dự thi đại học và đã thỏa mãn nguyện vọng được "du học" tại Sài Gòn. Các sinh viên này ra trường lại già từ Huế "thằng cò o ngón" để làm việc tại TP. HCM; và không chỉ các bạn này, các bạn trẻ tốt nghiệp đại học tại Huế cũng bôn ba vào Sài Gòn tìm đất sống. Không chỉ các bạn trẻ đủ điều kiện kinh tế gia đình để đi học xa, mà ngay các bạn con nhà khó khăn vẫn can đảm đi, chịu đựng gian khổ, cố làm ra chút ít tiền để trang trải áo cơm. Cũng không quên những cha mẹ nghèo trên nhiều miền đất nước, đi cùng với con vào TP. HCM lạ nước lạ cái, con thì học đại học, còn mình thì bôn ba bán vé số, bán hàng rong... hầu nuôi con ăn học. Không chỉ tú tài, cử nhân, mà các bạn trẻ thôn quê cũng vào Nam tham gia vào đội quân lao động, đáp ứng nhu cầu công nhân đơn giản của các công ty, xí nghiệp. TP. HCM mở vòng tay ra đón, nào là cơ quan, xí nghiệp nhà nước, nào là công ty tư nhân, nào là các công ty nước ngoài...

TP. HCM là nơi đất lành chim đậu. Đất lành ở đây là đất nhiều thức ăn cho chim, hơn hẳn nơi khác ít thức ăn và khó kiếm, khó chen chân. Bạn Tam Hữu trong bài báo nói trên, đã cho biết bạn *lựa chọn Sài Gòn hơn ở Huế vì muốn hưởng thụ văn hóa nhiều hơn, không cam chịu hẩm hiu tỉnh lẻ*. Tuy nhiên, những người trẻ chọn con đường Nam tiến, ban đầu chỉ vì kiếm sống, hoặc cao hơn một chút là vì muốn đến nơi mà mình được có công việc xứng đáng, được trả đồng lương đáng hoàng, không chạy chọt, không quy lụy ai, chứ đầu tiên không nghĩ gì đến chuyện lẻ chẵn, nhưng dần dần các bạn cảm nhận nét nổi trội trong nền kinh tế năng động, trong sinh hoạt văn hóa của đất mới, phong phú, tươi trẻ, thoáng, dồi dào sách vở, tài liệu, từ đó các bạn càng thêm yêu thành phố đông dân rộn ràng này. Không có gì lạ, các thế hệ trước cũng đã đi vào như các bạn, và trong số đó, có những gương mặt rất thành công, như cá gặp nước, như rồng gặp mây, đặc biệt là những ca sĩ, nhạc sĩ, nhà báo, doanh nhân...

Đất lành còn là nơi miền Nam mưa nắng hai mùa, đơn giản, không canh cánh lo bão tố, lụt lội, không

thấp thỏm gió mùa đông bắc, áp thấp nhiệt đới, không ủ ế với rét đậm, rét hại, với mưa dầm thúi đất.

Nhưng không có gì là hoàn hảo, đất lành ở TP. HCM thể hiện ở cơ hội làm ăn, ở thụ hưởng văn hóa, thì đất lành này chẳng "lành" bao nhiêu về điều kiện sống và môi trường: đất chật người đông với biết bao khó khăn về ăn ở, vệ sinh, ô nhiễm, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, stress, triểu cường, ung ngáp... Bởi thế cho nên, sống là phải biết chọn lựa. Các bạn thanh niên đã biết chọn đất lành ở nơi xa, dẫu rằng rất tương đối, làm nơi đậu, các bạn khác quay trở lại làm ăn nơi quê nhà, một số đông các bạn chọn nơi học, nơi làm ở quê hương... cuối cùng ai cũng phải chọn và không ai cứ ngẩn ngơ ngã ba đường, phí thời gian trôi qua mà không có chút cơ nghiệp. Và khi đã lựa chọn, thì chấp nhận xây dựng cuộc sống, cái không thuận lợi thì xem như đương nhiên – ai thay đổi được ông trời để so bì khí hậu nơi này nơi khác -, còn cái gì thuận lợi thì làm sao cho nó phục vụ đời sống tốt hơn.

Dấu sao, khi con người đã có cuộc sống vật chất đầy đủ thì muốn hưởng thụ văn hóa, giải trí cao hơn; và thành phố lớn, như Hà Nội và TP. HCM đáp ứng đầy đủ hơn ở nơi khác, do ưu thế về điều kiện tự nhiên, về vị thế chính trị, văn hóa và tiềm lực kinh tế. Nhưng trong cuộc cạnh tranh để mang lại hạnh phúc cho nhân dân, dần dần các thành phố khác cũng đứng để khoảng cách xa với hai thành phố lớn này. Tác giả bài báo trên *Tuổi Trẻ* mà tôi trích dẫn ở trên, đã nêu lên thực trạng rạp chiếu phim ở Huế, có cũng như không, đó là một sự tụt hậu rất rõ khi so sánh Huế với các thành phố khác, nhất là trước đây, xem phim là một sinh hoạt văn hóa đầy quyến rũ và phổ thông ở Huế. Rồi đến hoạt động ca nhạc, Huế không phải là địa chỉ hàng đầu để những tài năng âm nhạc tìm đến.

May mắn thay, ngày nay, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là kỹ thuật truyền thông, làm cho khoảng cách địa lý ngắn lại, và con người được bình đẳng hưởng thụ những kỳ diệu như nhau giữa các vùng miền: nơi đâu cũng dùng được internet, cũng xem được bóng đá quốc tế, được xem chương trình tivi, được trao đổi thư từ, chia sẻ thông tin, trao đổi tri thức... Ai ai cũng có thể nâng cao trình độ văn hóa nếu biết sử dụng các tiện ích của internet và truyền thông đại chúng, dĩ nhiên nếu có quyết tâm và trình độ tương xứng.

Công bằng mà nói, nhiều khi thỏa mãn vì cái tiếng thơm của địa phương mà thôi, chứ đại đa số bạn trẻ có mấy ai hưởng thụ những tiện nghi văn hóa cao cấp mà chỉ hai thành phố lớn mới có, có mấy ai nai lưng làm việc khó khăn mà bỏ tiền ra mua vé xem văn nghệ có giá vé từ năm trăm ngàn đến vài triệu đồng, và chắc là đa số bạn trẻ cũng không bén mảng đến các rạp xem phim cao cấp hơn là rạp ở Huế. Cho nên mọi sự chọn lựa đều có tính cách rất tương đối, mọi mặt cảm đều nên xóa đi cho đầu óc rảnh rang để vui vẻ sống với hiện tại. Cái

danh không làm cho con người cao sang hơn, cũng như không kéo con người thấp xuống.

Ngày nay, khái niệm quê hương không còn chật hẹp như trước. Ai cũng có quyền lựa chọn một vùng đất sống khả dĩ trụ lại được một cách xứng đáng, có thể đó là nơi chốn quê cũ, hoặc một vùng đất mới. Ai cũng mong đất sống của mình ngày càng giàu đẹp, văn minh, nhưng đừng quên mình phải góp phần vào thành quả chung của mọi người. Mong muốn thì có nhiều nhưng tựu trung một thành phố có đời sống văn hóa lý tưởng khi mọi người cư xử với nhau hiền hòa, nhân ái, trọng đạo đức,

văn hóa, giáo dục và lao động, được thờ trong môi trường trong lành, nhà nước cùng các tổ chức xã hội, từ thiện và các nhà hảo tâm chung tay cứu giúp những người bất hạnh một cách thành tâm và hiệu quả; một thành phố mà ý thức công dân của người bình thường, nhất là thanh niên, sinh viên, học sinh, thể hiện rõ nét trong việc tôn trọng luật đi đường, không xả rác bừa bãi, giữ gìn công viên sạch đẹp, quán ăn sạch sẽ... Còn ngoài ra, có thêm những nhân tố tích cực nào làm con người vui hơn, hiện đại hơn, thì quá quý, nhưng xin đừng kéo theo những kích thích thị hiếu tầm thường, những hiểm nguy rập rập do xe cộ lưu thông, những thù tạc thừa mứa, những vấn nạn do ô nhiễm môi trường,...

Một thành phố như thế chưa là hiện tiền – dĩ nhiên chưa bao giờ đáp ứng trăm phần trăm – nhưng không phải là xa vời, và đã có ít nhiều cơ sở: một người bạn của tôi vào làm việc tại TP. HCM đã mấy chục năm, từ khi về hưu thì năm nào cũng trở về quê cũ – làng Bác Vọng, huyện Quảng Điền, không xa Huế, bên dòng sông Bồ hiền hòa, xanh mát – và mỗi lần về thì càng quý quê mình: dân làng sống tình nghĩa, Phật tử sinh hoạt đông vui từ khi chùa làng trùng tu, nhà không cần đóng cửa, kể cả ban đêm, xe để ngoài sân, ăn rau quả tươi và sạch vì hái ngoài vườn, và nếu muốn thư giãn chuyện trò với bạn bè thì cũng có quán cà phê thanh lịch không thua gì ở nội thành. Tôi tin những điểm sáng như thế không phải là hiếm hoi, chỉ mong sao những điểm này sẽ sáng hơn và được nhân lên để ngày mai đẹp hơn ngày hôm nay. ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2011

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam : 100 cuốn/kỳ
Một độc giả : 81 cuốn/kỳ
 Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ
 Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
 Ô. Phạm Văn Nga : 37 cuốn/kỳ
 Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
 Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
 ĐĐ. Thích Thiện Minh : 20 cuốn/kỳ
 PT Chánh An & Chơn Hòa : 12 cuốn/kỳ
 Bà Phùng Kim Vy : 11 cuốn/kỳ
 Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
 Cô Cẩm Hà (USA) : 10 cuốn/kỳ
 PT. Tâm Hiến, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
 Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
 Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
 Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
 Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 10 cuốn/kỳ
 Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
 Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
 Phật tử Diệu Đình : 8 cuốn/kỳ
 Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
 Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
 Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng, CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Có Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Thái Quang Hy : 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng : 5 cuốn/kỳ
 Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Chú Tiến, TP. HCM : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
 BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, CT TNHH Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Nguyễn Thị Hoa, CT Văn Lang G : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
 BBT Viện.khongtu.com : 2 cuốn/kỳ

Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Bà Đặng Nguyên Phương : 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7 : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
Cô Hồ Thị Phương : 1 cuốn/kỳ
Ô. Cao Dũng, Đà Lạt : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 603 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn

Ban Biên tập



Một cách nhìn về nữ quyền và bình đẳng giới

PHAN MINH ĐỨC

Vào tháng 8 năm 1910, một Hội nghị Phụ nữ Quốc tế được tổ chức tại Copenhagen, Đan Mạch, ngay trước phiên họp khoáng đại của Quốc tế II Xã hội chủ nghĩa, quy tụ 100 đại biểu phụ nữ thuộc 17 quốc gia. Tại hội nghị này, ngoài việc chấp thuận một chiến lược nhằm thúc đẩy quyền bình đẳng giới, trong đó có quyền bỏ phiếu của phụ nữ, các đại biểu còn đưa ra ý tưởng tổ chức một ngày kỷ niệm quốc tế dành cho phụ nữ toàn cầu, nhưng không ấn định rõ rệt ngày nào. Ngay tháng Ba năm sau, 1911, lần đầu tiên ngày Quốc tế Phụ nữ được kỷ niệm bằng một cuộc mít tinh có cả triệu người tham gia, tập hợp tại thủ đô của các nước Áo, Đức, Đan Mạch, và Thụy Điển.

Kỷ nguyên đấu tranh của phụ nữ quốc tế đòi nữ quyền và bình đẳng giới đã diễn ra đúng một thế kỷ. Từ đó đến nay, vai trò và vị thế của người phụ nữ cả trong gia đình lẫn ngoài xã hội đã có nhiều thay đổi. Phụ nữ đã được quyền tham gia vào nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội; đã có những cơ hội và điều kiện phát huy năng lực bản thân

thông qua việc học tập và được đào tạo, đã giành được quyền bầu cử và ứng cử, đã thực sự có mặt với những tỷ lệ ngày càng cao trong các bộ máy quản lý doanh nghiệp hoặc quản lý nhà nước, đã được hưởng thụ những thành tựu về văn hóa và các thành quả xã hội, được chia sẻ việc gia đình, không bị phân biệt đối xử... Những cố gắng của phụ nữ trên khắp thế giới đã mang lại những kết quả đáng khích lệ, khẳng định được giá trị của người nữ.

Việt Nam tham gia Công ước Liên Hiệp Quốc về Bình đẳng giới năm 1980. Năm 2006, Quốc hội khóa XI thông qua Luật Bình đẳng giới nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Công ước. Hiện nay, ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội và giữ những vị trí quan trọng trong bộ máy Nhà nước.

Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, người ta chứng kiến không ít phụ nữ thành đạt trong hoạt động xã hội mà lại không được hưởng hạnh phúc của cuộc sống gia đình. Nguyên nhân hẳn là có nhiều, nhưng những lý do chính có thể kể ra gồm một mặt là vẫn tồn tại trong xã hội những định kiến về vai trò và vị trí của phụ nữ, mặt

khác là khái niệm bình đẳng giới chưa được hiểu đúng, và do nhận thức chưa thật đầy đủ về bình đẳng giới mà chính người phụ nữ tự đặt mình vào những hoàn cảnh không thể phát huy được giá trị của mình. Thật vậy, không riêng ở Việt Nam mà tại nhiều nơi trên thế giới, việc nội trợ được coi là thuộc trách nhiệm của người nữ. Do đó, sau thời gian đóng góp ngoài xã hội, khi trở về đời sống gia đình, người nữ vẫn phải gánh vác thêm công việc trong nhà, gồm nuôi dạy và chăm sóc con cái, làm những công việc không tên để bảo đảm cho sinh hoạt gia đình không bị trở ngại như nấu nướng, giặt giũ, quét dọn. Bên cạnh đó, có những trường hợp người phụ nữ có thu nhập cao hơn lại có những thái độ ứng xử thiếu tế nhị trong sinh hoạt gia đình, hoặc nại lý do bình đẳng giới để tham dự vào mọi hoạt động xã hội, như uống rượu, tụ tập với nhau trong những nhóm giải trí không có giới hạn... đến nỗi bỏ bê gia đình. Một báo cáo được đăng tải trên *Newsweek* cho biết hầu hết những trường hợp ngoại tình của người phụ nữ đều có liên quan đến những đồng nghiệp nam, dẫn xuất từ những hoạt động chung trong công việc.

Theo tài liệu *"Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách"* do Ủy ban Quốc gia vì sự Tiến bộ Phụ nữ Việt Nam xuất bản năm 2004 thì "Bình đẳng giới là sự thừa nhận và coi trọng như nhau các đặc điểm giống và khác nhau giữa nữ giới và nam giới". Như vậy, bình đẳng giới không có nghĩa là không có sự khác biệt về giới tính, những điểm đặc trưng của nam giới và nữ giới; bình đẳng không có nghĩa là nam giới và nữ giới giống nhau về mọi mặt; không phải là nam làm gì thì nữ cũng làm được.

Trên tinh thần đó, người phụ nữ Việt Nam cần phải hiểu rằng luật pháp công nhận giá trị của người nữ cũng bằng như giá trị của người nam, mặc dù giữa nữ và nam vẫn có những khác biệt về phương diện chức năng. Người nam, với đặc điểm của phái "mạnh", có thiên chức làm cha và được xã hội đòi hỏi phải gánh vác trách nhiệm cộng đồng; trong khi người nữ có những đặc điểm của "phái yếu" và được hưởng thiên chức làm mẹ, nên được xã hội trao cho những trọng trách của việc tổ chức gia đình. Sự bình đẳng nằm ở chỗ giá trị của trách nhiệm cộng đồng và giá trị của trọng trách tổ chức gia đình là như nhau. Theo luật pháp về bình đẳng giới, người nữ còn được bảo vệ quyền lợi ở chỗ được xã hội tạo điều kiện để hưởng thụ những thành tựu về văn hóa, kinh tế, khoa học kỹ thuật... của loài người; được tiếp thu một nền giáo dục như nam giới, được phân công công việc như nam giới trong trường hợp có mong muốn. Hơn thế nữa, người nữ được khuyến khích hưởng thụ những quyền lợi đó. Điều quan trọng nhất trong việc hưởng thụ quyền lợi của bình đẳng giới nằm ở chỗ, người nữ cũng như người nam đều có quyền lợi và trách nhiệm ngang nhau đối với khối cộng đồng tài sản mà một gia đình tạo dựng được trong quá trình sống chung.

Vì từ ngàn xưa, thân phận người phụ nữ gắn chặt với bếp núc và những công việc bị coi là "lặt vặt" trong gia đình, việc người phụ nữ tham gia vào đời sống công cộng bị nghiêm cấm; do đó, khi người phụ nữ giành được quyền tham gia vào công việc xã hội, họ liền nghĩ rằng họ được "giải phóng" khỏi những công việc lặt vặt. Đây là một suy nghĩ tiêu cực.

Thật ra, ý niệm ban đầu của cuộc đấu tranh bình đẳng giới vẫn là đòi hỏi xã hội công nhận giá trị của người phụ nữ. Như vậy, thay vì thoát ly khỏi công việc gia đình, ngày nay người phụ nữ có thẩm quyền tổ chức công việc gia đình với sự trợ giúp của nam giới. Bình đẳng giới chủ yếu nằm ở chỗ nam giới cần phải hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc chia sẻ công việc gia đình với người nữ; người nam cũng cần biết những giới hạn quyền lực của mình trong việc tổ chức gia đình, nhất là trong việc định đoạt khối tài sản chung. Từ đó, giữa người nam và người nữ có sự bàn bạc thẳng thắn và bình đẳng trong việc phân công lao động trong gia đình, trong việc sử dụng thành quả lao động của các thành viên trong gia đình, trong việc ấn định thời gian dành cho gia đình của từng thành viên; trong đó, cả người nam lẫn người nữ đều chú ý đến những đặc điểm về thể chất, về tâm sinh lý, về khả năng, về học thức, về hoàn cảnh xuất thân... của nhau để có sự sắp xếp hợp lý, không phải trên cơ sở bình quân, mà trên cơ sở thích hợp với từng người và đem lại hiệu quả cao nhất cho cuộc sống gia đình.

Hiển nhiên, ngoài trách nhiệm đối với xã hội, người đàn ông vẫn còn có trách nhiệm đối với gia đình. Ngay cả trong trường hợp người đàn ông đảm nhận việc mưu sinh, ngoài giờ đi làm, người đàn ông cũng nên giúp đỡ người vợ trong việc chăm sóc gia đình và con cái. Ở những hoàn cảnh tế nhị hơn, khi nhận biết mình không có khả năng thành đạt trong xã hội, người đàn ông cần chú tâm hơn đến việc gia đình để người đàn bà tháo vát có thể rộng đường xoay xở trong lúc bươn chải lo cho sự sống. Đặc biệt, nếu biết vợ có tài năng hơn mình, người chồng có thể hy sinh đến mức toàn tâm toàn ý lo liệu việc nhà, giúp vợ mình thăng tiến trong xã hội. Trong các trường hợp này, cả hai người không ai phải có mặc cảm. Vì lẽ giá trị công việc của mỗi người vẫn ngang nhau, nếu không có người này lo việc gia đình thì người kia làm sao rảnh rang lo việc xã hội? Đừng nên vì kiêu ra tiền mà người phụ nữ coi thường chồng mình. Người đàn ông cũng không cần phải cảm thấy nhục nhã vì lệ thuộc vào vợ. Vấn đề nằm ở chỗ đừng ai để cho người khác thấy có sự lệ thuộc trong mối quan hệ đó.

Ngược lại, do thiên chức làm mẹ, chỉ người phụ nữ mới có thể mang thai và cho đứa con chào đời từ bụng mình, sau đó, cho con bú và chăm sóc con trong giai đoạn sơ sinh của đứa trẻ. Như vậy, trong giai đoạn làm mẹ, người phụ nữ cũng nên hiểu những nhiệm vụ của bà mẹ là những việc người đàn ông không thể san sẻ



với mình. Do đó, nếu đã chấp nhận có con, trong một thời gian nhất định, người mẹ nên từ bỏ công việc xã hội để có thể đem lại cho con trẻ sự ấm áp của tình mẫu tử, tạo điều kiện cho người đàn ông ra ngoài lo việc kiếm sống. Thêm nữa, với bản tính kỹ lưỡng của người phụ nữ, việc giữ gìn “tay hòm chìa khóa” nên là việc mà người phụ nữ cần quán xuyến, có kế hoạch chi tiêu phù hợp, biết đủ để không làm thâm hụt ngân quỹ gia đình, là những khả năng mà người đàn ông không thể bằng được.

Nói chung, bình đẳng giữa nam và nữ là tạo điều kiện cho người nữ có cơ hội tham gia vào hoạt động xã hội, nhưng không để ảnh hưởng đến việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Cho rằng có được sự bình đẳng là được giải phóng khỏi thân phận phụ nữ có thể là một suy nghĩ lệch lạc, vì lẽ thân phận người phụ nữ gắn chặt với thiên chức làm mẹ, là phải sinh con, nuôi dạy con. Từ đó mà người phụ nữ cũng có vai trò hết sức quan trọng trong việc chăm sóc gia đình, không chỉ nuôi dạy con, mà còn thể hiện trong việc chăm sóc những người phải phụ thuộc vào gia đình như cha mẹ già hoặc anh chị em không may bị bệnh hoạn không thể tự túc... Bởi thế kinh nghiệm người xưa cho rằng: “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”, có nhà chưa hẳn đã có hạnh phúc, chỉ có hạnh phúc khi ngôi nhà trở thành tổ ấm của mình. Ngày nay, quyền lợi và nghĩa vụ của nam giới và nữ giới là như nhau, người phụ nữ cũng được xem trọng như người đàn ông, có quyền tham gia mọi hoạt động trong mọi lãnh vực của đời sống. Tuy nhiên cần thấy rõ vai trò và tầm quan trọng của người phụ nữ trong việc xây dựng tổ ấm gia đình là nền tảng của xã hội. Không có hạnh phúc gia đình

thì không có xã hội bền vững. Mẫu người phụ nữ mà tương lai mong đợi là mẫu người “đảm việc nước, giỏi việc nhà”, vai trò vượt ra khỏi phạm vi gia đình nhưng không đánh mất vai trò xây dựng hạnh phúc gia đình, để ngày càng có nhiều đóng góp cho xã hội mà nền tảng gia đình vẫn luôn vững chắc.

Riêng trong trường hợp những người phụ nữ đã xác định sống cuộc sống độc thân để theo đuổi một lý tưởng nào đó, như lý tưởng tôn giáo hay lý tưởng khoa học, thì sự bình đẳng giữa nam và nữ cần được thể hiện một cách rõ ràng trong việc tiếp cận công việc, đảm nhận những trách nhiệm công, giữ những chức vụ lãnh đạo...

Phật giáo đã xác lập sự bình đẳng giới từ cách nay hai ngàn sáu trăm năm. Thấy vậy, khi thấy vua Pasenadi bắn khoăn vì hoàng hậu Mallika sinh con gái, Đức Phật đã nói với nhà vua rằng điều bắn khoăn đó là sai lầm. Ngài nói rằng một người con gái mà có đức hạnh và trí tuệ thì còn ưu việt hơn con trai nếu con trai hư hỏng, ngu dốt. Trong một xã hội như Ấn Độ cổ, coi thường phụ nữ, việc Đức Phật chấp nhận cho phụ nữ tham gia vào giáo đoàn là một minh chứng rõ rệt cho thấy Ngài không hề phân biệt nam hay nữ. Trên tinh thần lời dạy của Đức Phật, người nam Phật tử nên thấy mọi người nữ, tùy theo tuổi tác, như bà, như mẹ, như chị, như em, hay như con, như cháu của mình; ngược lại, người nữ Phật tử cũng nên thấy mọi người nam như ông, như cha, như anh, như em hay như con, như cháu của mình. Khi đó, trong hành xử, ta luôn tạo mọi điều kiện bình đẳng để phát triển tối đa năng lực của mỗi người trong việc tạo dựng một xã hội an lạc dựa trên những gia đình hạnh phúc làm nền tảng. ■



Nhịp điệu của đời sống

SYLVIE LAPOINTE
PHẠM CHÁNH CẦN dịch

Hơi thở của tôi đang mất sự điều hòa. Những cử động của tôi cũng không còn uyển chuyển. Tôi có thể cảm thấy mình đang phải vật lộn. Tôi cần tìm lại nhịp điệu của mình. Tôi buông lỏng trong vận động. Tôi đưa nhận thức của mình trở lại với cơ thể và với cảm giác êm dịu của nước. Chẳng mấy chốc, những sai tay của tôi đều đặn trở lại và hơi thở của tôi tìm lại được nhịp điệu của nó. Khi có mặt ở đúng chỗ, dường như tôi có thể bơi mãi không ngừng.

Vài ngày trước kỳ nghỉ lễ, ngón chân tôi bị sưng tấy và tôi phải tạm ngưng việc chạy bộ trong vòng vài tuần. Em gái tôi, cũng là một "hào thủ chạy bộ", đề nghị tôi nên chuyển sang bơi dầm vòng hồ mỗi ngày để giữ gìn

sức khỏe cho đến khi ngón chân của tôi được chữa lành. Tôi vẫn thích bơi lội. Trong một thời gian, bơi lội đã từng là môn thể thao độc nhất của tôi. Mới chừng vài năm trước, chẳng hiểu tại sao mà một ngày kia tôi lại không bơi nữa. Nay tôi đang thấy mình trở về với hồ bơi, bên cạnh những tay bơi thường xuyên của mỗi buổi sáng sớm, bơi từng vòng hồ một, và điều đó làm tôi dễ chịu. Điều đó giống như mình trở về nhà mình vậy.

Vào một lúc nào đó giữa vòng bơi thứ 35 và 40, tôi nhận ra rằng chính cái nhịp điệu đã mang lại cho tôi sự vỗ về. Tới rồi lui, hết vòng bơi này sang vòng bơi khác, cùng một tốc độ, cùng những động tác của cánh tay, cùng những động tác của cẳng chân, nhịp điệu hộ tống tôi.

Những chuyển động có nhịp điệu vây bọc lấy ta với một cảm giác tĩnh lặng. Bất kỳ ai đã từng đưa vòng ru một đứa trẻ ngủ hay từng ngồi trên một chiếc ghế xích đu đều có thể chứng thực cái sức mạnh êm dịu của những chuyển động nhịp nhàng chậm chậm ấy. Nhưng không nhất thiết chuyển động phải chậm mới có tác dụng dỗ dành.

Tôi thích cái bước nhịp nhàng nhanh nhẹn của việc chạy bộ. Nghe cái tiếng đập thình thịch của bàn chân đặt lên mặt nền vỉa hè, đôi cánh tay tôi đánh ra trước ra sau, hơi thở của tôi mỗi lúc một gấp hơn, nhưng vẫn theo nhịp.

Khi bạn suy nghĩ về điều này, bạn sẽ thấy rất nhiều hoạt động của cuộc sống hàng ngày đều có một nhịp điệu.

Những thói quen hàng ngày của chúng ta có nhịp điệu: thức dậy, đánh răng, tắm mát, mặc quần áo, ăn cái gì đó điểm tâm, đến trường học hay đến sở làm... Hầu hết chúng ta thực hiện những hành động đó theo cùng một thứ tự vào mỗi buổi sáng. Đó là một thói quen có nhịp điệu. Những ngày của chúng ta có một nhịp điệu: sáng, trưa, và tối; ăn sáng, ăn trưa, và ăn tối; làm việc và chơi đùa; thức dậy và đi ngủ.

Những giai đoạn trong cuộc đời của chúng ta cũng có nhịp điệu: những năm vô tư vô lự của thời trẻ con, cảm giác lo lắng hối hận của những năm thuộc thời niên thiếu, việc học tập và đàn dúm cho đến khi ta rời bỏ những năm miệt mài trên giảng đường đại học, những năm tháng "lao vào làm việc", những năm tháng "nuôi nấng gia đình", rồi những năm tháng với cái tổ ấm trống rỗng, và những năm tháng về hưu.

Nhịp điệu là sự buông lỏng. Có lẽ vậy là vì những âm thanh đầu tiên mà ta được nghe với tính cách một con người là những âm thanh có nhịp điệu. Đó chính là tiếng nhịp tim của mẹ ta khi ta còn nằm trong bụng mẹ.

Âm thanh hơi thở nhịp nhàng của một đứa trẻ đang ngủ hay tiếng thở của người ta yêu khi người ấy nằm cạnh ta trên giường là một vài âm thanh ngọt ngào trong số những âm thanh êm dịu nhất trên cõi đời này. Chúng là những âm thanh chỉ cho ta biết mọi sự trong đời đều tốt đẹp.

Nhịp điệu cuộc sống của bạn là gì? Chúng có bao bọc bạn với một cảm giác tĩnh lặng không? Chúng có mang lại cho bạn một sự thanh tĩnh trong nội tâm không?

Đôi khi nhịp điệu cuộc sống của chúng ta có thể lắng vào cảm giác của một trạng thái tự mãn sai lạc. Con người chịu đựng được mọi sự chỉ vì chúng đã quá quen thuộc. Như một câu ngạn ngữ nói, "*Điều khủng khiếp mà bạn đã biết tốt hơn là điều khủng khiếp mà bạn chưa biết*". Ngay cả khi chúng ta không có hạnh phúc với hoàn cảnh hiện tại, đôi khi chỉ vì sợ hãi mà ta không thử tìm kiếm một điều gì mới mẻ. Tôi nghĩ rằng cái dấu hiệu báo động đầu tiên được trông đợi chính là một cảm giác chung của sự bồn chồn. Chẳng qua là có điều gì đó mang lại một cảm giác không thích hợp. Cho nên

ta nghĩ, "*có lẽ ta chỉ cần cắt đứt với tất cả những chuyện này*" và bắt đầu tìm kiếm một cuộc trốn chạy chóng vánh, chẳng hạn đi xuống vùng biển Caribbean trong vòng một hay hai tuần như một biện pháp làm gián đoạn cái nhịp điệu buồn chán của đời sống. Đi nghỉ mát chỉ có thể là một giải pháp tạm thời. Đôi khi những chuyến đi nghỉ mát là điều mà các bác sĩ đòi hỏi ở ta. Khi trở lại với cuộc sống hằng ngày, ta có cảm giác tươi mới và sẵn sàng lao trở lại vào cuộc đời. Vào những dịp khác, ta chán nản nhận thức rằng cùng những cảm giác phiền muộn cổ xưa ấy lại ập đến với ta ngay khi ta trở về với những lễ thói đều đặn. Điều ấy đã bao giờ xảy đến với bạn chưa? Điều ấy đã bao giờ xảy đến với bạn chưa?

Jon Kabat-Zinn là một giáo sư y khoa danh dự; là Giám đốc sáng lập Đường đường Giảm Căng thẳng và Trung tâm Thực hành Chánh niệm trong y khoa, Điều dưỡng, và Xã hội tại trường Y khoa thuộc Viện Đại học Massachusetts. Ông giảng dạy về Thiền Chánh niệm như một kỹ thuật giúp con người đối phó với căng thẳng, lo âu, đau đớn và bệnh tật. Ông đã viết một quyển sách do nhà Hyperion xuất bản năm 1994 mà ngay tựa đề của nó cũng có thể đã là một sự gợi ý về một giải pháp, đó là *Wherever You Go, There You Are: Mindfulness Meditation In Everyday Life* (tạm dịch: *Bất cứ nơi nào bạn đến, bạn đang ở đó: Thiền Chánh niệm trong cuộc sống hàng ngày*). Hãy nghĩ về điều đó; hãy nghĩ rằng bất cứ nơi nào bạn đến, đó chính là nơi bạn đang ở, ngay cả khi bạn cố trốn thoát khỏi điều làm cho bạn đau đớn lúc đang có mặt trên một chiếc máy bay với niềm hy vọng hay đang uống đến ly rượu vang thứ tư; điều làm bạn đau đớn không bao giờ rời bỏ bạn vì nó nằm bên trong bạn. Giải pháp ư? Hãy chọn để hành động và hãy có được sự khác biệt.

Đôi khi chúng ta cần chuyển sang những nhịp điệu cao hơn của cuộc sống để những tiềm năng mới có thể xuất hiện. Có điều gì trong cuộc sống của bạn mà bạn muốn thay đổi không? Trước hết, bạn cần phải dừng lại và lắng nghe nhịp điệu cuộc sống của bạn. Kế đó, bạn cần phải quyết định xem bạn có thích cái nhịp điệu ấy hay không. Bạn có thể thay đổi nhịp hành tẩu của bản nhạc hay phong cách của bản nhạc. Bạn có thể học để đánh giá những kiểu âm nhạc mới trong đời sống của mình. Kể cả bạn có thể tạo ra những đoạn nhạc hoàn toàn không có những âm thanh thiếu hòa hợp. Chính bạn phải là người tự chọn nhịp điệu cho cuộc khiêu vũ của cuộc đời và tự đánh lên những tiếng trống của chính mình.

Nguồn: *The Rhythm of Your Life*, đăng tải trên L2Emergence.com

Sylvie Lapointe là một chuyên gia tâm lý xã hội học người Canada, hoạt động trong lãnh vực tư vấn phát triển tổ chức. ■



Đường hoa...

THẢO NGUYỄN

1 Chiều cuối hạ, đi dọc đường Nguyễn Chí Thanh (thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam), tôi lại bắt gặp những nụ hoa bằng lăng khoa sắc màu tím dong đưa theo gió. Dường như, mùa hạ sắp qua rồi nhưng cây bằng lăng vẫn còn đọng lại vắt vẻo trên cành những nụ hoa tím tím, như muốn níu giữ và đem đến cho đất trời chút tươi tắn dịu nhẹ giữa trời đầy nắng và gió. Những chồi non thai nghén trong những ngày qua giờ đã trở thành những chùm hoa tím ngát. Mỗi hoa bằng lăng là sự "sắp xếp" khéo léo của tạo hóa với từng cánh hoa mỏng như lụa khe khẽ rung khi đón cơn gió về. Tôi nhớ lắm thời sinh viên ở Huế, mấy đứa con gái lăng mạn cứ sau buổi đi học ở thư viện về thì thế nào cũng có vài nhành hoa giắt ở túi xách làm duyên. Con đường Lý Thường Kiệt của cố đô Huế ngày ấy là con đường hoa bằng lăng nổi tiếng. Rồi thăm thì to nhỏ: Ô hay, trên cùng một nhành hoa bằng lăng mà lạ chưa, có tới hai màu trắng và màu tím. Những bông hoa đầu cành phơn phớt màu trắng tinh khôi, và những bông hoa cuối cành lại là màu tím trong dịu dàng, thanh thoát, khe khẽ nhấm thắm câu thơ của ai đó: *"Bằng lăng tím, tím chi mà tím mãi..."*.

Cùng với điệp vàng, phượng vĩ, bằng lăng cũng là loài hoa "học trò". Khi hạ về, ve ngân nga khúc nhạc ồn ã, lòng các cô cậu học trò xốn xang. Mùa thi đến rồi, cũng là mùa chia tay đầy lưu luyến. Thời gian, không thể xóa

nhòa những kỷ niệm yêu thương. Màu tím bằng lăng cứ gợi ta về một thời xưa xa lắc, trên con đường gập ghềnh của lối vào đời. Bây giờ, mỗi ngày bận bịu với cuộc sống thường nhật nhưng những lần đi trên những con phố nhỏ đáng yêu thế này, mỗi cây bằng lăng như là một "chứng nhân" níu kéo ta cảm nhận đủ thứ buồn vui cuộc đời theo cảm xúc riêng. Trên con phố với hai hàng bằng lăng mà từng ngày ta đi qua, cảm giác thanh bình, mát lạ trong tiếng nhạc gió vi vu nhẹ nhẹ. Từng cây bằng lăng im lặng đang dâng tặng cho đời sắc hoa tím thủy chung trong vắt. Có thể có cây bằng lăng đứng đầu đó ở một góc sân trường thì sẽ chứng kiến nỗi xôn xao giục giã của mùa thi, và cũng ngậm ngùi luyến tiếc cho những mối tình vừa chớm nở đã vội vã chia tay. Cũng có thể có cây bằng lăng đứng ở góc đường ngã tư nào đấy, ngẫm nhìn biết bao cuộc gặp gỡ hay chia xa... Màu tím hoa bằng lăng lại rưng rưng nỗi niềm trong ánh mắt. Dưới cái nắng hạ chói chang gắt gỏng, màu tím ấy như làm dịu đi sự bức bối oi nóng, và gợi lên những kỷ niệm thân thương thời sách vở của biết bao người...

2 Chiều nay ngắm hàng cây bằng lăng với những nụ hoa cuối cùng sau mùa hạ, rồi miên man nghĩ hình như thành phố nào trên trái đất này cũng có một loại cây riêng có. Để khi nhắc đến tên đất là nhớ đến tên cây và ngược



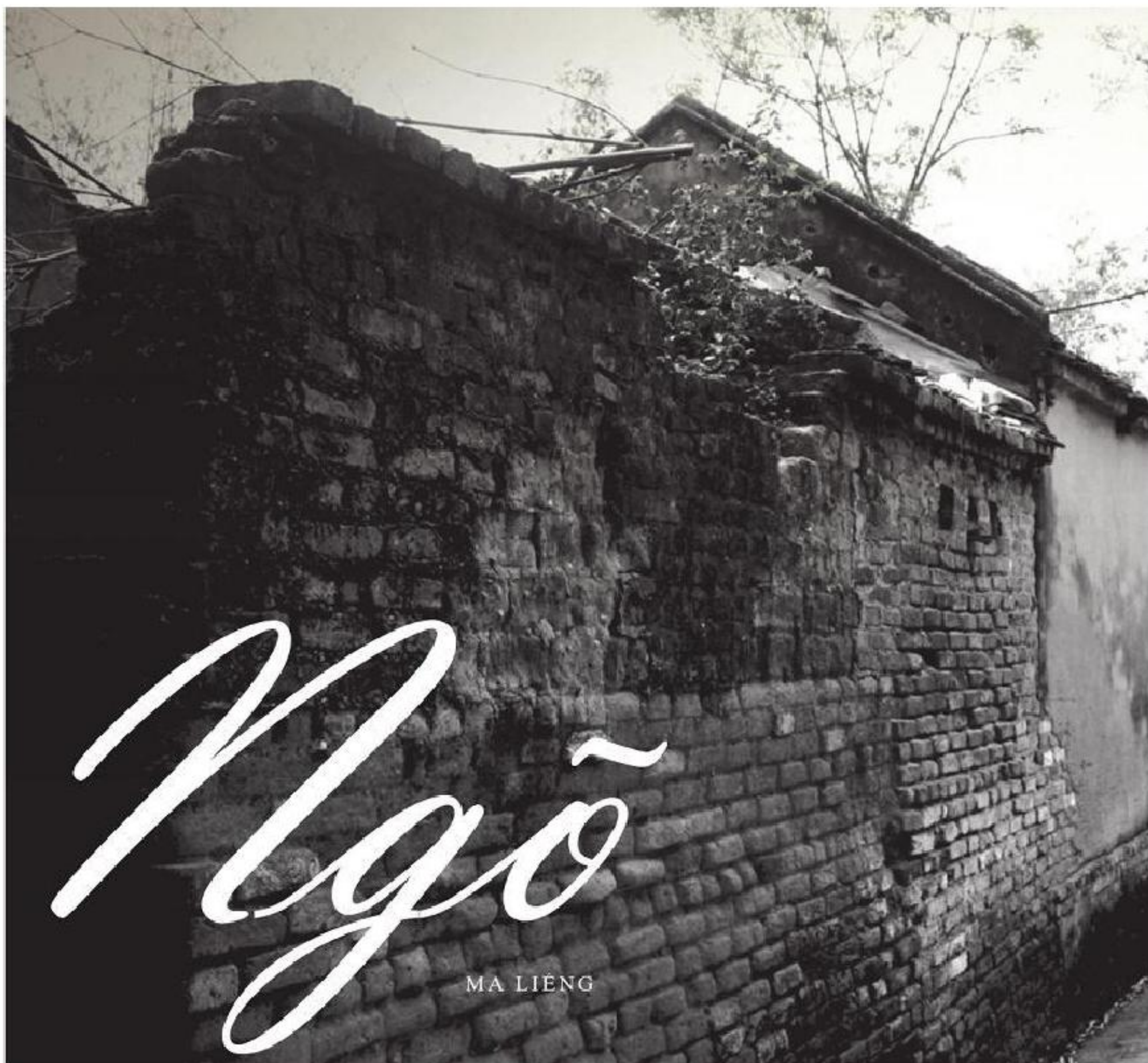
lai. Như thành phố Tam Kỳ đáng yêu nơi tôi sinh ra và lớn lên có biết bao điều về “đường hoa” mà không bao giờ phai mờ trong ký ức xa xăm. Những hồ sen nơi vùng ven thành phố, cứ chiều về thoáng nhẹ trong gió mùi hương riêng đồng đất quê nhà, rằng hương sen ngào ngạt đưa ta về với cội nguồn quê hương. Và bước chân vào phố, có con đường Huỳnh Thúc Kháng nồng nàn hương hoa sữa, băng khuâng tỏa hương thơm theo mỗi bước chân qua. Hoa sữa dọc hai bờ sông Tam Kỳ lộng gió, màu hoa vàng thao thức nhắc nhớ kỷ niệm ngày nào thời ấu thơ theo mẹ ra bờ sông nhặt cánh sữa vàng. Mấy góc phố đường Hùng Vương sừng sững những cây phượng già, mà hạ đến là sắc đỏ mênh mang một góc trời. Con đường Trần Phú lại giăng đầy trên vĩa hè của những cánh hoa điệp vàng bé tí, khẽ theo cơn gió thoảng qua...

Rồi tôi hình dung thêm ra và chợt nhớ đến Hải Phòng là thành phố hoa phượng đỏ, rừng thông bạt ngàn của Đà Lạt mù sương. Hay hoa sữa nồng nàn hương về đêm của nơi Hà thành ngàn năm, Sài Gòn phố vương đầy lá me bay hoa vàng rực nắng... Xa hơn, khi nhắc chài là, ai mà không nhớ Baghdad, đến liễu rủ đìu hiu là nhớ xứ Hàng Châu và nói đến Phnom Penh là gọi ta nhớ đến từng hàng cây thốt nốt... Tên cây, tên đất vô tình thành đôi song ca mà khi gọi lên, nhớ đến hẳn không thể phai nhòa.

Cứ như thế, mỗi hàng cây trên từng con phố đã làm ta thấy tự hào, rằng đã bắt đầu có một chút gì để nhớ, để lưu lại người đi và người ở một nét duyên riêng có đang hiện hữu quanh ta. Để mỗi ngày qua đi là như thêm mỗi một ý tưởng cho không gian nơi mình đang sống thêm xanh thắm những hàng cây bóng mát. Con đường trở thành bè bạn níu kéo bước chân ai trở về, hay ở phương trời xa cũng nhớ về quê hương yêu dấu. Có

người ví von rằng hàng cây dọc phố như lá phổi xanh đem sức sống và sự thanh bình của không gian sống. Vì thế, thương biết mấy những con đường đang thiếu một dáng cây xanh che chở. Mỗi “đường hoa” rồi sẽ dẹt khung trời nhớ thương, hoài niệm của đời người, nhất là thời tuổi thơ hồn nhiên trong veo đọng đầy bóng dáng quê hương, hay thời hoa niên vụng dại ban đầu, có thể ngà về chiều mái đầu ta chớm bạc đầy suy tư sau ngược xuôi với đời... Ấn hình đầu đó, bóng dáng mỗi con đường hoa là bóng dáng quê hương, gia đình, bạn bè, thầy cô... với biết bao kỷ niệm. Nhớ nhất là phút giây ta đi xa về, bước chân lặng yên trên con đường quen thuộc và ngắm nhìn hoa lá yêu thương. Chao ôi, những con đường với những cung bậc cảm xúc khác nhau cứ réo gọi nỗi nhớ ta về với biết bao mùa hoa. Như chiều nay, cái màu tím bằng lăng từng làm chứng nhân cho mỗi mùa hạ chia ly nhớ nhung đã làm ta ngơ ngẩn... Và có lẽ, ai đã từng qua những “đường hoa” như thế sẽ nghe những tiếng vọng của tâm hồn mình. Rồi sẽ ước muốn được gần bó, được ngắm nhìn, được quyến luyến, suy tư mãi mãi... Con đường hoa bằng lăng trở thành người bạn tâm tình, thành “vết” sắc tím mênh mang trong bức tranh chung của phố. Đi dưới tán lá bằng lăng, gió mát dịu rồi thấy những cánh hoa rơi nhẹ xuống như làn mưa hoa. Với cơn mưa hoa ấy, dĩ nhiên không làm ướt áo mà nhẹ tênh bước ai về...

Chiều nay, ngắm bằng lăng tím tím một con đường, hoa cứ bùng lên sắc tím giăng giăng một khoảng trời, chợt tự hỏi lòng và ao ước được vô tư như ngày nào... Và hạ đang dần trôi qua để đón mùa thu về, trời như xanh hơn cùng đám mây trắng bằng bạc. Mỗi “đường hoa” lại có thêm sắc thêm hương riêng có dâng cho đời bất tận, mênh mông... ■



Ai sinh ra và lớn lên mà chẳng có một lối đi về, dẫu là làng quê hay phố thị, một cái lối tựa như một con đường, nhưng rất hẹp và nhỏ trong lòng làng xóm hay phố phường; một cái cổng vào sân nhà mà ở đó diễn ra bao niềm vui nỗi buồn, bao kỷ niệm suốt đời theo ta. Mỗi khi ta trở về nơi ấy, dẫu đi gần hay đi xa, đi dài hay đi ngắn, mà lòng chẳng dửng dưng một cảm giác, một nỗi niềm, có thanh bình ấm áp, có nuối tiếc ngậm ngùi, có cả ngọt ngào và cay đắng... Cái lối ấy là cái lối đưa ta trở về nhà, về với nơi chôn rau cắt rốn, là cái lối đưa ta đi vào cuộc đời rộng lớn, và cũng là cái lối đưa ta về với cát bụi xa xăm.

Trong cuộc đời của một con người, cái khoảnh khắc "cửa sổ vó câu", tóc vừa xanh đã ngờ ngàng điểm bạc, ai mà chẳng có cái lối đi về như thế. Cái lối ấy được gọi bằng một từ sao thân quen đến thế! Ngõ! Vâng, nói đến ngõ, gọi đến cái tên thân quen ấy, lòng ta lại xốn xang bao từ ngữ tiếng Việt gắn gũi thân thương. Nào "đường ngang ngõ tắt", nào "hang cùng ngõ hẻm", hay "trong

nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã thông"... Ngõ như một cái gì đó vừa như hiện hữu vừa như vô hình, mà ngấm náu đọng lắng trong tâm hồn ta, khiến cho ta không bao giờ quên gốc gác cội nguồn, quên ông bà, cha mẹ, tổ tiên, quên tuổi ấu thơ chứa chan những kỷ niệm êm đềm. Đó là cái ngõ của đời ta, của hồn ta, lòng ta như tĩnh lặng sau những chặng đường bươn chải mệt mỏi trên đường đời, khi ta đã từng nếm trải đủ mùi những mất mát, đau thương, những cảm dỗ của bả vinh hoa phú quý, của mê cung, đồng tiền, tước sắc... Tất cả qua đi như những phù du với một nỗi buồn chống chọi, ta lại thập thững bước trên ngõ nhỏ trong một đêm trăng thanh vắng trong những giây phút bình yên, và để rồi ta lại nhận ra ta trong những bước đi đầu tiên của tuổi thơ ấu. Và để rồi ta tự vấn ta: "Sao không sớm ngộ, trở về với ngõ nhỏ thân yêu ấy? Bon chen mà làm chi, giành giật mà làm chi, đồ đen mà làm chi, cho khổ...". Khi ta thập thững trở về với những bước chân đầu tiên trên ngõ nhỏ ấy, ta mới thấy ta đáng thương làm sao, tội nghiệp làm sao!



Tôi sinh ra ở thành phố nhỏ phía Bắc thủ đô Hà Nội, nhưng bố mẹ lại quê ở nông thôn, một vùng quê Vụ Bản chiêm mùa ngập úng, nhưng đầm thắm tình người, và một vùng quê Kinh Bắc xốn xang những câu quan họ tình tứ. Vì thế tuổi thơ tôi gắn liền với ngõ phố và ngõ quê.

Ngõ phố thân yêu nơi tôi sinh ra không hiểu có từ bao giờ, lúc nào cũng trầm tư rêu phong, ẩm mốc, song hành cùng năm tháng với buồn vui của đời tôi. Không bao giờ tôi có thể quên được cái cảm giác của một con bé mới lớn vừa bước vào tuổi dậy thì, thốn thức trước cây bàng phong phanh chiếc áo đỏ mỗi khi đông về, hay nỗi buồn vô cớ bỗng dưng ngấn lệ trước chiếc lá rơi xào xạc của mùa thu khi nắng vàng vừa tắt với cảm giác như thấu nhận mỗi chiếc lá rơi là sự ngưng nghỉ của một đời lá, mà người đi qua ngõ cứ đứng đứng bước lên vô tình vô cảm. Hay buổi ngủi xa xót khi nửa đêm bừng tỉnh chợt nghe thấy tiếng rao đêm xa hút ngõ nhỏ như một khúc buồn lạnh thấu tim... Không bao giờ tôi có thể quên được cái vị chua chua thanh thanh, ngấm thấu rằng đến

rùng mình của những quả ô mai mơ lữ bạn dúi cho của cái thuở thiếu thời. Và không bao giờ tôi có thể quên cái màu tím mộng mơ của cây bằng lăng trong ngõ nhỏ mỗi khi hè về trong tiếng rí rả của ve sầu và những giọt nước li ti phun ra từ cái âm thanh đó ngấm vào da thịt khi tôi ngửa mặt thẫn thờ ngấm như không biết chán những cánh hoa tím đến nao lòng như đưa người ta đến với một tình yêu bất tử. Cái ngõ nhỏ nhuộm kín bằng lăng ấy đã đưa tôi đến những chiều đắm say hẹn hò, để rồi khi trở thành một thiếu phụ như một tiền định vẫn khát khao tìm kiếm một tình yêu thâm hậu đồng cảm về phần hồn chứ không phải phần xác. Ngõ nhỏ của đời tôi ở góc phố ấy là hoài vọng của tôi, ước mơ của tôi, là những gì thân thương giản dị, mà cũng tràn đầy khát khao cháy bỏng...

Ấy là ngõ phố nơi tôi sinh ra và lớn lên. Còn ngõ quê thì sao? Phải nói rằng không có những ngày hè, những dịp Tết Nguyên đán, những đêm rằm Trung thu trăng trắng phá cỗ, những ngày rằm tháng Bảy xóa tội vong nhân theo bố mẹ về quê được vui chơi thỏa thích, được vui chơi với lũ bạn ở hai quê nội ngoại, thì tôi cũng không thể nào hiểu và cảm thấu được cái hồn cốt thâm sâu của ngõ đối với mỗi đời người. Đó là cái ngõ của quê cha đất mẹ, cái ngõ của làng quê cùng với cổng làng, sân đình, ao chùa, bông súng tím, với cây đa bên nước đưa người ta vào những giấc mơ trong lời ru ngọt ngào của bà, của mẹ, của chị, cùng với cánh cò êm ả qua song với những câu thương câu nhớ ướt đầm vạt áo..., khiến tôi càng thương yêu ông bà, cha mẹ, càng thấu hiểu và ngộ ra cái câu: *"Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*. Ngõ nhỏ làng quê đưa tôi về với cội nguồn thâm thắm của tình yêu, bởi không có tình yêu, thì không có cha mẹ, vợ chồng và con cái. Tình yêu đồng hành cùng ngõ nhỏ của cuộc đời con người khiến tôi nhiều đêm thốn thức một niềm ước ao lại cùng được bạn bạn trở về tuổi ấu thơ nó đùa nghịch ngợm, nhất là tụi con gái đánh chắt chới chuyền ở những cái ngõ khuất, ít người qua lại. Ríu ran tiếng chim, tìm ngắt hoa bèo, hoặc ngắt ngậy hương thơm của hoa bưởi, hoa chanh, thoang thoảng trong cái ngọt ngào của buổi trưa hè hương đồng gió nội..., để rồi mỗi khi hồi tưởng lại thêm đến nôn nao ngây ngất.

Là một người yêu thơ và làm thơ, nhưng nếu không có cái ngõ nhỏ thân yêu nơi quê cha, quê mẹ ấy, thì làm sao tôi có thể cảm hết được câu thơ của Nguyễn Bính: *"Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay/ Hoa xoan ngoài ngõ rụng rơi đầy/ Hội chèo làng Đặng đi qua ngõ/ Mẹ bảo thôn Đoài hát tối nay"*.

Lời ca của bài *"Quê hương"* bỗng như văng vẳng đâu đây: *"Quê hương nếu ai không nhớ, sẽ không lớn nổi thành người"*. Tôi cứ muốn thêm vào cái giai điệu sâu lắng ấy cái câu như chắt ra từ hồn tôi, qua tuổi thơ tôi, qua cuộc đời con gái đa cảm của tôi: *"Ngõ quê nếu ai không có, sẽ không thể sống nên người!"*. ■

Còn thơm phức tới bây giờ

HUỲNH KIM BÙU



Hồi xưa, rau-củ-đậu là chuyện của người nghèo: “Đói ăn rau, đau uống thuốc” (Tục ngữ), “Củ lang Đồng Phú, đậu phộng Hà Nhung - Chàng bòn thiếp mót, đổ chung một gùi” (Ca dao Bình Định). Nhưng bây giờ thì khác, “bộ ba” này là đề tài của mọi người, nhất là những người lo bệnh, lo già, người chuộng ăn chay, sợ phạm sát sanh... Bài này, xin nói riêng về đậu phộng, trong dòng họ đậu đồng con cháu, mà cũng chỉ thiên về cái khía cạnh văn hóa ẩm thực từ trái đậu này.

Cây đậu phộng (còn gọi đậu phụng, lạc) thuộc họ thảo, được trồng trên đất ven sông (ruộng soi), ruộng chân cao, mảnh đất dễ thoát nước. Đất phù sa, tơi xốp làm cho cây đậu phộng phát triển tốt, sai quả. Ta vẫn gặp các trẻ con ngồi chơi, đổ nhau: “Trên thượng lầu, có bông không trái - Dưới hạ lầu có trái không bông... Đố là cây gì?”. Nhiều em trả lời được: “Cây đậu phộng”. Nếu đậu phộng không khác thường, khó nghĩ, đã không thành câu đố. Cây này nở hoa, kết trái không ở trên cành như các giống cây khác. Hoa đậu phộng lấm tấm vàng, cánh mỏng, nhụy hoa mảnh như sợi cước có màu đỏ phớt trên nền lá xanh đậm trải trên mặt đất. Trái đậu phộng kết thành một chùm ở bộ rễ, giấu dưới đất.

Ruộng đất quê tôi hồi xưa, cứ thu hoạch xong vụ lúa đông xuân, phần nhiều được cày để ải; phần còn lại, tùy ở chất đất, có đám được tría đậu phộng, đám trồng dưa hóng, dưa gang... như thế không cho đất nghỉ. Từ khi trồng đậu cho tới khi được một “mùa lạc” phải mất

chừng ba tháng. Nước tưới ruộng đậu phộng thường ở mức nước chun, đến gần mùa thu hoạch giảm xuống, chỉ giữ đủ ẩm. Trẻ con thường thích “la cà” giữa những đám ruộng đậu phộng, ruộng dưa để rình bắt tổ chim chiến chiến (loài chim xây tổ dưới đất ruộng khô, giấu kỹ tổ trong vĩa cày, trong các gốc cây đậu um tùm). Được một tổ chim chiến, chú bé nào cũng thích đem về nuôi, chăm sóc, chờ ngày chim trưởng thành cho tiếng hót hay: “Bay vút tận trời xanh - Chiến chiến cao cùng hót - Tiếng chim nghe thánh thót - Văng vẳng khắp cánh đồng” (Thơ Thăm lúa - Trần Hữu Thung).

Đậu phộng chủ yếu dùng để chế biến thực phẩm công nghiệp.

Trước hết, người ta ép dầu ăn: *dầu phộng*. Chủ lò ép dầu phộng làm cái bọng dầu (khoét bụng một cây to, đường kính chừng non mét), sắm khuôn, chảo, vại, thùng ván, chày gỗ sừng, thuê thợ... Khi ép dầu, thợ cho nhân đậu phộng vào khuôn (hình bánh xe cút kít, lót rơm làm vỏ bọc cho khuôn), rồi xếp các khuôn đó ken nhau trong bọng để ép bằng chày đóng: dầu từ các khuôn chảy ra thùng hứng. Đậu bị ép hết dầu, phần còn lại là bã đậu, cho người ta cái *bánh dầu*. Ở quê tôi hồi xưa, có các làng nghề ép dầu phộng nổi tiếng là Đa Tài, Kim Ngọc... thuộc xã Nhơn Phong. Khi đến mùa đậu, chủ bọng dầu đi mua đậu nguyên liệu khắp trong vùng An Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát... đem về chọn trái to, già, loại bỏ trái nhẵn, trái non, rồi phơi khô khan trước khi ép ra dầu. Chẳng biết tại sao dân gian đem so sánh việc ép dầu, mỡ với ép duyên: “Ép dầu, ép mỡ, chớ ai nỡ ép duyên”? Nghe thâm trầm, thiển nghĩ, cái duyên mà ép thì không thành lương duyên, mai sau khó tránh đổ vỡ. Ép dầu có hai cách: Ép nguyên vỏ trái đậu (đỡ công bóc vỏ là thứ công nặng nhọc) và ép đậu đã bóc sạch vỏ. Sản phẩm dầu ép cả vỏ đậu là phổ biến, chỉ khi *đặt hàng*, người ta mới ép dầu bóc vỏ. Thứ dầu phộng bóc vỏ có màu vàng ngà (không lẫn tạp chất: vỏ) trong veo, sóng sánh, thơm lừng... Đem dầu này chế biến thức ăn thì món gì cũng cho cái hương vị thơm ngon, đậm đà. Ai cũng biết, dầu phộng cũng như các dầu thực vật khác, được xếp vào loại “chay mặn đều dùng được”. Ở quê tôi, có nghề bán dầu dạo, si và lẻ. Tôi còn nhớ hình bóng bà Biện Dương, trạc năm mươi, mặc áo dài đen tèm ụp, xách dép chạy lúp xúp đằng sau anh con trai gánh thuê



cho bà. Hàng dầu lưu động của bà là đôi thùng gỗ đựng dầu, đặt trong quang gánh cùng nhiều muống, gạo, chai lọ linh kinh mà cái nào cũng ướt rượt, láng bóng, cũng cho người ta cảm giác trơn tuột khi cầm nắm.

Sau dầu phộng, ước còn đến trăm thức ăn nữa, cũng từ nguyên liệu đậu phộng.

Nghề bán lạc rang, lạc luộc, kẹo đỗ ở các đô thị đã nuôi sống không ít thị dân nghèo. Kẹo mè xừng – đậu phộng Huế là một trong những đặc sản Huế, có thương hiệu. Ra Hà Tĩnh lần đầu, tôi ngạc nhiên vì các bảng hiệu: “*Trung tâm Ku – đo*” dựng dọc các đường phố. Thì ra, đó là tiệm kẹo đỗ, chế biến theo cách xứ này. Đám tiệc, nhờ món đậu phộng da cá mời trước mà thực khách sẵn lòng vui vẻ cụng ly, ngồi chờ giờ phút trình trọng tuyên bố khai mạc tiệc. Món chè trôi nước (bột nhút, đậu phộng) chè tổng hợp nếp – đậu phộng rang – đường muống nấu đặc vẫn là món chè ngon cho người hảo ngọt. Gỏi xôi nếp rắc muối đỗ vẫn là món điểm tâm của người nghèo trong các xóm lao động. Bao nhiêu đứa trẻ thơ ở các làng quê, đi học xa nhà, mỗi ngày nhờ cơm nắm muối đỗ mẹ cấp mang theo mà có bữa trưa ở lại trường. Còn nhớ ngoại tôi, bữa cơm nào cũng chỉ có tương bánh dầu do ngoại tự ủ, mang màu nho chín với vị chua ngọt mằn mặn để ngoại chấm đầu dưa rồi và chén cơm nấu bằng gạo thơm vì ngoại ăn chay quanh năm. Bánh dầu thịt là loại bã dầu được ép từ trái đậu đã bóc vỏ, sau khi lột hết lớp rơm quần quanh, đem xắt thành lát, ăn với đường tán đen, cũng thích; nhất là vào những buổi trưa hè được uống kèm bát trà Huế giải khát

vun bọt, vừa mới pha. Nhiều tài liệu viết, ăn đậu phộng có lợi cho sức khỏe trái tim. Nhưng ăn cách nào thì đạt được điều lợi ích đó? Bánh dầu vỏ là loại bã dầu ép bởi trái đậu nguyên vỏ thì chẳng được ai ăn, nhưng lại là nguồn phân bón quan trọng: nó tốt ruộng, tốt vườn, có điều hơi nặng đất.

Trong lịch sử “tiến hóa” của ngọn đèn soi sáng đêm đêm, chắc thời kỳ đèn dầu phộng phải kéo dài tới cả ngàn năm. Trải ngàn năm, dân mình vẫn nhờ “thập niên đăng hỏa” (trừ anh học trò nghèo quá, tối ra sân đình quét lá bàng, đốt lửa ngồi học) mà đời nào cũng có lực lượng trí thức ra gánh vác việc nước, làm việc hữu ích cho đời, được đời tôn vinh là “Kẻ sĩ”. Không biết có bao nhiêu người tốt vẫn thức thi với đèn, bởi canh cánh một nỗi niềm ưu thời mẫn thế? Không biết có bao nhiêu cảnh ngộ phải nói lời “*Chứng tri còn có ngọn đèn*” để nhẹ đi phần nào nỗi oan khuất?... Thơ văn xưa vẫn viết “*giấy văn tình dài, tìm lụn đĩa dầu hao...*” để mô tả những cuộc tình, cách trở mà luôn nhung nhớ. Thương quá cái nghèo và lòng thơm thảo của người ở quê: đi ăn giỗ đâu cũng bọc theo trong khăn xéo chai dầu phộng, để làm phẩm vật dâng cúng.

Nhắm đến nay, má mắt đã lâu, vậy mà mỗi lần đoàn tụ nhân ngày giỗ má, những đứa con vẫn thích nhắc nhớ về má mình. Nhớ bao nhiêu chuyện, bao nhiêu kỷ niệm với má, trong đó có những bữa cơm thanh đạm: Cơm – canh rau muống đậu phộng tươi sống già nhỏ... má nấu, còn thơm phức cho tới bây giờ. ■



Hồi ức về mẹ

ĐÔNG VŨ

Những chiếc lá vàng rơi theo những cơn gió miên man thổi, đem đến cho con người một cảm giác dịu lại trong cái nhộn nhịp của cuộc đời, khiến cho ta có dịp để hồi tưởng những ký ức của đời mình.

Đêm nay, một mình trên sân thượng ngắm những vì sao lung linh tỏa sáng, con bỗng thấy nhớ mẹ, nhớ nhà chi lạ. Mẹ của con suốt một đời lam lũ, lận đận lo cho gia đình, lo cho anh em chúng con. Mẹ sống giản dị và chân chất quá chừng, đúng là người mẹ chân quê.

Nhớ lúc con còn nhỏ, gia đình mình khó khăn, mẹ phải tảo tần hôm sớm. Sáng sớm ba kéo xe cùng mẹ đi chợ bán gạo, trưa về ăn cơm xong là mẹ lại kéo xe đi khắp chốn, từ làng này qua làng khác để mua lúa về xay, tối lại mẹ còn phải giã sàng, chắt chiu từng bao trấu, lon gạo. Suốt năm này qua tháng nọ, ngày nào mẹ cũng vậy, thế mà mẹ không một lời than vãn. Nhờ vậy mới có đủ tiền trang trải cho sinh hoạt gia đình và có tiền mua sách vở, đóng tiền học cho anh em chúng con. Mẹ ơi! Lúc đó con còn quá trẻ con, ham chơi, không giúp gì cho mẹ cả. Đến cả những việc như quét nhà, giặt quần áo, nấu cơm, bồng em... anh Hai con đều làm. Thế mà đôi khi đi chợ về, vì phiên chợ khó

khăn, mẹ không mua quà cho con, con lăn ra khóc nhe, giã nãy, thế là mẹ phải chặt cho con một cục đường thật to và dỗ dành mãi, con mới thôi khóc, con hư quá phải không mẹ?

Con lớn dần lên, nhưng tính ham chơi trẻ con ngày nào của mình con vẫn không bỏ được. Với con, bất cứ công việc gì con làm cũng phải có điều kiện đính kèm. Nghĩa là nếu con quét nhà thì sáng đó con được đi chơi chứ không phải ở nhà đuổi gà kéo chúng ăn lúa như mọi hôm; nếu con mang quần áo ra mương giặt thì con được cùng lũ bạn cõi trâu vào lúc chiều tối; còn đi chợ thì ôi thôi, thật là tội nghiệp cho anh Hai, anh ấy phải cho con tiền ăn hàng con mới mua đồ đem về cho anh nấu... Đến mùa hè con thích nhất là được thả diều. Ba bảo anh Hai làm cho con một con diều thật đẹp, lại bay cao nữa, con rất thích. Nhưng ba cấm con không được thả diều vào buổi trưa, vì đang nắng buổi trưa dễ bị bệnh. Vậy mà, con nhớ có một hôm, ngay giữa buổi trưa mùa hè nắng gắt, thấy chúng bạn thả diều ngoài đồng, ham vui, con vẫn rón rén trốn ba mẹ đi thả diều với cùng bọn chúng. Đúng như tục ngữ có câu: "Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư". Sau cuộc chơi, buổi chiều, con đã lên

cơ sở miên man khiến cả nhà lo lắng. Mẹ đã nấu cho con bát cháo trứng nóng hổi để con giảm sốt và đỡ nhạt miệng hơn. Thế mà con chẳng chịu ăn, nằm thù lù một xó. Biết bao lời dỗ dành từ mẹ và kèm theo bao lời nghiêm nghị của cha nhưng con chẳng quan tâm. Cuối cùng, ba lên tiếng trách mẹ chiều con quá khiến con hư khiến hai hàng nước mắt của mẹ cứ thế nhỏ giọt hoài. Hôm ấy, con đã khóc, con khóc vì hối hận, vì biết mình đã không biết nghe lời lại còn ương bướng khiến cha mẹ buồn và đay nghiến nhau. Kể từ hôm đó, con bắt đầu có những thay đổi.

Ngày tháng cứ lần lữa qua đi, rồi một ngày con già từ ba mẹ, anh Hai cùng hai em, từ già lũy tre làng để bước theo con đường mà con cho đó là tuyệt vời nhất. Đêm cuối cùng nằm trong lòng tay mẹ, mẹ ôm hôn con rồi nói trong nước mắt rằng, con nhớ phải giữ gìn sức khỏe, nếu cảm thấy cuộc sống không thích hợp với con thì hãy về bên ba mẹ nha con, ba mẹ lúc nào cũng thương con, luôn sẵn lòng đón con trở về bên ba mẹ. Tiếng côn trùng rả rích trong đêm khuya vắng lặng càng khiến con nặng lòng thêm, nằm lắng nghe những lời nói từ con tim của mẹ mà đôi mắt con cảm thấy cay xè. Con đã trần trọc suốt đêm không ngủ được. Con biết từ đây con sẽ không còn dịp được ngủ ở trong vòng tay của mẹ nữa, chắc con lạc lõng bơ vơ lắm mẹ ơi!!!

Lúc tiễn con đi, vì quá thương con nên mẹ lại khẽ khàng ôm con vào lòng; bấy giờ, con hơi bối rối và đứng im như một pho tượng. Giờ nghĩ lại mà con cảm thấy hối hận, sao con lại không biết nói với mẹ một lời cho mẹ yên lòng và bớt bị thương? Con biết mẹ không muốn con đi nhưng chỉ vì chiều theo ý nguyện của con mà mẹ nén đau thương, chịu nỗi ly biệt tình mẫu tử để cho con ra đi.

Lần đầu tiên sống xa nhà, con nhớ ba mẹ, nhớ quê da diết. Con viết thư cho mẹ, gọi điện cho mẹ, nghe tiếng sụt sùi vì thương con mà khóe mắt của con cũng ướt nhòa lệ, rồi con không muốn khơi dậy nỗi nhớ con trong lòng mẹ nên con cũng ít gọi điện về nhà cho mẹ hơn.

Rồi con cũng khôn lớn dần theo thời gian, mười bốn năm trôi qua như một giấc mộng, con đã lớn lên thêm trên mảnh đất thứ hai này, con được nuôi dưỡng bằng tình thương ngọt ngào của thầy và sự yêu mến của chư huynh đệ. Tuy đã chọn đời sống thoát tục, con vẫn thấy mẹ hiện hữu bên mình, mẹ đã cho con một trái tim, một lẽ sống để biết cảm thương, san sẻ cho đời, mẹ luôn dõi theo từng bước chân, nung đúc cho con thêm niềm tin và sức mạnh để tiến mãi đến bến bờ an vui giải thoát.

Trời bắt đầu đổ mưa, cơn mưa tháng Bảy dịu dạt như lời ru buồn của mẹ, những vì sao lấp lánh cũng đã nhường chỗ cho những áng mây phủ kín cả bầu trời khiến con nhớ mẹ nhiều hơn. "Mẹ ơi...!" con nhớ mẹ nào người!!! ■





Tiếng chim trong vườn

HÀ THI HANH

Hồi nhỏ tôi thuộc loại nghịch ngợm lắm. Xuống sông, xuống suối thì cùng với bạn bè đập nước, la hét đùa giỡn khu vực vang cả buổi trưa nắng êm ả vùng quê. Nhiều lần người lớn gần đó đã phải xách roi tre loại có gai rượt đuổi vì sợ bọn trẻ chúng tôi bị “ma gia” bắt; những lúc ấy bọn tôi chỉ kịp xách quần chạy. Còn trên bờ thì thỉnh thoảng bọn tôi lại đi chôm đồ cúng trên bàn thiên ở chùa của sư cô, vì biết sư cô hiền, có bị bắt chắc cũng không bị đánh; hơn nữa, sư cô áo xống lưng thụng thì làm sao chạy lại bọn “quỷ sống” chúng tôi. Vậy mà có lần tôi bị bắt mới tức cười chớ! Nhưng đúng như tôi nghĩ, sư cô không đánh, thay vào đó, sư cô còn giảng cho tôi về lễ nhân quả khiến tôi cũng còn biết tới tiếng niệm Phật và biết đến Đức Bồ-tát Quán Thế Âm.

Tuy nghịch ngợm thế, nhưng tôi lại là đứa bé rất yêu thích cỏ cây và đặc biệt là các loài thú. Tôi trồng cây gì cũng chăm chút, thường hay chuyện trò với nó, và cây nào tôi trồng cũng ra hoa, ra trái rất tốt. Trồng lên được cây ớt xum xuê trái, tôi bẻ mấy cọng tre làm hàng rào cho nó để khỏi bị gà bươi. Trồng được đám cải, sáng nào tôi cũng ra thăm xem nó cao thêm được chút nào không. Còn con Kì kị vàng lố, con mèo mướp ốm nhom, và con gà mái lùn mà tôi gọi là “dầu dầu trái thơm” thì khỏi nói, tôi như bạn của chúng vậy. Mỗi lần nựng mèo, tôi còn dám ngậm cả bàn chân lông lá đầy móng vuốt của nó. Tôi tưởng tượng mấy cục thịt hồng hồng nổi lên ở dưới các ngón chân nó sao giống mấy hột đậu đỏ chèn nếp của

bà sáu Bông có ngoài chợ quá. Lại nữa, sáng chiều tôi đều giành việc cho gà ăn. Có một buổi tối sáng trăng, gà đã leo lên cây ngủ rồi, tôi chợt nhớ hồi chiều chưa cho gà ăn; sợ bọn nó đói, tôi xúc một ít thóc vào cái mủng dừa bước ra sau hè đứng dưới gốc cây măng cầu, cục cục kêu chúng xuống. Chẳng may tôi dẫm phải con bò cạp núi to đùng, đen sì sì, nó chích vào chân tôi một cái đau điếng. Tôi suýt chết vì con bò cạp đó. Vào nhà tôi có nói bị bò cạp cắn mà không ai để ý. Đến đêm, mẹ tôi thấy tôi buồn hiu nằm chò ho ở một góc ván; gần giờ ngủ, mẹ rờ vào người tôi thấy lạnh như nước đá, bấy giờ tôi kể lại lần nữa, cả nhà mới hoảng hốt ấm tôi chạy kịp đến nhà thương.

Nhưng loài vật tôi gần bó nhất là loài chim. Anh Hai tôi rất thích nuôi chim, chuyên tự tay đan lấy lồng chim. Thỉnh thoảng anh lại đem về những con chim non còn phải được đứt từng miếng ăn. Tôi thương chúng lắm, tôi luôn giành việc nhai cơm thật nhuyễn rồi nhồi lại đứt từng miếng nhỏ vào cái miệng há toác ra đòi ăn. Nhưng tôi không thích bắt chúng ở mãi trong lồng, mà mở cửa lồng để chúng bay ra thì tôi không dám, nên tôi lén vạch mấy nan tre cho rộng hơn thưa ra một chút, vừa đủ cho mấy con chim hoành hoạch chui bay ra ngoài. Được một điều là mấy con chim này không bay đi luôn, cứ quanh quẩn trên mấy cây măng cầu trong vườn nhà hoặc trên cây xoài to đùng cao ngắt của bà Hai Trọc kể sân sau nhà tôi tìm trái chín mà ăn. Chúng bay nhảy kêu hót thỏa thích; mỗi lần tôi nghe có tiếng chim ré lên một cách bất thường là y như rằng có con mèo trắng mắt vàng của nhà hàng xóm nằm trên bờ

tường theo dõi. Những bữa trưa, tôi nằm ngủ trên bộ ván gần bếp, hễ có con chim nào bay sà lại đậu lên vai tôi kêu rúc rích là tôi lại ngồi bật dậy cho nó ăn. Chiều chiều con chim được thả ra lại bay về đậu bên lu nước gần chỗ treo chiếc lồng, tôi bắt đưa vào lồng cho nó ngủ. Lúc đầu, tôi bị anh tôi cố đầu hoài, nhưng sau thấy chim bay rồi lại về, nên tôi được làm theo ý thích.

Rồi tôi đi kháng chiến. Vào những lúc chiến trường chưa ác liệt lắm, trong những khu rừng chồi ở Củ Chi lúc nào cũng vang tiếng chim hót, chúng tung tăng chuyển từ cành này qua cành nọ, tôi thấy cuộc sống yên bình biết bao. Trên rừng có đủ loại cây, nào là những dây gùi có trái vàng óng chua chua ngọt ngọt, những trái viết ngọt đậm đà, những cây xoài to đùng một người ôm không xuể, thân láng trơn trượt cao chót vót không ai leo lên được. Sáng sáng một bầy két đông đúc không biết ở đâu bay đến kêu rền trời, đậu lên những nhánh xoài, thì ôi thôi xoài chín rụng như mưa. Tụi két thiệt sang, mỗi con chỉ đựng mỏ vào một quả xoài chín cây là xoài rụng xuống. Bọn tôi chạy ra nhặt xoài chín bỏ vào cái thùng nhựa. Có hôm mỗi người lượm được gần nửa thùng 10 lít. Chúng tôi ăn thỏa thuê, xoài rừng chín ngọt thật đậm đà, ăn không hết thì làm mứt xoài, hoặc nấu sến sệt đựng vào hũ ăn dần. Cho nên, đang làm việc gì mà nghe lũ két kêu là chúng tôi xách thùng xách xô chạy ra. Chúng đã cung cấp cho bọn tôi một lượng vitamin ngon tuyệt vời và quý giá biết bao.

Tôi ra chiến trường, rừng cũng xa dần, không còn được nghe bầy két kêu um trời để chạy theo lượm xoài chín nữa. Nơi tôi đến và sống gần những khu vườn dừa xen kẽ trồng dâu, trồng chuối và có những bờ mương ngập nước. Khu vườn ven kênh rạch, lúc nước lớn thì ngập bờ, khi nước ròng thì cạn sát, lộ ra những hang hốc của bầy thoi lòi và lũ cá bống nằm trong những bấp dừa nước dọc những lùm bụi um tùm dài theo bờ kênh bờ rạch.

Tổ công tác chúng tôi ở một cái chòi ngoài đồng, cách mi vườn khoảng vài trăm mét. Khu vườn bỏ hoang không hề có một mái nhà của dân, vì họ bị "tát" ra ngoài ruộng hết rồi. Hôm đó nhằm ngày nước ròng, địch đổ quân tràn đồng, chúng tôi chỉ kịp vác ba lô chạy vào vườn để ra hầm bí mật. Giở nắp hầm ra đã thấy nước mấp mé miệng. Trời ạ, làm sao mà xuống được đây, thôi đành ngồi trong bụi rậm, lính có đến thì chém về vậy, chứ có xuống hầm thì cũng phải thò đầu lên khỏi mặt đất để thở, nước tràn ra bờ lênh láng thì... lạy ông tôi ở bụi này! Hôm đó lính đóng lại đến gần chiều, sau đó trực thăng đổ xuống rước họ về căn cứ Mỹ Phước Tây. Tôi ngồi thu lu suốt từ sáng đến chiều trong bụi dừa nước sát mương vườn, lớp bị muỗi cắn, lớp đói bụng, muốn ho

cũng chẳng dám ho. Nên khi nghe tiếng trực thăng đáp xuống thì mừng rơn, tôi còn nghe tiếng lao xao của mấy ông du kích, họ phân công người leo lên cây thật cao để quan sát lính rút quân. Anh du kích trên cây đếm 1 chiếc, 3 chiếc... 10 chiếc... và reo lên mừng rỡ khi lính rút hết. Tôi đợi không còn nghe tiếng nói, tiếng bước chân người nữa mới e dè chui ra khỏi chỗ nấp. Tay xách cái thùng nhựa tròn nhỏ, đầu đội cái nón vải bèo nhèo, tôi lẩn mò trong vườn tìm cải trời, đến cơm, rau má mọc lênh khênh... để về nấu canh tập tàng bột ngọt cho bữa cơm chiều. Bấy giờ trong vườn vang lên tiếng chim hót riu ra riu rít, chúng nhảy nhót tung bồng trên vòm cây xanh, lâu lâu tiếng bìm bịp trầm lắng cất lên trong buổi chiều tà. Bỗng tôi cảm giác như có một tiếng chim lạ từ đâu bay về kêu lên lãnh lốt như nhắc nhở điều gì khiến tôi lo lắng; mặc dù vậy, tôi vẫn cứ lui cui hái rau. Đến khi được gần nửa thùng rau thì tự nhiên tôi có một cảm giác thật lạnh lẽo chạy dọc theo sống lưng. Quanh tôi sao im lặng quá. Không một tiếng chim hót. Không một bóng chim nhảy nhót làm rung rinh những cành cây. Chỉ có tiếng xào xạc của dừa nước cọ vào nhau khi ngọn gió mơn man thổi theo con nước. Đang định bước xuống mé rạch rửa rau thì tôi dừng lại. Nhớ tới cảm giác về tiếng chim lãnh lốt như nhắc bảo ban nãy, tôi vội ngồi thụp xuống, bò vào giữa bụi các ké mọc lúp xúp chỉ cao hơn thắt lưng tôi một chút nơi đang



đứng. Trời ạ, lính ở đâu ra mà nhiều thế. Tôi nhìn thấy những chiếc nón sắt, những bộ đồ lốm đốm xanh màu cỏ úa đang di chuyển trong im lặng, chỉ nghe có tiếng giầy đinh nghiêng trên mặt cỏ sát mé rạch... Tôi nhắm mắt lại không dám dòm tiếp chỉ sợ vô tình bị phát giác thì đúng là hết đời; bất giác, tôi niệm thầm trong lòng mấy tiếng danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Ngồi như thế không biết bao lâu, trời sắp tối tôi vẫn không dám bò ra vì sợ lính còn đang phục kích đầu đây. Về sau tôi biết, trong trận phục kích đây bất ngờ này đã có mấy người ở đơn vị khác hy sinh. Một lát sau tôi lại

nghe khu vườn rộn lên tiếng hót líu lo, tung bồng tiếng kêu lãnh lốt, bầy chim riu ra riu rít nhảy nhót trên những cành cây gần chỗ bụi các ké tôi đang ngồi trốn. Tôi nhẹ nhẹ bò ra quan sát chung quanh, khi đã cảm thấy yên lòng, tôi đứng lên gỡ mấy trái các ké khô vương trên tóc. Ngay lúc đó tôi nghe tiếng gọi khe khẽ của một anh trong tổ đang đi tìm tôi trong vườn. Nhìn thấy tôi xách cái thùng nhựa đồ đầy rau, anh sưng người và run giọng: Trời! Tụi tôi tưởng chị bị lính bắn chết rồi chứ!

Thật vậy, nếu hôm ấy không có bầy chim trong vườn thì chắc chắn chẳng bao giờ tôi trở về gặp lại mẹ tôi đâu. Và có lẽ cũng vì thế mà tôi rất thích cái bí danh "Điều" mà tôi đã chọn trong thời kháng chiến. ■

Mưa miền biên giới

HOÀNG THI GIANG

Lúc đang ngồi trên chiếc xuồng ba lá chạy xuôi dòng Vàm Cỏ Tây về lại bến đò Hồng Đức, người lái đò nhìn tôi ái ngại, bảo tôi rằng nếu quay lại Mộc Hóa thì may ra còn kịp, chứ về thành phố chắc sẽ mưa mất; mà mưa ở Đồng Tháp Mười thì khủng khiếp lắm, không chạy xe được đâu. Vừa nói, anh vừa nhìn cái dáng vẻ mỏng manh của tôi một cách đầy cảm thông. Có lẽ anh nói đúng, giờ này chạy về thành phố chắc không kịp vì trời đã sẫm sì mây đen, gió lạnh xuyên qua những cây tràm gió đặc trưng của vùng nước phèn mặn này đã thổi tới tấp vào đầu vào mặt tôi.

Mưa. Đúng là mưa miền biên giới ào ạt và hoang dã hơn rất nhiều so với mưa ở thành phố. Tôi ngồi nép vào một quán nước bên đường, sau lưng chỉ có dầm chiếc ghế nhựa và mấy cái vông dành cho khách đi đường xa dừng chân ngả lưng. Bà cụ chủ quán người nhỏ nhắn nhưng phúc hậu đang nhặt rau chuẩn bị bữa cơm chiều. Chắc nhà neo người vì tôi chỉ thấy mấy bông súng và ít điên điển trong chiếc rá nhựa màu xanh cũ thủng lỗ chỗ. Con chó có bộ lông màu mỡ gà nằm phục ngoan hiền như con mèo bên chân bà chủ, đầu gác lên hai cẳng chân trước, thỉnh thoảng mở mắt nhìn tôi lim dim. Phía bên kia đường, một tiệm sửa xe đạp với những chiếc lốp xe mòn vẹt treo toàng teng trên tấm lợp làm bằng lá dừa nước. Mưa theo những mái lá nhỏ long tong chảy thành vệt dài tới chỗ chiếc chậu nước dùng để tìm vết thủng và xăm xe cho khách. Ở sâu bên trong tiệm sửa xe, ông lão sửa xe ngồi trên chiếc ghế gỗ mòn vẹt màu thàng năm nhìn lơ đãng sang bên này đường. Có phải đôi mắt ấy vẫn còn ẩn chứa những hình ảnh lãng đãng liên quan đến một mối tình cảm lặng nào đó của mấy mươi năm trước? Hay chỉ có mưa và con đường quốc lộ 62 trải nhựa dài tít tắp tới tận biên giới Campuchia.

Trong quán, phía bên kia là hai vợ chồng người Miên sang bên Việt Nam lấy hàng lật vạt về buôn bán. Nhìn những túi ni-lông cũ xin đủ màu đựng những rau quả hoa

trái in hằn lên lớp vỏ mới thấy hết những nhọc nhằn của kiếp người mưu sinh vùng biên giới. Họ xì xào với nhau bằng tiếng địa phương nên tôi nghe không hiểu lắm nhưng qua cử chỉ đôi tay, tôi biết quãng đường về còn xa và chỉ có mưa trong ánh mắt của người vợ lam lũ ngoài ba mươi ấy cùng trong ánh nhìn buồn bã của bác xe thô ngoài ngã ba đường cũng vào đây trú mưa. Ngay gần chỗ tôi ngồi là cô bé học sinh với đồng phục màu trắng tinh khôi đứng nép sát vào chiếc xe đạp mini. Cái cặp sách màu đen được cô bé ôm cẩn thận trước ngực nhìn vừa quen vừa lạ. Cặp mắt mở to nhìn mưa và những chấm bong bóng nổi lênh phênh mà thờ dài khe khẽ. Tự nhiên thấy cảnh vật cũng nao nao buồn nhưng êm ả đến lạ lùng.

Mưa vẫn thế, nghĩa là nước vẫn nhỏ đều đều trên mái dứa xuống từng hàng dài bất tận như từ tiền kiếp xa xôi. Mấy chiếc lá trứng cá màu xanh rụng tả tơi xuôi theo dòng nước chảy lênh láng cùng hoa màu trắng li ti đọng thành vũng phía trước quán. Bỗng nhận ra rằng, ngoài mưa thì chỉ có một thứ duy nhất ở đây, đó là màu xanh của cây cối. Phải chăng, đó là gam màu chủ đạo của bức tranh mưa miền biên giới chiều nay. Hình như trời sắp tạnh, vậy là mưa Đồng Tháp Mười cũng không đáng sợ lắm như anh lái đò vừa mới 'đọa' mình. Ngó đồng hồ mới thấy kim giờ chỉ đến số 3, chạy về thành phố vẫn còn kịp. Vậy nhưng không hiểu sao tôi muốn dừng lại, như một người lữ khách tha phương đã quá mỏi gối trường chinh, muốn nằm dài vào một góc trọ yên ắng để chìm trong giấc ngủ lãng quên.

Gọi mãi mới thấy bà chủ chạy ra tính tiền, ngoảnh lại thì đôi vợ chồng người Miên đã đi tự lúc nào, bác xe thô cũng trở về nơi góc đường quen thuộc. Tính tiền xong mới thấy quá rẻ, không phải vì giá của chai nước trà xanh mà bởi vì chỉ với mấy ngàn đồng tôi đã được tận hưởng một buổi chiều mưa biên giới đáng nhớ trong đời.

Ký ức “xe Con Gà”

TUÔNG LINH

Thưở tôi còn học ở trường làng Trung Phước quê tôi, thuộc huyện Quế Sơn – Quảng Nam, thì địa phương tôi vẫn gần như bị cô lập với các nơi trong tỉnh. Muốn đi vào huyện lỵ hay xa hơn là Thăng Bình hoặc Tam Kỳ thì phải lội bộ qua đèo Le ở phía Đông; muốn xuống vùng xuôi đến với mấy huyện lân cận như Duy Xuyên hoặc Đại Lộc, nếu không ngồi đò dọc thì cũng phải cuốc bộ qua hai đường trường là trường Phường Rạnh và trường Thạch Bàn tiếp với làng đầu huyện Duy Xuyên là Mỹ Sơn có đập nước cùng tên. Ở một nơi bốn phía toàn là trường đèo như vậy nên người quê tôi có câu ca dao đặc hữu:

Ngặt nghèo cha chả ngặt nghèo:

Đường trường cát nóng, đường đèo đá dăm!

Hồi đó tiệm chụp ảnh rất hiếm; muốn chụp ảnh, dân miền cao như tôi phải về tới Hội An. Mỗi khi xuống Hội An để chụp ảnh làm hồ sơ học sinh, tôi và các bạn cùng lớp phải ngồi đò dọc “nhổ sào” từ bến chợ Trung Phước vào khoảng 8 giờ sáng; nhưng đò chỉ đến bến chợ Thu Bốn là đổ khách, không đi nữa. Đò “cắm sào” tại đây lấy khách lại rai đợi xế trưa mặt sông nổi gió nổi thì giương buồm chạy ngược lên Trung Phước.

Rời đò lên bến Thu Bốn, bọn trẻ chúng tôi ghé quán mì Quảng của ông Hòe xơi no bụng rồi lội bộ hơn cây số ven hữu ngạn sông Thu để xuống chợ Mỹ Lộc. Tại đây có bến xe đò hiệu “Con Gà” đi Hội An. Ngày hôm ấy chúng tôi chưa được ngồi xe xuống “phố” đâu, vì mỗi ngày chỉ có một chuyến đi và đến, mà xe đi Hội An thì đã chạy lúc 7 giờ sáng rồi. Nếu tôi nhớ không lầm thì “bến xe” này chỉ có một chiếc xe mà thôi. Thế là chúng tôi phải ghé một tiệm cơm quen sát chợ Mỹ Lộc chờ ăn cơm chiều và xin ngủ qua đêm.

Xế trưa hôm ấy, xe “Con Gà” từ Hội An trở về Mỹ Lộc để sáng hôm sau chở khách.

Xe đò hiệu “Con Gà” sơn màu vàng. Ông tài xế mặc y phục kaki màu xanh, người cao lớn, có hàm râu quai nón biểng cạo trông rất ngầu nhưng tôi dò xét thì thấy ông ta hiền khô. Một chị vừa làm công việc phụ xế, vừa thu tiền hành khách. Khi xe đang chạy, nếu có hành khách nào đau đầu, đau bụng... đều được chị đưa ngay ve dầu Nhị Thiên Đường để xoa, hít.

Ngoài những lần đi chụp ảnh, tôi còn được ngồi xe nhiều lần nên biết được tên một số làng cũ và các địa danh thuộc huyện Duy Xuyên thời ấy dọc đường xe chạy. Rồi Mỹ Lộc, “Con Gà” chạy ngang làng Gia Hòa,



nơi hai bên đường có những hàng cây dương liễu cao vút. Rồi Kiểm Lâm, La Tháp, Long Phước, Cầu Chìm, Chợ Chùa, Nam Phước, Cầu Lâu...

Đến Hội An để chụp ảnh (thời ấy nhiều người ở quê ta còn gọi là *chụp bóng*!), chúng tôi thường “chụp” ở tiệm Huỳnh Sau hay Lệ Ảnh. Phải chờ đến ngày hôm sau mới lấy được những tấm ảnh cỡ 4 x 6cm. Đứa nào xem ảnh của mình cũng xuýt xoa: giống quá!

Rồi chúng tôi lại ngồi xe “Con Gà” để trở lên Mỹ Lộc, bằng bộ cho kịp đò dọc để về Trung Phước.

Nhiều khế thể đẩy nhưng chúng tôi chẳng thấy mệt tí nào mà chỉ rất vui vì được ngồi ô tô, được xuống “phố”...

Thời ấy, tôi không hề nghe cụm từ “tai nạn giao thông” để sợ và để ghét, cũng không thể so sánh chiếc “Con Gà” với loại xe khác vì tôi đâu có được đi xe nào khác để so sánh? Với thằng bé nhà quê như tôi, nó là số một.

Năm xong bậc tiểu học lên trung học tôi phải ra Huế học trường Khải Định. Hành trình của tôi vẫn chưa được cải thiện chút nào. Lúc này tôi đi từ nhà ra Huế chỉ một mình, các bạn khác đều vào học tại Qui Nhơn (Bình Định). Khi “Con Gà” bỏ tôi xuống Vĩnh Điện, tôi đón xe ra Đà Nẵng rồi ngồi tàu hỏa ra Huế. Dịp nghỉ hè, nghỉ Tết, tôi từ Huế trở về Trung Phước. Khi đứng tại ngã ba Vĩnh Điện – Hội An, thấy từ xa có bóng chiếc xe đò màu vàng hiện ra là lòng tôi mừng vô cùng!

Thuở ấy và đến tận bây giờ, chiếc xe đò sơn màu vàng của đất Duy Xuyên đối với tình cảm của tôi vẫn đúng là “Con Gà Vàng”. ■

Ngày hiền

THÁI KIM LAN

Bồng nhiên an lành
vô ưu vườn xanh
hồng hoang mim nư
trên cảnh
lung lay bóng Phật.

Gửi hương đi... để về

Vàng tím đỏ xanh
một thuở nào rộn rã
lá-hoa
hương bay xa
gọi gió...
mong manh
chiếc bóng
trở về lối xưa.

Thu ca

TỊNH BÌNH

Khúc giao màu vôi vôi
Ồi phen gió lao xao
Nắng giăng vàng ngô vắng
Cổng thu về chênh chao

Sen tàn rơi cánh mỏng
Cúc đã kịp vàng chưa
Cánh chuồn bay trong gió
Tiếng gà rộn hiền trưa

Chiều khua sương bàng lãng
Đồng xa vệt khói mờ
Thung thẳng về chôn cũ
Thu vàng... gió... trăng... thơ.

Đôi khi thấy cuộc phù sinh

LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

khói thuốc đôi khi quá dài
với tầm tay quá đời vận ngược
cột miêng đời trơ trập gang xương
hạt mưa đôi khi quá mảnh
gieo trên tóc một nỗi ai hoài

đôi khi ta thấy mình bé lại
đứng giữa bụi đường đêm hạt cát bay
đời như mảnh giấy
cào cào gió lá Vũ Luân
nắm tay lại, như một trò hề đơn điệu
ôi! Phù Sinh! Phù Sinh!



Mẹ lại về nơi con nằm xuống

NGUYỄN THỊ LIÊU

Sáng nay
Mẹ đang về nơi con nằm xuống
Ở đồi Bạch Sa
Cỏ hai bên đường còn ướt
Ánh sáng ban mai lóng lánh giọt sương
Người xuống kẻ lên xuôi ngược
Hồi hà bọn trẻ cuộc sống như xưa

Mẹ lại về giữa trưa
Nắng cháy da gay gắt
Cát bóng vỡ ra, bụi luôn vào mắt

Mẹ lại về nơi con nằm xuống
Chiều tắt nắng muộn
Bóng mẹ trải dài trên cát
Đồi Bạch Sa bát ngát
Gió thổi... hôn con...
Hòa trong hoàng hôn
Con đường mở dần... xa xa...

Mẹ lại về đồi Bạch Sa
Nơi con nằm xuống
Đêm... không còn nắng
Ánh trăng mờ hồ...

Mẹ lại đi không tính ngày giờ
Miệt mài theo thời gian
Không biết sợ
Đi theo nỗi nhớ từ trái tim
Mẹ lại đi không biết ngày, biết đêm
Không kể trời mưa hay nắng
Đi trong im lặng
Muốn được ở bên con
Đi cho đỡ nhớ đỡ thương
Vội đi nỗi buồn trống vắng

Mẹ lại đi không kể ngày kể tháng
Con đường mòn thêm
Mẹ đã đi bất chấp ngày đêm
Trái tim mẹ dẫn đường chỉ lối
Mẹ đã đi không hề chờ đợi
Sợ chậm giờ con của mẹ ngóng trông
Mẹ phải đi mẹ mới yên lòng
Không muốn để mình con nơi xa lạ
Mẹ phải đi vì thương con quá
Mất con rồi sao người được nỗi đau

Mẹ lại đi, mẹ lại đi mau
Mẹ lại về nơi con nằm xuống
Đồi Bạch Sa dù chiều đã muộn
Con đường mờ hồ ẩn hiện xa xa...
Mẹ lại đi về đồi Bạch Sa.

Lặng lẽ

HOA SÀU ĐÔNG

Anh là người có tài. Bao công việc dù khó khăn đến mấy, đến tay, cũng được anh giải quyết ổn thỏa. Lãnh đạo công ty rất yêu mến, tin tưởng và để bạt anh làm phó giám đốc kinh doanh. Những tưởng với chức vụ ấy thì sẽ giữ được anh - cánh tay đắc lực đem lại thành công của công ty. Vậy mà, rất đột ngột, anh nộp đơn xin thôi việc. Không ai hiểu vì sao anh lại giờ chứng ra như vậy. Ai cũng nói anh khủng, khủng chí tử. Đang yên đang lành, có một công việc ổn định, cuộc sống sung sướng, lại bỏ ngang chẳng vì lý do gì. Anh im lặng không một lời biện minh, lặng lẽ vác ba lô ra đi. Anh đi, cũng có kẻ mừng thầm, nhưng bao người lắc đầu tiếc rẻ. Đằng sau sự ra đi của anh có nhiều lời bàn ra tán vào. Kẻ ganh ghét thì nói anh làm cao để được thăng chức. Người quý mến thì thở dài buồn bã, cầu mong anh đổi ý mà quay lại... Không ai biết về chuyện riêng của anh. Cho đến một ngày...

Công ty tổ chức làm từ thiện ở một bản vùng cao. Sau những chặng đường quanh co lên dốc xuống đèo đến chóng mặt, đoàn cũng đến đích. Bước xuống xe, còn ngỡ ngàng chưa biết làm gì, tôi đã có cảm giác như ai đó đang nhìn mình chăm chú. Nhìn quanh quất, tôi thấy một người đàn ông gầy gầy đen đen đứng nhìn từ đằng xa. Tôi còn chưa kịp phản ứng thì người ấy đã chạy lại, dang tay ôm chầm lấy tôi siết chặt làm tôi muốn nghẹt thở. Đến khi người ấy buông ra, nhìn kỹ tôi mới nhận ra, là anh.

Thì ra, anh ở đây. Anh em gặp nhau, mừng khôn xiết. Anh kéo tôi về nhà, hỏi đủ thứ, về công việc, về gia

đình, về công ty... Tôi chỉ biết trả lời mà không hỏi được anh điều gì. Mãi đến trưa, khi anh nhất định giữ tôi lại rồi bày ra một mâm rượu xoàng, bảo để anh em có dịp hàn huyên, thì tôi mới có cơ hội nhìn lại ngôi nhà anh ở, nhìn kỹ lại anh. Anh già đi nhiều quá, đen đi nhiều quá. Tôi sẽ không nhận ra anh nếu anh không nhận ra tôi trước. Tôi xót xa cho anh: "Sung sướng không muốn lại đi lên nơi khổ sở này làm chi vậy!?". Lúc ấy, anh mới chịu kể về mình. Câu chuyện từ hồi anh còn là sinh viên đại học...

* * *

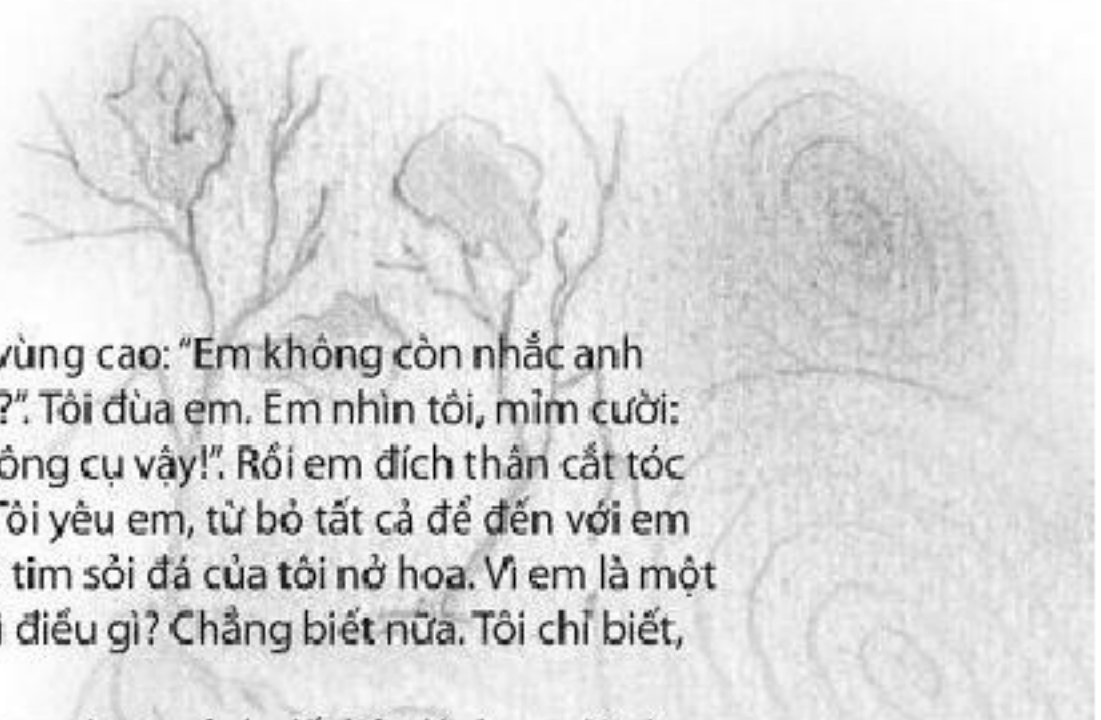
Cô ấy mang một vẻ đẹp giản dị. Vẻ đẹp không gọn chút phần son trang sức. Đến tận bây giờ tôi vẫn chưa thể giải thích nổi vì sao tôi yêu cô ấy. Cũng chưa một lần nào cô ấy hỏi mình yêu cô ấy vì điều gì. Cô ấy chỉ nhẹ nhàng đến bên, và bước vào trái tim mình.

Ngày ấy, tôi là kẻ trầm tư, ít nói. Chẳng biết từ bao

giờ, gương mặt tôi lúc nào cũng đăm chiêu - một kiểu người khó gần, lạnh lùng đến mức chẳng dư thời gian đảo mắt ngắm một bóng hồng đi ngang qua trước mặt. Tôi không quan tâm việc người ta nghĩ như thế nào về mình, vì mình cũng có quan tâm tới ai đâu... Thế mà, cái kiểu người lạnh lùng vô cảm như tôi, một ngày kia cũng biết rung động, biết quan tâm tới người khác.

"Anh cạo râu đi, để vậy trông xấu trai quá!!!". Một hôm, chẳng biết từ đâu hiện ra, cô ấy đến bên, nhẹ nhàng nhắc nhở như thế. Ánh mắt lấp lánh vẻ tinh nghịch nhưng cũng chất chứa yêu thương, miệng nở nụ cười thân thiện. Ngạc nhiên trước hành động quan tâm tới người khác của cô ấy, tôi quay





lại nhìn, ngơ ngàng: “Bé này ở đâu ra mà dễ thương vậy ta! Mà tự dưng quan tâm tới mình chi vậy?”.

Tôi nhìn cô ấy, cười, vò đầu ngại ngùng. Trái tim chứa toàn đá sỏi của tôi lần đầu tiên biết rung động. Lần đầu tiên có người quan tâm tới đầu tóc của mình. Người ấy không quen không biết. Người ấy là một cô bé dễ thương. Lời nói dịu dàng của cô ấy khiến trái tim tôi thổn thức, có một cái gì đó nảy nở ở đó... Hôm sau gặp lại nhau, đầu tóc tôi đã được cắt tỉa gọn gàng, râu ria cũng được cạo sạch: “Anh dễ vậy có đẹp trai hơn không?!” Cô ấy khen tôi. Để ý lại mình, tôi thấy mình cũng khá điển trai.

Tôi yêu cô ấy. Mà chẳng hiểu sao nữa! Cứ thế, tình cảm giữa tôi và cô ấy bình lặng trôi, êm đềm như dòng sông hiền hòa. Tôi cũng được nhiều cô gái khác để ý, cô ấy không hờn ghen, không giận dỗi. Tình yêu của cô ấy cao thượng, thánh thiện. Cô ấy không đòi hỏi ở tôi bất cứ điều gì. Đã có lúc tôi tự hỏi, “phải chăng em là một thiên thần?”.

Thời gian qua đi, lặng lẽ. Tôi và cô ấy vẫn thế. Tình yêu trong câm lặng.

Tốt nghiệp, ra trường. Cô ấy chọn lên vùng cao dạy học. Tôi theo đuổi sự nghiệp, trụ lại nơi thành phố. Thỉnh thoảng có dịp đi công tác, tôi cũng tìm cách ghé thăm cô ấy. Em không thay đổi. Vẫn cô bé của mình ngày nào. Tôi muốn em về thành phố, em không chịu: “Em muốn ở lại vùng cao dạy các em nhỏ, em muốn được góp phần nhỏ bé của mình cho vùng đất xa xôi hẻo lánh này”.

Công việc cuốn tôi đi, thời gian tôi dành cho em không nhiều như trước nữa. Tôi dần quên em... Ngày Tết, cô ấy về thăm tôi. Nhìn thấy tôi, em lặng lẽ khóc, nước mắt lăn dài trên đôi gò má nhỏ...

Ngày đi, em trao cho tôi hộp quà, dặn tôi nhớ giữ gìn, cố gắng làm việc cho giỏi: “Anh đừng chờ em! Em không xứng đáng với anh. Có nhiều cô gái hơn em”.

Tôi giận cô ấy, không nói. Tôi đoán cô ấy đi mà nước mắt lặng lẽ rơi. Tôi dõi theo cô ấy cho tới khi chiếc xe khuất xa, rồi mất hút. Mở hộp quà em tặng. Một bộ dao cạo râu mới, cùng bức ảnh tôi ngày trước. Em vẫn rất yêu tôi, luôn chờ đợi tôi. Tình yêu em dành cho tôi cao thượng, thanh khiết - tình yêu của một thiên thần. Em vẫn luôn quan tâm tới tôi, dù là điều nhỏ nhất. Vậy mà, tôi bỏ em một mình nơi vùng cao xa xôi.

Em đi rồi, tôi mới thấy buồn, tiếc, nhớ, đêm không ngủ. Tôi quên cắt tóc, cạo râu. Bộ dao cạo em tặng để đó, im lìm, không dùng đến. Còn đẹp với ai nữa? Ngoài em ra còn có ai thực sự quan tâm tới tôi như vậy đâu. Đần đờ, suy nghĩ mãi, cuối cùng tôi quyết định từ bỏ thành phố phồn hoa, từ bỏ tất cả sự nghiệp, tiền tài, danh vọng. Tôi xin lên đây làm thầy giáo dạy học. Em đón tôi với nụ cười rạng rỡ. Niềm hạnh phúc ngập tràn trong ánh mắt em: “Em chờ đợi giây phút này từ lâu lắm. Anh ở lại đây cùng em, cùng mảnh đất này nhé!”. Em ôm lấy tôi, không muốn dứt ra, em sợ tôi không

ở lại với em, với vùng cao: “Em không còn nhắc anh cạo râu nữa sao!?”. Tôi đùa em. Em nhìn tôi, mỉm cười: “Trông anh như ông cụ vậy!”. Rồi em đích thân cắt tóc cạo râu cho tôi. Tôi yêu em, từ bỏ tất cả để đến với em vì em đã làm trái tim sỏi đá của tôi nở hoa. Vì em là một thiên thần hay vì điều gì? Chẳng biết nữa. Tôi chỉ biết, tôi yêu cô ấy...

Tôi ở lại cùng em, cùng mảnh đất hẻo lánh xa xôi này, cùng em dạy học, làm việc. Khó khăn cực khổ hai đứa cùng nhau vượt qua. Tôi nhận ra, em không những hiền lành, xinh đẹp mà còn là một con người đầy nghị lực. Vùng cao xa xôi, nghèo khổ, một cô gái mảnh dẻ như em đã sống, làm việc vì bao con em dân tộc, cho đám trẻ biết chữ, giúp dân bản cải thiện cuộc sống. Có ai biết được trước kia em là một cô gái thành phố, sống sung sướng?

Ngày cưới hai đứa không hoa, không tiệc tùng, chỉ có dân bản cùng mấy em học trò đến dự trong ngôi nhà nhỏ. Giản dị, giản dị như con người em vậy. Đơn sơ mà vui, mà đầy ắp tình người, đầy ắp tiếng cười. Tôi mơ tưởng tới tương lai phía trước, hai đứa có con, chúng tôi sẽ xây dựng một ngôi trường mới, sẽ dạy các em, dạy cả con chúng tôi nữa. Dạy chúng biết chữ, dạy chúng mọi thứ để chúng đem sức mình cải tạo đất, giúp vùng đất nghèo khổ này nở hoa hạnh phúc...

* * *

Ngồi nghe anh kể mãi mà không thấy vợ anh đâu. Tôi buột miệng hỏi:

- Thế chị và cháu đi đâu rồi anh?!

Ánh mắt anh thoáng buồn, nhìn ra xa xăm khoảng không phía trước:

- Rừng núi này, mảnh đất này, chỗ nào cũng có cô ấy.

- Vậy ra chị...

Anh nghẹn ngào:

- Trận lũ năm ngoái đã cuốn cô ấy đi, cuốn cả đứa con còn chưa kịp chào đời. Cô ấy đã cứu được em học sinh nhỏ mà không cứu được mình.

Nỗi buồn trong anh dâng lên, nước mắt lặng lẽ lăn xuống đôi gò má gầy. Anh đưa tay chỉ về phía ngôi mộ nhỏ phía xa gần bìa rừng:

- Cô ấy nằm đó đó, hai mẹ con cô ấy ở đó. Rừng núi che chở cho họ, ôm họ vào lòng, mãi mãi...

Từ bỏ tất cả để đến đây, xây dựng đất này, chưa được một phút thành thơi. Hạnh phúc nhỏ bé vừa nhen nhóm thì ông trời lại lỡ cướp đi mất. Râu tóc anh dài không còn ai nhắc cắt...

Khi bước chân ra xe, tôi có hỏi anh:

- Bây giờ anh có muốn về lại thành phố không? Mọi người vẫn mong anh lắm!

Anh lắc đầu, cười nụ cười buồn xa xăm:

- Tôi nguyện sống chết với đất này!

Xe đi qua gần chỗ ngôi mộ nhỏ, tôi ngoái nhìn. Hoa nở rộ, cỏ xanh rờn. Ngoái lại bản nhỏ. Bóng anh lặng lẽ đứng đó, giữa khoảng đất trống, phía sau là ngôi trường mới khang trang. ■

Chuyện ghi được ở chùa “mồ côi”

SONG ANH

Trong cơn mưa tầm tã của những ngày đầu tháng Sáu, chúng tôi tìm đến ngôi chùa đã được nhiều người nhắc đến với cái tên kỳ lạ là chùa “mồ côi”. Sở dĩ có cái tên ấy là do nơi đây đang nuôi dưỡng, giáo dục, cư mang những trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ mà lại không có người thân; chớ thật ra đó chính là chùa Bửu Trì nằm bên cầu Rạch Ngỗng, thuộc phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Tiếng chuông chùa vẫn thong thả ngân nga trong chiều mưa như cố tạo một không khí trầm mặc. Nhưng tiếng trẻ con, khóc có, cười giòn có, lại như đang vẽ ra một mảng tương phản trong bức tranh rất lạ thường thể hiện cùng lúc hai cuộc sống hoàn toàn biệt lập. Vừa dỗ dành một đứa trẻ nằng nặc không chịu bú sữa, Sư cô Thích nữ Tâm Niệm, quê ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, hiện đang trụ trì chùa, kể lại “... từ trước vẫn có nhiều trẻ em mới sinh bị bỏ rơi, có em còn bị quăng xuống sông Rạch Ngỗng, rất thương tâm. Thấy vậy, từ năm 1990 chùa tổ chức việc nuôi trẻ mồ côi; nhờ vậy, những em không may bị bỏ rơi cũng còn có chỗ nương náu. Cháu bé này cũng bị bỏ trước cổng chùa mới mấy tháng qua, mồ Phật, tội nghiệp...”

Sư cô cho biết, cứ mỗi khi nghe tiếng xe hon-đa thẳng trước cổng và có tiếng vỗ cửa chùa là lại có thêm một trẻ bị bỏ rơi không để lại một dòng lý lịch về tên họ, địa chỉ, thân nhân, quê quán... Theo lời của những vị có trách nhiệm về an ninh địa phương thì cha mẹ của những đứa trẻ đáng thương này thường là ở tuổi ăn chưa no, lo chưa tới; lỡ mang thai, đến khi sanh con rồi là vứt bỏ. Nhà chùa chỉ biết thấy có sinh mạng bị rẻ rúng thì trải rộng tâm từ dang tay ra lo lắng, đến đâu hay đấy, chứ không biết toan tính thế nào. Cũng may, khi biết về hoạt động nuôi trẻ mồ côi của chùa, đã có nhiều vị hảo tâm tận tình đóng góp vừa tịnh tài, vừa công sức, nhờ vậy, đến nay chùa mới có thể lo lắng cho

cuộc sống và việc học tập của gần tám chục em, từ vài tháng tuổi đến những em đang là sinh viên các trường cao đẳng, đại học thuộc địa phận Cần Thơ.

Đưa chúng tôi tham quan cơ ngơi khá khang trang của chùa mới xây dựng xong, Sư cô Tâm Niệm phấn khởi nói “... vừa qua, khi có kế hoạch xây dựng cầu Rạch Ngỗng 2 thì chùa nằm trong khu vực phải giải tỏa. Trong lúc thấy trò đang lúng túng thì có một vị mạnh thường quân ở quận Ninh Kiều ủng hộ xây dựng lại cả nơi thờ tự lẫn chỗ nuôi dạy trẻ khang trang như vậy!”.

Trong gian phòng rộng, thoáng mát ở lầu một, các vị bào mẫu “không chuyên” đang dỗ dành các cháu. Có người đang thu xếp quần áo của từng cháu cho vào các giỏ xách rất gọn gàng; người khác lại ẩm cùng lúc đến ba cháu đang nũng nịu đòi bế rất thơ ngây. Tham gia vào việc chăm sóc số trẻ em trong độ tuổi sơ sinh và mẫu giáo này là những người dân địa phương tự nguyện đến làm công việc từ thiện; bên cạnh đó, còn có một số người trước đây được chùa nuôi dưỡng, nay đã trưởng thành, quay lại đóng góp công sức với nhà chùa để thực hành tâm nguyện của người biết ơn và biết cách đền ơn.

Chị Lê Ngọc Ánh quê xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang tự nguyện làm việc từ thiện ở đây đã nhiều năm cho biết “... Thấy tụi nó đứt từng khúc ruột chú ơi, bỏ sao đành, thôi thì thu xếp chuyện nhà tới đây sống chung với chúng, vắng một ngày là chịu không nổi đâu...”. Nói xong chị đã rướm rướm nước mắt vì xúc động.

Cùng suy nghĩ như chị Ánh, chị Nguyễn Thị Hạnh, ngụ huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ đã có “thâm niên công tác” tại đây trên mười sáu năm. Chị đã có gia đình và đã có hai con trưởng thành. Nhờ kinh tế gia đình ổn định, chị đã thuyết phục chồng con để sáng tinh mơ là có mặt tại chùa và chỉ ra về khi trời tối mịt. Chị kể “... mới đầu ông cũng cự nự dữ lắm, sau đó ông tới tận nơi thấy



Ảnh: Song Anh

tui làm việc từ thiện và thấy mấy đứa nhỏ mồ côi quá tội nghiệp, ổng nín thinh rồi lẳng lặng mỗi sáng chở tui tới đây, tui đón về với cái cười thông cảm, vậy là êm re...”

Hôm ấy, tình cờ người con gái của chị Hạnh cũng đến chùa thăm mẹ; thấy mẹ tắt bật, cũng tận tình giúp đỡ mẹ trong việc chăm sóc các cháu nhỏ. Đám trẻ nhỏ thấy người lạ liền xúm xít vây quanh chúng tôi đòi bế, có đứa ôm cổ, đứa rờ má... như người thân làm chúng tôi vô cùng xúc động.

Đang tiếp chuyện với các cháu thì cô giáo Lê Thị Ngọc Diệp, hiện công tác ở Trường Mầm non Ngôi Sao, quận Ninh Kiều, về đến. Lũ trẻ nhao nhao chạy đến ôm chầm lấy cô, đứa nào cũng muốn được cô ẵm bồng, đứa không được bồng bế thì giãy nảy giận hờn khóc òa lên nức nở. Bế một lúc ba cháu trên tay, Diệp vui vẻ kể “... em cũng là trẻ mồ côi, sống ở đây từ bé, mấy đứa nhỏ này em đã quen hơi, quen tính nết từng đứa, vắng em thì tụi nó “quây” từng bưng đó...”. Vậy là sau giờ công tác cô lại trở về với mái ấm của mình để vui chơi, chăm sóc các cháu như một nghĩa cử trả ơn cứu mạng của nhà

chùa đối với thân phận mồ côi của mình năm xưa. Tôi hỏi “... quyến luyến như vậy lỡ mai một em có chồng thì sao...?”. Đang vui với sắp nhỏ, giọng Diệp bỗng chùng xuống và rơi nước mắt “... ai mà không muốn có một mái ấm riêng tư hạnh phúc, nhất là những số phận bất hạnh như chúng em, nhưng mà... em không bỏ chúng được, nhiều cơ hội may mắn để lập gia đình đã đi qua vì sự chối từ đó...”. Diệp khẽ khàng đáp.

Mà đâu chỉ riêng Diệp, có rất nhiều mảnh đời lớn lên ở ngôi chùa này, nay đã trưởng thành có việc làm ổn định vẫn từ chối hạnh phúc riêng tư để mỗi đêm lại quây quần cùng những mảnh đời bất hạnh như cô giáo Trần Xuân Đào hiện đang công tác tại Trường Mầm non tư thục Phan Đình Phùng, có người là công nhân viên công ty, xí nghiệp... vẫn mỗi đêm trở về với ngôi chùa “mồ côi” ấm áp này.

Qua trò chuyện với các vị bảo mẫu, chúng tôi biết hiện nay nhà chùa đang cố gắng duy trì việc đưa đón 28 cháu bé đang trong độ tuổi được đi nhà trẻ và mẫu giáo theo đúng quy định. Các vị bảo mẫu chia phiên

với nhau chuẩn bị quần áo, sách vở và đồ dùng học tập để đưa đón các cháu đúng giờ, dù nắng mưa, lũ bão thì lịch học tập của các cháu vẫn được tôn trọng. Mục đích là để các cháu không bị mặc cảm là trẻ mồ côi bị xã hội kỳ thị. Các vị bảo mẫu cho biết, “rất mừng là tất cả cháu tại đây đều khỏe mạnh, không bị tật nguyền và không bị thiếu năng trí tuệ”.

Chỉ riêng việc chạy đua để giành lại sự sống cho hàng trăm trẻ thơ đã là điều quá khó; nhưng giáo dục, chăm sóc, rèn luyện trí và thể lực, hướng các cháu nên người hữu ích, không mặc cảm, tự ti lại là điều khó hơn gấp nhiều lần. Vậy mà những người tự nguyện làm từ thiện ở chùa Bửu Trì đã làm được những việc khó khăn đó một cách nhẹ nhàng, thanh thản, với lòng bao dung.

Tiếp xúc với em Trần Văn Anh 13 tuổi học sinh giỏi 7 năm liền, hiện học lớp 7 Trường THCS Lương Thế Vinh, chúng tôi nhìn sâu vào đôi mắt lạnh lợi đầy áp niềm lạc quan của em để nghe em kể: “... em bị bỏ rơi từ hai tháng tuổi, vô chùa từ ấy đến nay, em rất mang ơn Sư cô, các cô, các chú đã cứu mang em; em không mặc cảm nữa và sẽ học thật giỏi để làm nhà văn; truyện ngắn đầu tay em sẽ viết về ngôi chùa “mồ côi” này...”.

Mỗi ngày sau giờ đến lớp, các em lớn sẽ trông coi chăm sóc các em nhỏ hơn, làm những công việc nhẹ nhàng như phơi phóng, thu xếp quần áo, ru em ngủ, dạy em học, làm đồ chơi cho các cháu nhỏ... Tuyệt nhiên không có việc cãi vã, đánh nhau, giành đồ chơi, quà bánh của nhau. Nhìn chúng âu yếm, tận tình săn sóc bảo ban nhau như anh em ruột thịt trong nhà, chúng tôi không cầm được nước mắt. Có lẽ trong sâu thẳm tâm hồn, chúng đã linh cảm và bắt đầu nhận ra tài sản

quý báu và duy nhất trên đời mà chúng có được là mái chùa mồ côi cùng với những tình cảm đang quần quýt bên chúng hôm nay và cả mai sau.

Chia tay với chúng tôi trong sự luyến tiếc khôn nguôi, em Nguyễn Đức Hải 16 tuổi, đang học lớp 6 bổ túc văn hóa Trường Đoàn Thị Điểm dặn dò “... tụi con lớn rồi, thiếu thốn chút đỉnh cũng hồng sao, mấy cô chú nhớ xin sữa Đì-a-lắc an-pha cho mấy đứa em con, càng nhiều càng tốt nghe, lỡ thiếu tụi nó suy dinh dưỡng tội nghiệp lắm...”. Nói xong Hải cười sảng sặc rất phấn khích như quên đi một điều: chính em cũng là đứa trẻ mồ côi trong ngôi chùa ấm áp này. Cạnh đó hàng chục cháu nhỏ đang ê a đánh vần rành rọt trong tiếng chuông chùa trầm mặc, trong ánh đèn nê-ông đang vụt sáng lên.

Trời đã tạnh mưa. Chúng tôi ra về trong tâm trạng khá nặng nề, căng thẳng. Tương lai các em sẽ về đâu? Liệu hạnh phúc có thực sự đến với những mảnh đời bé bỏng đáng thương ấy? Liệu có còn những sanh linh bé nhỏ bị bỏ rơi trước cổng chùa Bửu Trì sau tiếng xe hon-đa ồm phóng đi vội vã trong đêm vắng bên dòng kênh Rạch Ngỗng?

Còn những người đang làm công việc tự nguyện trong mái ấm chùa Bửu Trì, họ là những con người rất kiệm lời, chẳng hề nói gì về những hy sinh thầm lặng của mình. Vậy mà chúng tôi thấy vẫn lung linh bàng bạc những tấm lòng nhân ái đang tỏa hào quang hòa vào ánh sáng giáo pháp từ bi của Đức Phật.

Cần lắm những tấm lòng nhân ái đến với những cháu bé đang nung nấu dưới mái ấm chùa “Mồ Côi” mà chúng tôi thì nhỏ nhoi bất lực vô cùng. ■



Ra Hòn Nghê viếng chùa Liên Tôn

Bài & Ảnh: ĐẶNG HOÀNG THẨM

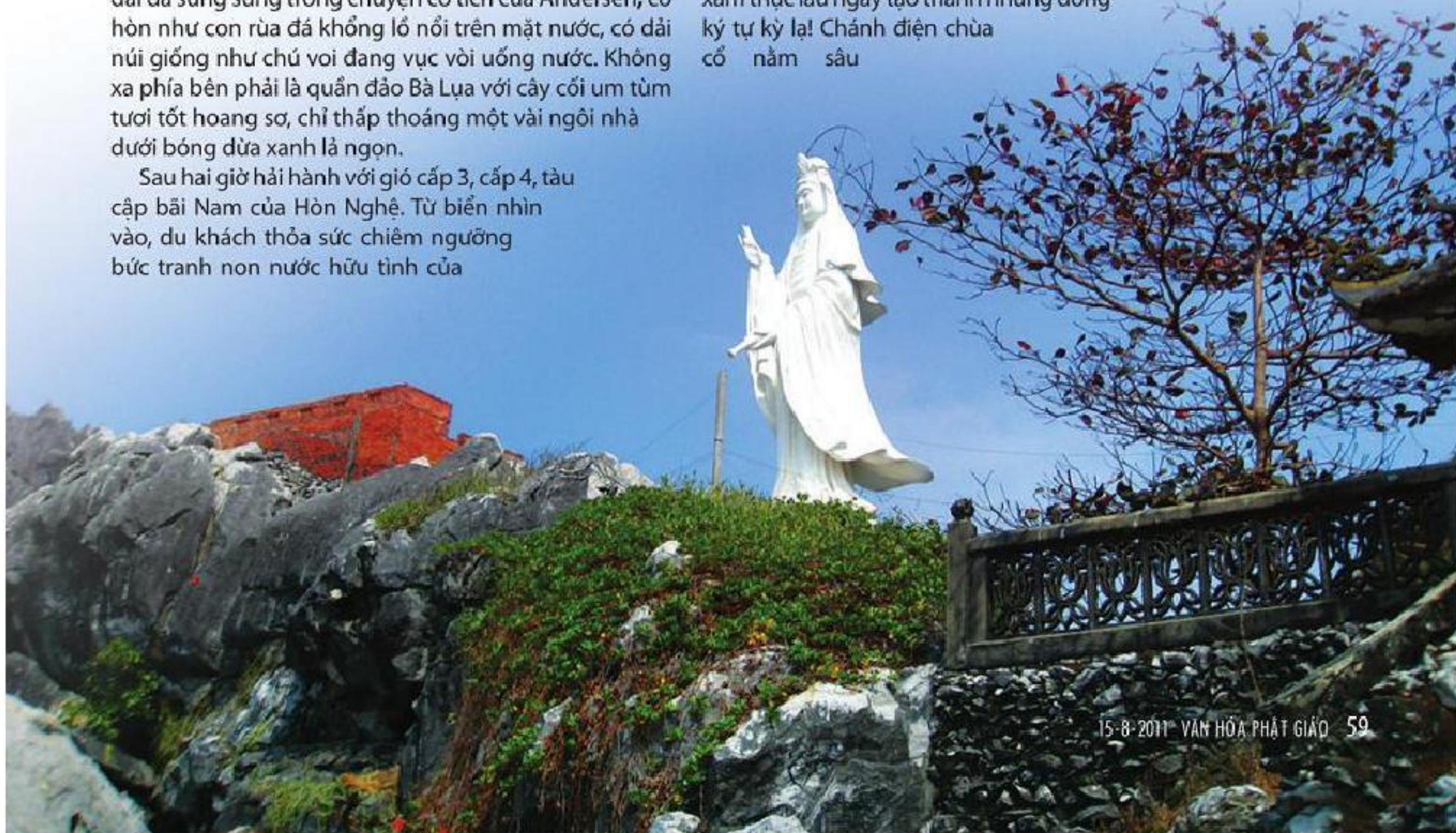
Về Kiên Giang, miền đất cuối cùng của dải đất hình chữ “S” thân yêu, ghé lại huyện duyên hải Kiên Lương dạo chơi, tham quan những thắng cảnh đẹp nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long... là chuyến du hành hấp dẫn. Từ thị trấn Kiên Lương, du khách đi theo QL80 là đường về Hà Tiên, đến Ngã Ba Hòn thì dừng lại để xuống tàu khách vượt biển ra Hòn Nghê với giá vé phải chăng.

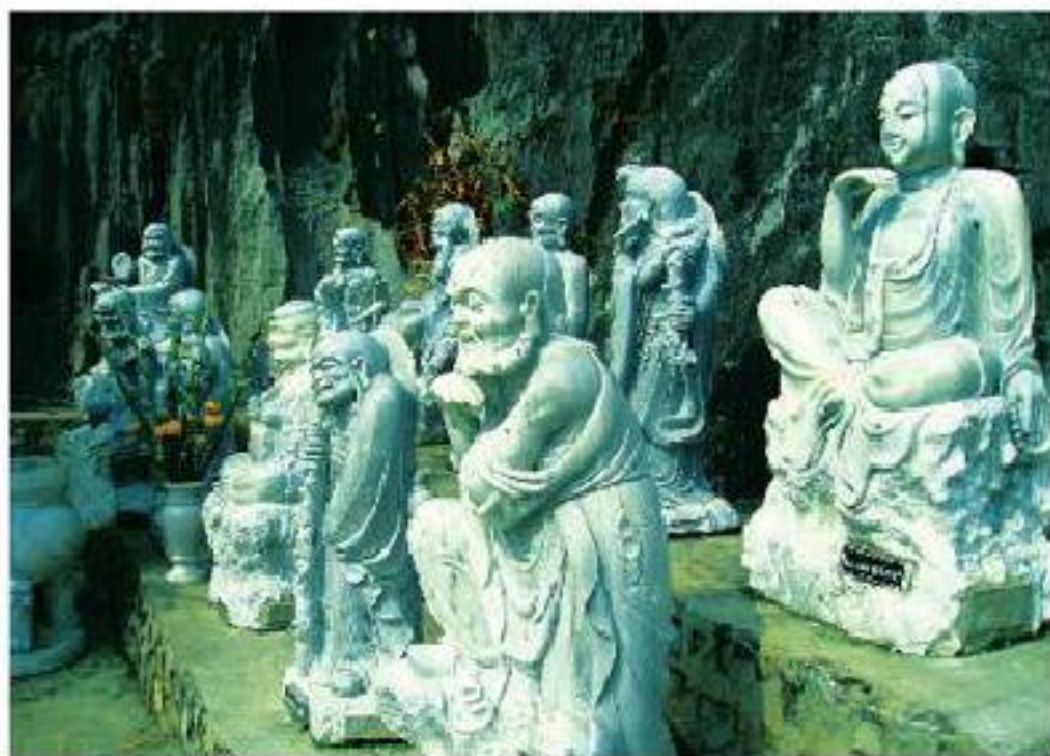
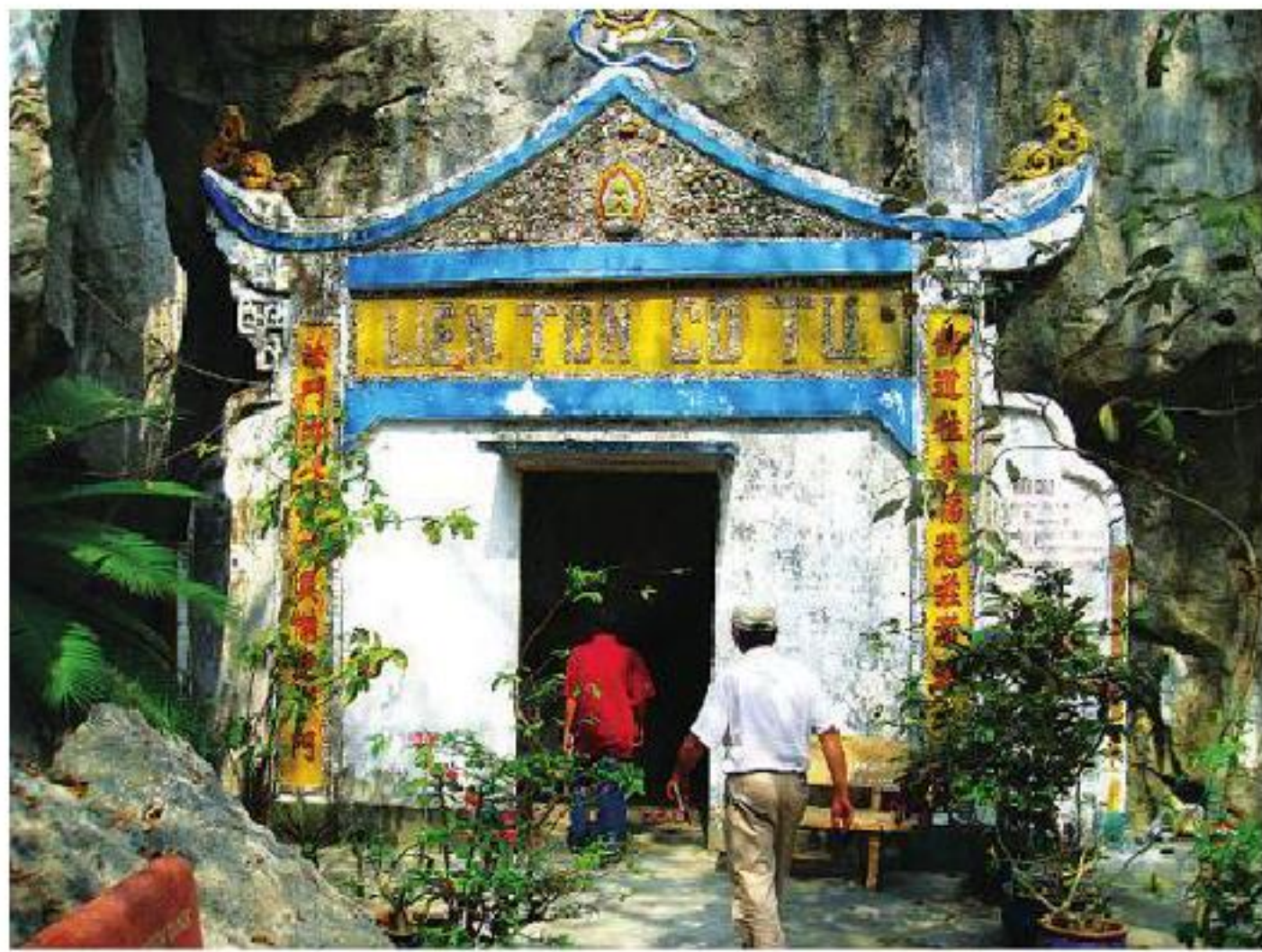
Mới quá giữa trưa một chút, tàu khách Thanh Tùng mang số đăng ký KG 01742 có trọng tải 40 tấn đã ra đến cửa sông để ghé trạm biên phòng Ba Hòn. Chủ tàu trình giấy nhanh rồi cho tàu xuất bến. Tàu phẳng phẳng cười sóng, lướt về Hòn Nghê mờ xa... Chúng tôi ngỡ ngàng như lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh! Một “tiểu Hạ Long” của biển phương Nam! Tàu đi giữa vịnh biển mênh mông, cả một vùng trời nước bát ngát màu xanh lơ với muôn trùng lượn sóng biển đua đuổi nhau tung bọt trắng xóa. Bên trái là dải đất Bình An – nơi có Hòn Phụ Tử nổi tiếng – với núi non chập chùng và nhiều hòn đảo lớn nhỏ trơ vơ cận biển. Có đảo trông giống như những lâu đài đá sừng sững trong chuyện cổ tích của Andersen, có hòn như con rùa đá khổng lồ nổi trên mặt nước, có dải núi giống như chú voi đang vục vòi uống nước. Không xa phía bên phải là quần đảo Bà Lụa với cây cối um tùm tươi tốt hoang sơ, chỉ thấp thoáng một vài ngôi nhà dưới bóng dừa xanh lá ngọc.

Sau hai giờ hải hành với gió cấp 3, cấp 4, tàu cập bãi Nam của Hòn Nghê. Từ biển nhìn vào, du khách thỏa sức chiêm ngưỡng bức tranh non nước hữu tình của

hòn đảo xinh đẹp này. Ấn tượng đầu tiên là tượng Phật Bà Quan Âm cao 20m đứng uy nghi, tự tại giữa lưng chừng núi Lầu Chuông. Đây là ngọn núi đá vôi bị xâm thực nên có hình dáng đẹp, kỳ vĩ với nhiều hang động bí hiểm. Mọi người lục tục sang thuyền nhỏ vào bờ. Sau mười phút nghỉ ngơi du khách bắt đầu khám phá Hòn Nghê. Chùa cổ Liên Tôn là điểm đến chủ yếu của chuyến đi.

Liên Tôn cổ tự có từ rất lâu đời, nằm cheo leo dựa lưng vào vách núi. Khách hành hương phải vượt qua hàng trăm bậc đá ngoằn ngoèo, quanh co, lúc lên cao, khi xuống thấp. Đường vào chùa dẫn khách hành hương đến sát chân tượng Phật Bà, gần đấy có Hòn Đá Chuông kỳ lạ, chỉ cần dùng một vật cứng gõ vào, Hòn Đá Chuông sẽ vang lên tiếng “boong... boong... boong...” như tiếng chuông chùa ngân nga, đồng vọng. Lên đến gần chánh điện, du khách sẽ thấy bên trái vách núi một quần thể tượng các vị La Hán bằng đá trắng được tạc đẽo, tạo dáng rất công phu, tỉ mỉ và thanh thoát. Trên bề mặt của một tảng đá to sau lưng vườn tượng, nước mưa chảy, gió biển ma sát, xâm thực lâu ngày tạo thành những dòng ký tự kỳ lạ! Chánh điện chùa cổ nằm sâu





trong hang đá chừng 20m, phải đi theo một lối mòn hẹp mới đến được chỗ thờ Phật, nơi đây phình nở ra rộng chừng 80m vuông. Quanh vách động có nhiều hình tượng lạ lùng do nước sôi vào đá tạo nên như rồng, voi, sư tử, beo, cạp... Trên nóc động có vài lỗ thông gió, ánh sáng rọi xuống hang tạo thành những vệt sáng xiên xiên mờ ảo... Giữa sân chùa có một cây bồ đề cổ thụ cành lá sum suê.

Đêm ở chùa Liên Tôn mang lại cho kẻ hành hương nhiều cảm xúc. Vào những ngày có trăng từ mỏng mười đến sau rằm, cảnh vật núi Lầu Chuông và biển Hòn Nghê đẹp như chốn non bồng, nước như ngọc. Biển sáng lấp lánh với muôn vàn vẩy bạc ánh lên từ những ngọn sóng có khi lẫn tăn, yên ắng, cũng có lúc trắng xóa, bạc đầu. Chùa cổ như trầm tư trong làn sương mỏng huyền hoặc, thâm u. Du khách mơ màng trong tiếng trống mõ, chuông chùa hòa với tiếng sóng biển vỗ xạc xào vào những ghềnh đá hoang sơ...

Theo chân một nhà sư, chúng tôi cùng khám phá các hang động chung quanh chùa mà trước nhất là động Phật Cô Đơn. Đường đi qua nhiều góc ngách quanh co lắt léo, có khi phải bò qua những mỏm đá. Tòa động chỉ nhỏ bằng một gian phòng khách, có một tượng Phật lẻ loi bằng đá, khoác áo cà sa màu gạch tôm mà ai đó đã đặt chẳng biết tự bao giờ! Từ cửa động nhìn ra, biển Kiên Giang đẹp như một bức tranh thủy mặc... Rời động Phật Cô Đơn, những người thích mạo hiểm lại tiếp tục một hành trình dài chừng 100m để khám phá hang Gia Long. Hang nằm sát biển ở độ cao trên 10m, vách gần như thẳng đứng. Có hai lối đi đến hang, một là con đường dọc theo mép biển, lối khác phải vượt qua đỉnh núi đá tai mèo cheo leo. Cả hai lối đi đều rất hiểm trở với gành đá, vực sâu, núi cao, gây cảm giác mạnh cho du khách!

Vào các dịp lễ hội hoặc những ngày rằm lớn, khách hành hương từ các nơi vượt biển đến với chùa Liên Tôn khá đông đúc, nhộn nhịp. Mọi người như trút hết những phiền não, tĩnh tâm chiêm nghiệm lời kinh tiếng kệ âm trầm ngân vọng giữa chốn già-lam u nhã...

Bình minh trên biển Hòn Nghê tỏa rạng một vẻ thanh bình nhuộm rạng hồng rực rỡ. Tàu ghe đánh cá nườm nượp tới lui mua bán thủy hải sản trên biển. Ghe nhỏ đưa rước khách dập dềnh. Tiếng máy nổ xình xịch, tiếng người gọi nhau ới ới tạo nên một khung cảnh nhộn nhịp, huyền ảo đầy sức sống.

Hòn Nghê cao 320m, rộng 380ha thuộc huyện Kiên Lương, đây là một hòn đảo có hệ sinh thái tự nhiên khá lý tưởng... Trên núi của đảo có rừng cây sấm uất với rất nhiều cây thuốc quý như: cốt toái, huyết rồng, linh chi, ngũ triều, kỳ hương, quế quan, thần thông, thiên niên kiện... Hòn Nghê còn có rất nhiều chim chóc sinh sống, không khí trong lành, mát mẻ. Có một loài chim lạ mà trong đất liền không thấy, loài chim này hình dáng giống như chim chia vôi, giọng hót rất lạnh lốt, vang vọng, dân đảo gọi là chim "lầu lầu". Mỗi buổi sáng, khi mặt trời vừa ló dạng trên mặt biển, người ta nghe tiếng "lầu...lầu" vang vọng khắp núi rừng. Hòn Nghê với Liên Tôn cổ tự và các hang động như động Phật Cô Đơn, điện Sư tổ Đạt Ma, hang Quýt, hang Gia Long với những truyền thuyết và huyền thoại ly kỳ vẫn còn ẩn giấu rất nhiều điều bí mật, lạ lùng đang chờ được khách du khám phá! ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Vừa qua, rảnh mấy ngày, tôi nhận lời đưa hai cháu học sinh nghèo cùng xóm vào Sài Gòn dự thi đại học. Đã biết về chương trình tiếp sức do Báo Giác Ngộ tổ chức, tôi tính đến thẳng nơi đó. Tuy vậy, vì đây là lần đầu tiên tìm sự giúp đỡ cho người khác, trong lúc ngồi trên xe đi Sài Gòn, tôi vẫn lo lo và sắp xếp trong đầu một kế hoạch khác nếu... chẳng may...

Nhưng ngay khi đến được đường Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi đã thấy nhiều bóng dáng màu áo xanh lá mạ nhao nhao lên: “Có các bạn đến! Có các bạn đến!”. Một cháu gái băng qua đường đón, niềm nở hỏi han và hướng dẫn chúng tôi đến “Văn phòng tiếp nhận” đặt trên vỉa hè. Lúc đó đã 5 giờ chiều, trời đang mưa rả rích. Một cháu lấy ghế mời tôi ngồi trong lúc người ngồi ở bàn tiếp nhận sốt sắng tìm hiểu nhu cầu của hai cháu học sinh. Tôi thấy trên bàn một tấm bản đồ Sài Gòn lớn và một danh sách dài các chùa trong thành phố. Mười phút sau, ba bạn trẻ được phân công chở ba bác cháu tôi đến chùa để trọ. Một cháu được gửi trọ ở quận 1, cháu kia ở quận 11. Bạn trẻ chở tôi cũng là người không rành đường, chạy xe đi theo hai bạn kia. Tôi đề nghị cùng đến chùa ở quận 1 trước rồi sau hãy đến chùa ở quận 11, cả ba bạn đều vui vẻ nhận lời. Dọc đường, tôi hỏi chuyện và được biết đội xe của các bạn là những người hoàn toàn tự nguyện, chính các bạn lo liệu hết mọi chuyện để hoàn thành công việc mà ban tổ chức giao. Khi đưa chúng tôi đến ngôi chùa ở quận 11, trời đã tối. Tôi hỏi bạn trẻ chạy xe, “Chắc các cháu về nghỉ là vừa, trời đã tối rồi mà?”. Bạn trả lời tôi, “Không đâu, chúng cháu còn quay lại ‘văn phòng’ để ‘báo cáo’. Ban đêm chúng cháu vẫn phân công trực để còn đón tiếp các bạn thí sinh về trọ”.

Các bạn trẻ đã để lại trong lòng tôi một niềm cảm xúc lớn. Trong tôi dậy lên niềm hy vọng vào một ngày mai tươi sáng sẽ đến với các bạn trẻ đam mê tự nguyện dấn thân, sẻ chia nỗi khó khăn vất vả của người khác với sự trong sáng, ấm áp tình người.

Cảm ơn các bạn trẻ với màu áo xanh lá mạ mà tôi đã gặp và chưa kịp biết tên.

Ngô Tấn Thành, Phan Thiết, Bình Thuận

Cách đây nửa tháng, tôi tới bàn đánh máy vì tính đầu chợ nhờ thảo luận một tờ đơn khiếu nại chuyện căn nhà bà chị ruột của tôi trở cửa bên hông nhà khiến mặt trước nhà tôi phải thụt vào sâu trong khi phần đất trước mặt còn dài tới cả năm thước. Thực ra, nhà bà đã trở cửa như vậy trước khi nhà tôi xây, và đều sử dụng đất của ông bà nội tôi để lại. Tuy nhiên, để củng cố lập luận của mình, tôi nói rằng nhà bà chỉ mới trở cửa hông gần đây. Nghe tôi trình bày, người soạn đơn nói với tôi: “Hôm qua, cũng có người nhờ tôi đánh máy một tờ đơn soạn sẵn. Nội dung tôi còn nhớ là tường trình việc nhà ông vẫn dùng cửa ra vào bên hông nhà vì mặt trước nhà ông có một cây me do ông bà trồng từ hồi xưa mà ông không muốn dời. Nay, em vợ ông tính nối nhà, đòi ông lấp cửa bên hông, bức bách ông không có chỗ ra vào. Mà chuyện này đã từng được xử lý cách đây gần chục năm. Không hiểu vì sao nay em vợ ông lại bối ra. Có phải chuyện đó dính lứu tới chuyện này không?”. Nghe hỏi vậy, tôi muốn dõ mồm hỏi lại. Thì ra ông anh rể của tôi đã biết toan tính của tôi, và đã có kế hoạch chặn lại. Trong lúc tôi chưa kịp trả lời, người thảo đơn nói tiếp, “Tôi chỉ là người viết muôn, ông thuê thì tôi làm. Nhưng tôi thấy vụ này kỳ kỳ sao đó. Chị em với nhau, có gì thì ông với bà chị của ông bàn bạc, hỗ trợ nhau sao cho giải quyết được trong tình chị em. Thừa kiện đâu có lợi gì cho mình, chỉ béo mấy người phân xử”. Nghe xong, tự nhiên tôi nhớ lại hỏi chị em tôi còn nhớ. Chị ấy hơn tôi gần chục tuổi; nhà nghèo, chưa tới mười tuổi, chị đã phải phụ má buồn bán lo cho mấy đứa em, trong đó có tôi. Tôi cũng biết nhà chị phải dùng cửa hông vì phía trước không có chỗ trở cửa. Chỉ vì lợi của tôi mà tôi không nghĩ tới chị mình. Tôi ứa nước mắt và thôi không nhờ thảo đơn nữa. Một tuần lễ sau đó, nhận một đám giỗ, chị em tôi bàn bạc với nhau rồi đồng ý về cách sử dụng khu đất trống trước mặt nhà tôi để tôi có thể nối ra trước mà không cản trở sinh hoạt của gia đình chị mình. Tôi viết lại chuyện này, cảm ơn người đánh máy vì tính thuê, tình cờ biết được việc tranh chấp của chị em tôi, có lời khuyên đúng lúc, giúp tôi bình tâm nghĩ lại, nhờ đó mà chị em tôi giữ được tình máu mủ.

Trần Công Kỳ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai



Canh rong biển

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Rong biển hay cỏ biển là một loại thực vật ở biển rất giàu chất dinh dưỡng: chứa nhiều chất đạm, chất khoáng, các yếu tố vi lượng và vitamin, đặc biệt là i-ốt. Phát hiện y học gần đây cho rằng rong biển có thêm khả năng thải độc phóng xạ.

Ngoài việc được dùng như một loại dược phẩm thì rong biển còn dùng như một thành phần thực phẩm để chế biến ra các món ăn rất ngon lành và bổ dưỡng.

Nguyên liệu:

- Rong biển khô: 10gr
- Đậu hũ: 1 bìa
- Nấm rơm tươi: 10 búp
- Cà chua chín: 1 quả
- Thân boa-rô: 1 khúc

Gia vị: muối, tiêu, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Rong biển: ngâm nước một lúc cho nở, rửa sạch nhiều lần cho thật sạch cát. Vớt ra, để ráo
- Nấm rơm: ngâm nước muối một lúc, gọt sạch chân. Rửa sạch, để ráo

- Ướp rong biển và nấm với chút muối, tiêu, nước tương, boa-rô băm nhỏ

- Cà chua: Xé bỏ hạt, chẻ múi cau

- Đậu hũ: cắt miếng

Bắc nồi nóng với 1 muỗng súp dầu ăn phi thơm với boa-rô băm nhỏ. Bỏ rong biển và nấm đã ướp vào xào. Tiếp đổ nước đủ dùng vào nấu sôi, thả đậu hũ và cà chua vào. Canh sôi lại nêm nếm vừa ăn, nhắc xuống. Múc ra tô, rắc tiêu và bỏ ngò hoặc lá boa-rô lên mặt.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp 0768A70A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

184 Nguyễn Thiện Thuật, P.3, Q.3 - Tel. (08) 35377122

237 Trương Chính, P. 12, Q. Tân Bình

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ô Môi, P. Phú Thuận, Q. 7



PHÁP PHỤC LAM HIỀN®

Lam Hiền tỏa sáng bước trang nghiêm...



Chư Tôn Đức đến thăm Xưởng may pháp phục Lam Hiền ở Củ Chi

CHUYÊN CUNG CẤP SỈ VÀ NHẬN MAY SỐ LƯỢNG LỚN:

Các loại y, áo hậu, áo tràng, áo nhật bình,
vật khách, la hãn, túi, dây...

Call: 012345 80888

SHOP MAY & VĂN PHÒNG

CHÙA PHỔ QUANG - 64/3 Phổ Quang, Q. Tân Bình - Tel: 399 77 200

XUỐNG MAY

Tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi - Tel: 2247 3388



DU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL



CHƯƠNG TRÌNH THAM DỰ ĐẠI LỄ QUẢN ĐÀNH

KALACHAKRA

CỦA ĐỨC DALAI LAMA THỨ 14

BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG, ẤN ĐỘ

Khởi hành ngày: 31/12/2011
(7/12 âm lịch)

- VŨ TRỤ TÂM LINH TÂY TẠNG HUYẾN BÍ
- ĐẤT PHẬT ẤN ĐỘ - NEPAL
- VƯƠNG QUỐC PHẬT GIÁO BHUTAN
- TỬ ĐẠO PHẬT SƠN TRUNG QUỐC
- MIỀN ĐIỆN - THÁI LAN

CHÙA VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3

Email: ngọcviet_travel@yahoo.com

Tel: (08) 38 48 33 88 - www.vietchay.vn

Vui lòng liên hệ: Đoàn Tấn - 0933 88 33 63

MÓN QUÀ

Vu Lan
đầy ý nghĩa



Thiệp

Phát hành tại:

CTY PHẬT NGỌC
40 Củ Lao, P.2, Q. PH
711 Lê Hồng Phong, Q.10
94 Phan Đình Phùng, Q. PH
Tel: 3990 3888



Cài áo

ẤN PHẨM MỚI

KINH VU LAN - BÁO HIẾU

Thiết kế mỹ thuật, rất tiện cho việc trì tụng và lưu giữ

* Kết tập các kinh văn Vu Lan và Báo Ân dịch nghĩa và dịch vần,
đầy đủ nghi thức hành trì có phụ lục "Ý nghĩa Vu Lan - Báo hiếu"

Liên hệ ấn tống:

TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

PHÒNG PHÁT HÀNH TRỰC TIẾP

380/1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: (08) 3848 3228 - 3848 3800
94 Phan Đình Phùng, P.2, Q. PH
Tel: (08) 3995 3888 - 0933 388 668

VĂN PHÒNG CHÍNH

(TẦNG TRỆT THIÊN VIỆN QUẢNG ĐỨC)
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: (08) 3846 9721 - 3848 3218
Email: toinanthpg@yahoo.com

PHÁT HÀNH



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI NHẠC HỘI

Vu Lan ĐỒNG VỌNG I

Duy nhất tại: SIÊU THỊ PHÁP HOA
Chùa Phổ Quang - 64/3 Phổ Quang, Tân Bình
Tel: (08) 3845 1828

ĐẶC BIỆT

VŨ NHẠC KỊCH MỤC LIÊN THANH ĐẾ

VỚI SỰ THAM GIA

ĐỖ LINH, CẨM VÂN, PHƯƠNG THẠNH, QUANG LINH, CẨM BÝ,
NGUYỄN VŨ, SỸ LUÂN, HÀ ANH TUẤN, THANH NGỌC,
DƯƠNG QUÂN, QUÁCH THUẬN, DUY NHƯM MỸ ...
MC: HỒ LƯU - QUỲNH GIANG



Cuộc sống đích thực

VNPT



www.hue.vnn.vn

Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông VIỆT NAM

VNPT Thừa Thiên Huế

ĐC: 8 Hoàng Hoa Thám, Thành phố Huế
Tel: 054.3824008 / 3834499 * Fax: 054.3823474



DIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH



INTERNET ADSL



DIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH KHÔNG DÂY



DIỆN THOẠI DI ĐỘNG VINAPHONE



INTERNET CÁP QUANG



TRUYỀN HÌNH INTERNET ĐỘ NÉT CAO

- Độ nét cao Full HD
- Kho phim truyện, ca nhạc khổng lồ
- Xem lại các chương trình truyền hình
- Nhiều tiện ích khác

DIỆN THOẠI HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG (MIỄN PHÍ)

- Báo hỏng dịch vụ viễn thông VNPT (ĐT cố định, Gphone, ADSL, FTTH, HueTV, MyTV...) : **119** (gọi từ ĐT cố định)
: **054119** (gọi từ di động)
- Đăng ký hòa mạng, hỗ trợ khách hàng : **3999999 / 3555555**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ Vinaphone : **18001091 / 9191**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ internet : **18001260 / 61 / 62**



VNPT Thừa Thiên Huế "Năng lực vượt trội, chất lượng bền vững"

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 136

Phát hành ngày 1 - 9 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
- Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIẾN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG